

Châu không lẽ lại có những văn thơ đùa dỡn, không đứng đắn như bài « Vịnh Kiều » này.

Đó là giả thuyết thứ nhất, mà chúng ta có thể cho là hoàn toàn sai. Còn giả thuyết thứ hai, có lẽ chính xác hơn, vì quê tôi ở Quảng Nam, tôi có nghe rõ vụ này.

Thuở ấy Ông Học-Hoàng (tên thật là Nguyễn-Hoàng) người Phủ Hà-Đông (phủ Hà-Đông tên cũ của Phủ Tam-kỳ, đến cuối đời Tự-Đức Phủ Hà-Đông mới đổi lại là Phủ Tam-Kỳ). Tam-kỳ thuộc tỉnh Quảng-Nam Trung-nguyên Trung-phần ngày nay.

Ông Học-Hoàng là một thư sinh, sinh bất phùng thời vào chế độ khoa cử xưa. Ông học rất giỏi nhưng thi mãi không đậu, có lẽ ông bất-đắc chí rồi sinh ra ngao mạn như Cao-bá-Quát thời Tự-Đức chăng?

Thuở ấy, ông Từ-bộ-Thiệp là Tổng-Đốc Quảng-Nam làm giám khảo trường thi.

Ông Học-Hoàng khi đi thi « Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ », vào trường ốc lại gặp chuyện không may là « Ậm ọc quan trường miệng thét loa ». Ông ta lại bị đánh hỏng luôn. Và cũng trong thời buổi ấy, ông Nguyễn-Hoàng cũng là một người có tâm hồn nghệ sĩ, có tư tưởng cách mạng. Ông ta thấy ông Phủ-Đạm cai trị phủ Tam kỳ (địa phương ông ở) ấy lại là « một cây hối lộ ».

Ông Học-Hoàng sẵn mối bất bình về cách lựa chọn nhân tài theo lối khoa cử xưa, thêm vào đó, nạn tham quan lại những làm cho dân tình ta thán cho nên Học-Hoàng bắt đầu rời cuộc, sáng tác bài thơ « Vịnh Kiều » trên. Mà trong đó có hai câu luận quan trọng, trong bài thơ Đường Luật ấy đề nói « xía » Tổng-Đốc Từ-Bộ-Thiệp và ông Phủ-Đạm.

« Nợ trước hẹn hò con dĩ ĐẠM

Duyên sau gặp gỡ bố cu TỪ... »

★ Tán thành một thái độ

(của cô Thanh Quới, Bến-tre)

... Tôn chỉ của Phở Thông như thế nào, tôi tưởng đọc giả bốn phương ở Toàn quốc, đều thấy rõ lắm rồi. Phở Thông đã ra trên 30 số, đem đến cho chúng tôi những món ăn tinh thần quý báu, và cái giá trị những bài trong Phở-Thông có ảnh hưởng sâu đậm và tốt đẹp trong trí óc của chúng tôi như thế nào, tôi tưởng không nói ai cũng biết. Chúng tôi đâu có cần đề ý đến những lời chỉ trích của kẻ tiểu-nhơn viết vớ vẩn, rõ ràng là có ý xuyên tạc và công kích ông với cái giọng hằn học của hạng con người ganh ghét. Đọc bài đó, chúng tôi thấy ngay cái dã tâm của họ. Chúng tôi đã viết thư gởi thẳng đến

(Xem tiếp trang 120)

PHỞ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307

BỘ MỚI SỐ 35 — 1-6-1960

1.— Yêu cầu Ô. Bộ Trưởng Q.G.G.D. lưu-ý. Nguyễn-Vỹ	7	—	9
2.— Văn thơ Phi-luật-Tân	Tân-Phong	10	— 14
3.— Hoàng-Diêu, chết cách nào ?	Võ-Bá-Hải	15	— 23
4.— Hát bội, những giọng phụ thuộc	Thân-Văn	24	— 30
5.— Thuyền di (Thơ)	Thanh-Nhung		31
6.— Di tích người Chăm	Nguyễn-Triệu	32	— 35
7.— Những ánh thơ hay.	Thâm-thệ-Hà	36	— 39
8.— Người bạn Đalạt (truyện-ngắn)	Hoàng-Thắng	40	— 46
9.— Con cá sấu	Phi-Nhạn	47	— 50
10.— Văn-sĩ thi-sĩ tiền chiến	Nguyễn-Vỹ	51	— 57
11.— Một phút lơ lăm (truyện ngắn)	T.L. Diệu-Mỹ	58	— 60

12.— Những cuộc tình duyên của Richard Wagner	Tân-Phong	61 — 68
13.— Tình trong bóng lúa (thơ)	Vũ-Hồ	69
14.— Những người đàn bà lừng danh	Tân-Phong	70 — 83
15.— Thế nào là thơ Mới và thơ Tự-do.	Phượng-Hải	84 — 89
16.— Tiếng dương cầm	Ngọc-Vũ	90 — 99
17.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	100 — 105
18.— Cô gái điên	Vi-huyền-Đắc	106 — 110
19.— Thơ lên Ruột	Diệu-Huyền	111 — 112
20.— Chuyện cà kê	Trọng-Tấu và Ba Tèo,	113 — 115
21.— Kiền Trinh (truyện dài)	Cô Vân-Nga	116 — 119
22.— Bạn đọc viết	P. T.	120
23.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền và Bạch-Yến	121 — 125
24.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.	126 — 130

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . . Cô Diệu-Huyền

★ Bản kẽm Nguyễn-Văn-Dầu

★ Bìa Offset Vạn Quốc

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiêu trích
đăng những bài trong tạp-chi PHỔ-THÔNG nhưng
yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chi PHỔ-THÔNG
và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin-phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

XÃ-LUẬN

CHÚNG TÔI YÊU - CẦU

Ô. Bộ - Trưởng Bộ Giáo-Dục
L u u - ý

★ NGUYỄN - VỸ

Với ý-chí xây-dựng một nền tảng Văn-hóa xứng đáng cho bạn
trẻ ta ngày nay.

Chúng tôi yêu-cầu ông Bộ-trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục
lưu-ý đến 2 điểm quan trọng sau đây :

Nhiều người ngạc-nhiên thấy vài năm nay số thí-sinh đỗ Trung
Đ.N.C. và Tú-Tài Việt-Nam rất ít. Trung-bình số đỗ Đ.N.C. được
40 0/o, số đỗ Tú-tài cũng không nhiều hơn. Tại sao ? Không lẽ tại
học sinh ta kém thông-minh, kém chăm-chỉ, kém khả năng học hỏi ?

Xét rõ nguyên nhân, căn-cứ trên tình trạng giáo-dục hiện tại, nhiều người nhận thấy tại vì nước ta hiện đang thiếu các trường Đại-học, và thiếu giáo-sư Đại-học, cho nên các cuộc thi Trung-học cần phải khó khăn, sự tuyển lựa những thí sinh có khả năng đầy đủ cần phải chặt chẽ, để sau này các bạn vào Đại-học mới theo kịp các chương-trình chuyên khoa. Ai cũng đồng ý về điểm đó, vì bằng cấp trung-học Đ.N.C. của ta phải có giá trị tương đương với Brevet Elémentaire của Pháp, và bằng cấp Tú Tài Việt cũng không được kém sút giá trị của Baccalauréat.

Tuy nhiên, chúng tôi xét thấy rằng số Thí-sinh đậu Tú-Tài dù có ít chẳng nữa, cũng không có đủ trường Đại-học để các bạn tú tài được tiếp tục hoàn thành học vấn của họ. Thanh niên ta rất ham học. Họ đang khao khát tiến lên mau chóng trình độ Đại học để khả năng của họ được điều kiện phát-triển đúng mức.

Vậy chúng tôi thiết tha đề-nghị Bộ Quốc-gia Giáo - dục hãy mở thêm các trường Đại-học. Cần phải mở nhiều trường Đại - học tương-đương với các trường Đại-học ngoại quốc, ở Đalat, Qui-nhon, Đà-nẵng, Biên hòa, Càn-thơ, Mỹ tho, Vĩnh long, Long xuyên, Hà tiên, v.v.. Ngay các trường Đại - học ở Saigon cũng cần phải mở rộng thêm nữa, để đủ chỗ tiếp đón sinh viên. Như thế, số sinh viên Tú-Tài không bị ối-động lại và việc học vấn của Thanh niên Việt-Nam được mở rộng cả trên bình diện chiều ngang và trên bình diện chiều dọc (*sur le plan horizontal aussi bien que sur le plan vertical*) (1) mà không bị trở ngại. Trường Trung-học công lập và Tư-thục mỗi ngày mọc lên như nấm, mà toàn quốc chỉ có vài ba trường Đại-học, thì làm sao mở rộng cửa trí-thức cho thế-hệ thanh-niên rất hiếu học và rất thông-minh tuấn-tú của Nước ta ngày nay ? Theo thiên-ý của chúng tôi, không nên dồn các đợt sóng học-sinh ào-ạt từ Tiểu-học lên đến Trung-học để rồi bị «kẹt» nơi ngã tư Tú-tài, không còn lối thoát. Mở thêm các trường Đại-học tức là mở con đường tiến thủ cho muôn ức vạn thanh-niên ham học vấn và nô-nức vượt lên các bậc Đại-học chuyên khoa.

(1) Theo công thức của Albert Sarraut nói về giáo dục ở Việt-Nam hồi sau Đệ nhất Thế-chiến.

Tại sao chương-trình Trung-học nặng về Khoa-học và toán, mà nhẹ về Sinh-ngữ ?

Theo thiên-kiến của chúng tôi, Trung học đã không phải là học chuyên-khoa, mà mục đích là chuẩn-bị cho học-sinh đủ khả-năng để theo đuổi đại học chuyên khoa, thì tất cả các môn trung học đều không nên nặng quá khả-năng căn-bản. Theo chỗ chúng tôi được biết thì ngay ở các nước Á-đông đang nỗ-lực mở-mang kỹ-nghệ, và chuyên về kỹ thuật máy móc, như Ấn-độ và Nhật-bồn, chương-trình Trung-học cũng không có tính-chất thiên hản về Khoa-học và Toán, như ở Việt-Nam. Trái lại, họ rất chú-trọng về khoa sinh-ngữ, và họ đã sáng suốt nhận thấy rằng về Khoa-học và Toán cũng cần phải học các sách chuyên-khoa của Âu-Tây, bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, hay tiếng Đức. Chương-trình trung-học của họ đã đào tạo được những khả năng căn bản vững-vàng về sinh-ngữ để sinh viên lên các lớp Đại học được theo rõi kịp thời các môn học chuyên khoa.

Những học sinh Trung-học của Ấn-độ, Nhật, Trung-Hoa ... (chỉ xin kể ba quốc gia gần gũi với Việt-Nam) đều khá giỏi về Anh ngữ, hoặc Pháp ngữ, Đức ngữ, cho nên lên Đại-học họ đã được chuẩn-bị khá đầy đủ về sinh ngữ để theo học các sách của các nhà Bác-học ngoại quốc, về lý-thuyết cũng như về kỹ-thuật chuyên môn.

Trái lại, chương-trình Trung-học ở Việt-Nam thì lại hạn-chế về Sinh-ngữ ; kết quả rõ rệt mà ai cũng thấy là đa số sinh-viên thi đỗ Tú-tài Việt-Nam vẫn chưa hiểu nổi một bài báo ngoại-ngữ, chưa nói được, chưa viết được thông-thạo một môn ngoại ngữ nào.

Ai lo cho tiền-đồ quốc gia mà không đau lòng trông thấy một số bạn trẻ thông-minh tuấn-tú, ham học, ham tiến bộ, chịu địa-vị thấp kém, không làm sao tiến lên được với thanh niên nước người.

N. V.

VĂN THƠ

PHI-LUẬT-TÂN

* TÂN PHONG

TRƯỚC khi người Y-pha-nho (Espanā) xâm-chiếm và đô hộ các đảo Phi-luật-Tân, xứ này chưa có một nền văn học xứng đáng. Thật ra, cũng đã có một số bản thảo chép trên một thứ giấy bằng lá dừa, nhưng hầu hết là một loại văn chương tôn-giáo gồm những bài ca bằng tiếng thổ dân để hát trong các cuộc vũ cúng tế các vị thần địa-phương trên Đảo.

Những người Y-pha-nho đầu tiên qua Phi-luật-Tân là những vị Cố đạo của Gia-Tô giáo. Theo sử sách của Phi-luật-Tân thì các vị này đốt hết những bản thảo Tagalog và bắt đầu dạy chữ Y-pha-nho cho dân bản xứ và truyền bá kinh sách của Gia tô giáo. Quyền sách

đầu tiên in tại Phi-luật-Tân, là quyển *Doctrina Christiana* (Đạo Chúa Trời) in trên gỗ năm 1593, bằng chữ Y-pha-nho. Năm 1610, FRANCISCO DE SAN JOSE xuất - bản vài quyển sách dạy tiếng Thổ ngữ Tagalog : *Arte y Reglas de la Lengua Tagala* (xuất bản tại Bataan) *Libro del Rosario*, và một quyển tự-vựng Tagalog chưa xuất-bản : *Vocabulario de la Lengua Tagala*. Bản-thảo quyền này hiện còn cất trong Thư viện Quốc-gia ở Paris.

Tuy nhiên thổ-ngữ Tagalog vẫn không được bành-trướng, và phần nhiều các sách Phi-luật-Tân từ thế-kỷ XVI đến thế-kỷ XIX đều viết bằng chữ Y-Pha-Nho. Chữ

VĂN THƠ PHI-LUẬT-TÂN

Y-pha-nho đối với Văn-học sử Phi-Luật-Tân cũng đóng vai trò tương-tợ như chữ Hán đối với Văn-học Việt-Nam từ thế-kỷ XI, XII đến đầu thế-kỷ XX vậy.

Có điều khác, là Văn-học Phi-Luật-Tân trong cả thời-gian ấy đều có tính chất tôn-giáo nhiều hơn, và các sách in ra đều bị kiểm-đuyệt trước : vì vậy mà Văn-học Phi-Luật-Tân dưới thời đô-hộ Y-Pha-Nho không được phong-phú. Trải qua mấy thế-kỷ, người ta chỉ còn ghi lại được vài ba tác-phẩm có đôi phần giá-trị thuần-túy bằng tiếng Tagalog. Nền kê tập thơ anh hùng ca *Hunhod* của một tác-giả vô-danh thuộc giống dân IFUGAOS ở Bắc đảo Luzon, và tập *Darangan* của giống dân MARANAWS ở đảo Mindanao. Hai tập thơ này hoàn - toàn không chịu ảnh - hưởng của Gia - Tô - giáo. Văn - chương Gia-Tô-giáo thì có quyển *Biag ni Lam-ang* (cuộc đời của Lam-ang), của người ILOCANOS ở miền Bắc đảo Luzon, và tập anh hùng ca *Ibalon* của giống người BICOLANOS ở miền Nam Luzon.

Hầu hết loại văn chương này đều ca ngợi cuộc phiêu lưu của những chàng thanh niên anh tuấn

tưởng tượng theo truyền ký, chứ không có thật, đại khái như chuyện *Thạch-Sanh*, *Phạm Công Cúc Hoa*, của Việt-Nam vậy.

Mãi đến giữa Thế kỷ XIX, mới có một nhà thơ xuất-sắc, tên là FRANCISCO BALAGTAS (1789-1862). Ông xuất bản được một quyển truyện bằng thơ, viết bằng chữ thổ ngữ Tagalog, đề là : *Plorante at Laura* (Plorante và Laura) một truyện tình na ná như truyện *Romeo and Juliet* của Anh. Ảnh hưởng của truyện này đối với dân chúng Phi-luật-Tân thì gần như NGUYỄN DU với dân chúng Việt - Nam, hay là FI É DÉRIC MISTRAL với người Provence bên Pháp. Mãi đến bây giờ, mặc dầu văn học Phi-luật Tân đã tiến triển mau lẹ từ đầu Thế kỷ XX, Francisco Balagtas vẫn được người Phi-luật Tân yêu chuộng như một bậc Thi-hào của dân tộc.

Kế-tiếp Balagtas, có Thi-sĩ CLEMENTE JOSE ZULUETA, với tập thơ AFECTOS A LA VIRGEN, viết bằng tiếng Y-pha-Nho, ca ngợi Bà Maria, ý-nghĩa cũng giống như bài « *Thánh Nữ đồng trinh Maria* » của HÀN-MẶC-TỬ. Nhưng Thi-sĩ được giới Thanh-

niên Phi-luật-Tân yêu chuộng nhất, là JOSE PALMA, với bài thơ *Filipinas*, ca ngợi cuộc tranh đấu cho Tự do và Độc-lập của dân chúng Phi trong thời cách mạng 1896-1900.

Chính bài này được dùng làm bản quốc-ca Phi-luật-Tân hiện giờ, lời của Thi-sĩ JOSE PALMA, nhạc của JULIAN FELIPE.



Thế kỷ XX, Văn-học Phi-luật-Tân bành-trướng mãnh-liệt hơn bao giờ hết. Có những nhà Thi-sĩ kiêm Văn-sĩ có tài xuất-sắc, như JOSE RIZAL, tác-giả truyện *Noli Me Tangere*, có thể dịch là "Ung nhọt của xã-hội", chỉ trích những tai-hại của xã-hội Phi-luật-Tân: dân thì mê-tín, quan thì ăn hối-lộ, lạm-dụng quyền thế áp-bức dân nghèo. Quyền *El Filibusterismo* cũng của Jose Rizal, (Đạt tham nhũng) cũng có ảnh hưởng rất lớn đối với chánh quyền lúc bấy giờ. (Hai quyền này đã được một nhà văn Mỹ, Charles Derbyshire, dịch ra tiếng Anh, đề là *Social Cancer*, và *The Reign of Greed*).

Các nhà Văn khác, như LOPEZ JAENA, MARCELO H.

DEL PILAR, MARIANO PONCE, chủ bút tờ báo *La Solidaridad*, đều thuộc về nhóm "Văn-sĩ xuất dương" sang ở bên Y-pha-nho, viết sách bằng tiếng Y-pha-Nho, đề tranh-dấu cho độc-lập và Tự-do của Phi-Luật-Tân.

Trong hồi Đệ-nhứt Thế-chiến, có Thi-sĩ APOSTOL với tập thơ *Crisalidas*, Thi-sĩ GUERRERO với tập thơ *Penteticas*, Thi-sĩ CLARO M. RECTO tác-giả quyền thơ *Bajo los Cocoteros* (Dưới bóng dừa xanh), và kịch ngắn *Solo entre las Sombras* (Một mình trong đêm tối) đã được dịch lại tiếng Tagalog năm 1954 và rất được công-chúng hoan nghênh.

Đó là thời kỳ Văn-chương Phi Luật-Tân thịnh-hành nhất,



Từ 1930, Văn-chương ấy bỗng dưng bị mất thăng-bằng, và gần như hấp-hối, vì ba nguyên-do lịch sử: 1^o) Vì người Y-pha-Nho đã bị người Mỹ đánh đuổi đi, và người Mỹ chiếm đóng Phi-luật-Tân, cho nên tiếng Y-pha-nho không còn được thông dụng nữa. Thế hệ văn sĩ có học chữ Y-pha-nho đã tàn.

2.— Thế hệ nhà văn dùng tiếng Mỹ không được công chúng đề ý đến vì tiếng Mỹ chưa được thông dụng.

3.— Hiện nay có phong-trào phục hưng tiếng Tagalog, là tiếng quốc-ngữ của Phi-luật-Tân, nhưng lớp văn sĩ Thi-sĩ viết bằng tiếng mẹ đẻ cũng không được hoan nghênh mấy, vì hai lý do trầm trọng: 1.— Tiếng Tagalog nghèo nàn quá, không được dồi dào phong phú lắm, không đủ đề bao quát được văn chương và tư-tưởng mới do ảnh hưởng văn hóa Âu-Mỹ quá mạnh mẽ và rộng lớn.

2.— Tiếng Tagalog cũng không được thống nhứt trong toàn cõi, vì Phi-luật-Tân, cũng như Nam-Dương, gồm có nhiều hòn đảo, mỗi đảo có một giống dân riêng với một thổ-ngữ riêng. Vì vậy, từ giữa tiền bán Thế kỷ XX, có thể nói từ 1930 đến nay, chỉ có ít nhà văn nhà thơ viết bằng Tagalog, như JUAN ABAD, AURELIO TOLENTINO, MATAPANG CRUZ viết một ít thơ và kịch bình dân. Đạo này, từ sau Đệ-nhị Thế-chiến, các nhà Văn ấy lại chuyên viết truyện ngắn theo lối Mỹ.

Hiện nay, tiếng Mỹ được thịnh-hành hơn và các Văn-sĩ Thi-sĩ Phi-luật-Tân bắt đầu viết bằng ngoại-ngữ ấy...

Nhà Văn TOM INGLIS MOORE đã diễn-tả phong-trào

ấy như sau: "There is no reason why a distinctive Filipino literature in English should not be developed, at once both truly English in expression and truly Filipino in sentiment..." (không có lý do gì mà một nền Văn-chương đặc-biệt của Phi-luật-Tân lại không có thể phát-triển được cùng một lúc với tình-cảm thuần-túy của người Phi, diễn đạt bằng tiếng nói thuần-túy của người Anh...).

Trong một số báo *Philippine Magazine* xuất-bản năm 1955, nhà văn Phi-luật-Tân, HARTENDORP có tóm-tắt trong một câu này, diễn tả thực trạng của Văn-chương Phi hiện-dại: "... the Filipino newspaper and magazine press gives constant evidence of the growing mastery of the English language by Filipino writers." (các tờ báo và các tạp chí Phi-luật-Tân đã cho ta thấy chứng cứ rõ ràng là các nhà văn Phi-luật-Tân đã dùng Anh ngữ làm thứ tiếng ưu-tiên của họ).

Chúng ta nên mừng rằng văn-chương Việt-nam ta không đến nỗi bị rơi vào trình độ "nhược-tiểu" ấy!

Đây là bài thơ FILIPINAS của Thi sĩ JOSE PALMA
(Letra para la Marcha Nacional Fillpina)

Tierrà adorada	Quê hương yêu dấu.
Hija del sol de Oriente	Con của Mặt trời phương Đông
Su fuego ardiente	Chiếu tia nắng hồng
En ti lat endo esta	Cho hồn ta nung nấu.
Patria de Amores,	Tổ quốc yêu thương
Del Heroismo cuna.	Của Anh hùng quý-mến
Los invasores	Lũ giặc tha phương
No te hallaran jamas	Không hề dám đến.
En tu azul cielo, en tus auras	Trời xanh nguy nga
En tus montes y en tu mar	Biên núi bao-la
Esplende y late el polma	Hồn ta rực-rỡ
De tu amada libertad.	Tự-do vang xa
Tu pabellon, que en las lides	Cờ bay phấp-phót
La victoria ilumino	Nhịp bước khải-hoàn,
No vera nunca apagados	Đất không đen tối
Sus estrellas y su sol,	Vì quân Lạo tàn.
Tierra de dichas, de sol y am- ores,	Quê hương yêu-dấu,
En tu regazo dulce es vivir.	Ta sống yên-vui
Es una gloria para tus hijos	Vẻ vang chiến-đấu,
Cuando te openden, por tí mo- rir !	Quyết chết vì người !

José PALMA

TÂN - PHONG dịch



HOÀNG - DIỆU

CHẾT CÁCH NÀO ?

* VÕ BÁ-HÀI

CUỐI năm Tân-tị (1881),
COURTIN và VILLE-
ROI được giấy phép thông-
hành sang Vân-Nam do chính

phủ Nam-triều cấp. Đến Lao-
Kay, bị « Giặc Cờ đen » của
Lưu - vinh - Phúc ngăn trở.
Thống - đốc LE MYRE DE
VILLERS gửi thư cho Pháp-
hoàng, báo nên thôn-tính Bắc-
kỳ bằng vũ-lực mới đem lại
nền an ninh.

Tháng hai năm Nhâm ngo (1882), thống đốc sai Đại-tá hải quân HENRI RIVIÈRE chuẩn bị đem thuyền chiến dàn mặt trận và đồng thời viết một lá thư cho triều-đình Huế đại khái có những điều như sau : « đất Bắc-kỳ loạn-lạc, luật nhà vua không ai theo. Người Pháp có giấy thông-hành của quan An-Nam cấp mà đi đến đâu cũng bị quân Trung-hoa ngăn-trở. Ở Huế thì quan An-Nam thất lễ với quan khâm - sứ RHEINART. Vậy bên nước Pháp phải dùng cách để bênh vực quyền lợi của người nước Pháp. »

Đại - tá HENRI RIVIÈRE đem hai chiếc tàu cùng một số quân sĩ đến Hải-phòng rồi dùng tàu nhỏ đến Hà-nội đóng trú tại Đồn-thủy.

Quan-tổng-đốc thành Hà-nội là HOÀNG - DIỆU sinh nghi trước những hành-động gây hấn của người Pháp. Một mặt ông sai quan tuần phủ HOÀNG - HỮU - XỨNG ra tiếp đãi tử-tế với quân Pháp, một mặt lo canh-thủ thành trì.

Đại-tá H. Rivière vào thành. Ông ta bắt-mãn trước sự chuẩn

bị của quân đội Việt Nam.

Năm giờ sáng ngày mồng 8 tháng 3 năm Nhâm-Ngo (1882) quan tổng-đốc tiếp được một tối hậu thư của H. Rivière buộc phải tức khắc giải binh, kỳ hạn chót là 8 giờ.

TÔN-THẤT-BÁ được cử ra thương-thuyết, nhưng chưa kịp tiếp-kiến thì dùng một tiếng, những phát đại bác nổi tiếp trả lời cho một thái-độ.

8 giờ 15 phút. Đã đến lúc giải quyết vấn đề, bằng máu lửa.

Cửa Bắc bị đánh phá dữ-dội, các đội thuyền *Massue*, *Hache* bắn trái phá, lửa cháy rợp trời.

Phía Tây Bắc, quân-đội Pháp hăng hái tấn công. Khắp mặt thành đều có mặt lính Pháp. Cửa thành bị phá.

Toán quân của Đại úy MAR-TIN và trung úy THESMAR dùng cốt mìn phá thủng một nơi hiểm yếu rồi tiến vào chiếm cứ vọng địch đài nơi cửa thành.

Những khẩu đại - bác 120 ly, 40 ly của chuyên-viên Pháp dưới sự điều khiển của RETROU-VEY và DEVITERNES đua nhau nhả đạn vào nội thành. Kho thuốc đạn trong thành Nam đã bị cháy !

Mười giờ 54 phút đội thuyền ngừng tiếng phá.

Hai mươi xác chết và 20 người bị thương đang oằn oại trên vũng máu ! Hàng ngũ chiến đấu tán loạn cả.

Mười một giờ, ngọn cờ tam sắc phất phơ trên trụ cột trước thành Hà Nội !

Tổng đốc HOÀNG - DIỆU khi ấy đang trấn cửa Bắc. Tình hình nguy ngập. Đầu chít khăn xanh, khoác áo the thâm, cùng các viên võ tướng về phía hành cung giữa đám tàn quân, ông nghen ngào truyền lệnh:

— Ai muốn về Kinh thì về, còn ai muốn đánh nữa thì lên Sơn-Tây hiệp với Hoàng Kế Viêm !

Mọi người cảm động đến rơi nước mắt !

Hoàng Diệu vào hành - cung quỳ lạy khóc lóc : « Sức của tôi đã hết ! »

Một giòng máu đỏ của vị anh hùng dân tộc ngập ngừng chảy ra từ một đầu ngón tay !

Dùng máu hồng ghi lên trang giấy bản « *Trần tình biểu* » gửi cho vua Tự-Đức. Bài đó nguyên văn bằng chữ Hán, theo lối tứ-lục. Chúng tôi xin trích nguyên

văn bản dịch của ông Hoàng-xuân Hân, như sau đây :

« Tôi, học vấn thô-sơ, ủy-dụng rất lớn. Được giao giữ một phương đất nước, gặp phải khi bờ cõi chưa yên. Một kiếp thư sinh, chưa từng quen lo biến sự ; mười năm thương ước, thế nào tin được địch tâm.

« Tôi từ khi chịu mệnh đến nay đã được ba năm. Huân luyện giáp binh, sửa sang thành trại. Ấy chẳng những lo toan củng cố cõi bờ mà cũng là phòng bị lòng chúng sai lang !

« Nào ngờ : tổ chim vừa rào, lòng thú gây biến. Tháng hai năm nay, bốn hỏa thuyền Phú (Pháp) về tụ tập, các đầu binh chúng thêm nhiều quân. Quân kia xa lại, lòng dân nôn nao. Tôi trộm nghĩ Hà-thành là đất cường hống của Bắc-kỳ, lại là khu yếu hại của bản quốc. Nếu một ngày tan tành như đất lở thì các tỉnh lân lượt mất như ngói bong. Tôi lấy làm lo. Khẩn tư các hạt, tâu lên triều đình. Xin cho thêm binh, may sớm kịp việc.

« Thế mà chiếu thư mấy lần ban xuống : Quở tội việc đem quân dọa dẫm, bắt tội tội chế ngự thất thời. Kinh đọc lời dạy, thấy rất nghiêm khắc. Quan dân thất vọng,

tiền thoái lương nan. Rất hay rằng
tự quyết không tài, há giữ nghĩa
đại phu ra cõi; đành tự lấy dạy
râu làm sợ, tự kính lòng cô nhân
thờ vua. Hằng ngày với một hai bạn
đồng liêu bàn nghị. Kề thì bảo
nên mở cửa, cho nó mặc ra vào, kề
thì bàn hãy triệt binh để nó
thôi nghỉ kỵ. Những việc như thế
thì dần phải tan xương nát thịt,
tôi không nở lòng làm.

« Thu xếp chưa quyết, nó đã
bội hòa. Ngày mồng bảy tháng này,
trước hạ chiến thư, ngày sau đánh
gặp. Quân giặc leo như đàn kiến,
súng giặc nổ như sấm rang. Ngoài
phủ cháy lan, trong thành khói mịt.
Mà tôi gượng bệnh ra sức đánh,
đi đầu trước quân binh. Bắn chết
hơn trăm, liều giữ nửa buổi.

« Nó đủ, ta kiệt; viện tuyệt
thể cùng. Vũ biến thì sợ giặc ma
chạy hàng đàn, văn thần thì ngóng
chờng mà tan cả lũ.

« Lòng tôi như cắt, một tay khôn
cầm. Tướng lược không tài, tự nghĩ
sống là vô ích: thành mất chẳng
cứu, ví bằng chết cũng chưa đến.
Đem thân định quyền sinh, không
thể học Tào Mạt hay dựa địch, treo
cổ đến trách nhiệm, chỉ mong theo
Trương Tuần chết giữ thành. Dám
đầu trung nghĩa gọi là, chỉ vì sự

thế bất buộc. Đất trung thổ trở
nên địch địa, sống thẹn cùng phường
nhân sĩ Bắc hà lòng cô trung thủy
với Long - Thành, chết mong theo
Nguyễn-tri-Phương dưới đất.

« Mấy hàng thuyết lệ, muôn
dặm quân môn. Nguyễn ánh sáng
nhật nguyệt soi tỏ tấm lòng son
của tôi mà thôi — Tự Đức thứ 35,
ngày mồng tám tháng tư ».

Sau bức thư dài đó, Hoàng-
Diệu dăm dăm đến bên cạnh Võ-
miếu (hay miếu công-thần) lấy
chiếc khăn nhiều màu lam thắt
vào cổ và treo trên một cây ôi
để tự kết-liếu cuộc đời một
vô tương.

Xác ông được tạm chôn nơi
đó và về sau các thân-hào ghi
nhớ công-lao của vị đông-tướng
mới đưa di-hài tổng táng tại
phía sau nhà Học-đường.

Trước cái chết thể - tâm
thương-tâm của một anh-hùng,
quần - chúng không khỏi xúc
động bồi-hồi dâng lên tiếng lòng
thôn-thức. Trong bài « chính
khí ca » của tác-giả vô danh đã
nói lên được một đoạn sử của
Hoàng-Diệu. Đây, ta hãy đọc
một đoạn Chính khí ca :

... Một cơn gió thảm mưa sầu,
Nấu nung gan sắt, dãi dẫu lòng
son.

Chức trung còn chút con con,
Quyết đem gởi cái tàn hồn gốc cây.
Trời cao biển rộng đất đầy.

Núi Nùng, sông Nhị, chôn này làm
ghi.

Thương thay gặp buổi truân nguy
Lòng riêng ai chẳng thương vì lòng
trung.

Rũ nhau tiền góp của chung,
Đem người lên táng ở trong Học-
Đường.

Đau đớn nhẽ ! ngán ngơ đường !
Ta toi thành quách, tôi tàn cỏ hoa.

HOÀNG-DIỆU, người tỉnh
Quảng-Nam (Trung-Việt), đỗ
Phổ-bằng, có tiếng là thanh-
liêm ngay thẳng. Đối với tánh
tình thẳng-thần đó của ông,
nhiều bạn đồng-liêu ganh-tị cố
tìm cách trăn ông nơi Hà-thành
hiếm yếu để « thủ tiêu ».

Ông vẫn vui cười lãnh trách
vụ ra đi, một gánh nặng mang
vào vai. Khổ một nỗi là không
làm theo ý trào đình thì nhà
Vua quá mắng. Nếu có việc gì
biến thì trào đình lại nghi ngờ
việc phủ-đoán của ông. Cả một
vấn-đề nan giải !

Những người lính trong đám
tàn quân chạy về quê có kể
chuyện rằng : « Trong khi đánh
nhau, đề-đốc thấy quan Nam sủng

quá xấu, bèn xin với ông Hoàng-
Diệu cho mở cửa Đông, lạng lẽ
sai 300 viên củ vôi đi tắt lên phố
hàng Than đổ lại đánh tập hậu
quân Pháp. Song ông không
nghe vì lo khi cửa thành vừa mở,
quân Pháp áp vào lấy thành thì
sẽ trả lời thế nào với triều đình
được ? »

Những lúc hăng say chống
giữ thành trì, một mình trên con
tuần mã hiên ngang tuần tiểu
trên mặt thành cố chờ một viên
dạn nhưng từ tên lính này đến
tên lính khác ngả gục, ông vẫn
trơ trơ !

Cái chết của Hoàng Diệu là cả
một việc làm lỗi của những nhà
nắm vận mạng quốc-gia, ý-nghĩ
nông cạn của trào-dình và thiên
kiến của đình - thần đã tạo nên
cảnh thảm hại đưa đến cái chết
của Hoàng-Diệu.

Đối với chủ-dịch bo-bo thủ-
cự của triều-dình không đem
lại một lợi ích nào mà tự gieo
cho mình một mối hiểm-họa.
Những nhà tân-học tiên-bộ lúc
bấy giờ như Phạm-phú-Thứ,
Nguyễn-trường-Tộ dâng lên
nhà vua những bản điều-trần
canh-tân quốc gia, nhưng vô-
ích, tầm thấy ở đáy giếng
cũng vẫn là hình thức của

miếng giặc mà thôi !

Đây, những tai hại của óc bảo-thủ :

— Dùng giặc cò đen, nuôi ong trong tay áo để chúng gây khổ khắp dân gian và càng làm cho nội-tình Việt - Nam thêm suy-vi.

— Luôn luôn phải biết mình, biết người, điều đó mới là mục tiêu thực-thể nhất. Nhưng, triều đình ta, vẫn cò-hủ mù-quáng. Từ ngày đó đốc Rigault de Genouilly đánh Tourane, chiếm An-hải và Điện hải, chúng ta cũng đã thừa biết lực-lượng người mạnh thế nào, sao lại ích-kỷ tự-đại lấy trứng chọi đá. Tình trạng cấm đạo không đem lại lợi ích gì mà chỉ gây rối-rang thôi !

Không một ai ngăn nổi cái buồn cười khi nhìn thấy cái hủ bại của bọn sĩ phu a dua theo óc thủ cựu của nhà vua. Quân Pháp trả lại 4 tỉnh Bắc-kỳ cho triều đình ta, bằng chứng đó đã làm cho một số đình thần đặc-chí, một bài biểu mà chúng tôi theo tài liệu của Ông Hoa-Bằng xin trích một đoạn sau đây cũng đủ cho ta thấy cái « hoan hỉ » của tất cả triều đình :

« *Chỉ nhưn vô địch, bắt lao phạt
áp chi sự* »

« *Khoan đức hữu dung ; tiên đắc
cùng tâm chi sách* »

(Người nhưn ai địch nổi ? chẳng cần đánh áp nhọc đem quân. Đức tốt lòng rộng dung : chiếm được trái tim là tuyệt mẹo).

Nhân đạo chỉ đối với những kẻ có tinh thần nhân-đạo mà thôi chứ không làm một phương sách hữu hiệu chống đối với súng đạn kẻ xâm lăng.

Ngày 20-11-1873 khi Francis Garnier triệt hạ thành Hà-Nội, thì một nạn nhân của chế độ dù kiệt sức đấu tranh nhưng phải gục theo sự sụp đổ thành trì. FRANCIS GARNIER và trung-úy BALMY d'HA-VRICOURT chết dưới tay giặc cò đen ! một tình trạng nguy-khẩn dồn-dập trên lãnh thổ.

PHILASTRE và NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG được sự ủy-nhiệm của hai chính-phủ Pháp — Việt ký hòa-ước ngày 15/3/1874. Theo đó, người Pháp được đặt lãnh-sự tại Huế, Hà-nội, Hải-phòng, thừa nhận chủ-quyền của dân Nam, hứa giúp đỡ về trị-an, lại xóa bỏ cả

nợ chiến tranh quá nặng-nề còn thiếu từ năm 1862. Pháp lại tăng thêm cho Nam-triều 5 tàu chiến, 2000 khẩu súng và nhiều quân-nhụ.

Nam-triều không hề ký một điều ước nào với các nước ngoại-quốc khác để đáp lại thành-tình của Pháp-triều, thừa nhận chủ-quyền của Pháp ở 6 tỉnh Nam-kỳ và cho tự-do giảng đạo.

Đây là những sơ-điểm của lịch-sử 10 năm trước thời tổng-đốc Hoàng-Diệu. Chúng tôi xin nhường lời lại cho ông Hoa-Bằng nhận xét thời cuộc đó : « Mười năm ! cái thời gian đó không phải là ngắn. Trong khoảng thời gian đó các nhà đượng cuộc nước ta làm chi ? Vua ngâm thơ ! Bầy tôi dâng biểu ! Phải thật đấy, câu đó có thể tóm tắt dạng công việc của triều đình lúc bấy giờ. Khoanh tay đứng trước mọi dịp tốt, rồi, với cặp mắt « ngờ ngáo » người ta nhìn các sự biến xảy ra hoài hoài. Vả, vì lòng ngờ sợ và cách vụng về, mỗi cái cử động của Nam triều hồi đó là một nhát dao cứa cho đứt cái dây thân thiện giữa Pháp Nam ».

Triều đình ta lại nhờ sự giúp đỡ của các nước khác. Hành-động đó rất chương mắt và làm cho người Pháp nghi ngại. Việc cấm đạo trong nước lại trở nên tình trạng gât gao cũ. Ta hãy đọc qua bức thư của thống-đốc Nam-kỳ, ông Le Myre de Villers gửi cho nhà vua cảnh cáo :

« *Tâu Hoàng-đế, xin Ngài biết cho rằng tôi đây chan chứa cảm tình đối với Ngài. Tôi là một người ưa hòa bình. Cho nên từ hai năm nay, tôi vẫn hết sức giữ gìn tình thân thiện giữa hai nước Pháp, Nam mà cái tình đó, tôi tưởng là cần thiết cho quyền lợi của hai nước. Vậy xin Ngài chớ hiểu lầm lời cảnh cáo này và lượng tâm tôi phải bắt tôi trình bày cùng Ngài.* »

« *Tâu Hoàng-đế, người ta dẫn trào-đại nhà vua đến bước suy vong, những luật pháp họ chẳng hề thi-hành, khắp nơi giặc giả rối loạn lung tung. Dân đen bị áp bách bởi những kẻ mà bọn phạm họ là phải che chở cho chúng. Tài nguyên trong nước khó cạn, cảnh nghèo tràn khắp cả dân gian. Ở Bắc kỳ mấy nhà du khách Pháp có giấy thông hành hẳn hoi cũng bị đánh đập bởi tự* »

ăn cướp ra mặt là bọn quân Tàu mà Ngài đã muốn đến nổi một người Pháp phải bị thương, quan quyền sở tại không đủ sức bảo hộ cho công dân chúng tôi.

« Chính ở Huế, đại biểu nước Pháp bị nhục đãi, thế mà phải những 12 ngày và phải đến ngày can thiệp nữa rồi mới được đến bồi tạm gọi như ý.

« Lưu Vĩnh Phúc trùm tụi giặc Khách, giữa đường ngăn trở M. De Champeaux lãnh sự ở Hải phòng và M. Fuchs chánh kỹ sư mỏ, không cho đi nữa và hăm dọa hai ông ấy đủ điều.

« Chánh phủ dân quốc Pháp không thể để tình hình như thế mãi, và tôi rất lấy làm tiếc vì buộc phải dự bị phương pháp để giữ trị-an cho công dân chúng tôi.

« Song, tôi xin nhắc lại đề Ngài rõ, nước Pháp không muốn chiến tranh và chỉ khi nào cần bắt buộc, chúng tôi mới tìm phương cứu vãn bằng võ lực.

« Núi tóm, tôi sẽ đối phó tùy theo cách cư xử của chánh phủ An-Nam tại Bắc kỳ ».

Triều đình vẫn không có một thái độ nào hòa điệu để giải quyết tình hình.

Đây, bức thư của chính-phủ

Pháp giao phó trọng mạng cho H. Rivière :

« Bằng cách chánh trị hòa bình và cai trị, chúng ta sẽ mở mang và làm cho vững chắc thế lực mình ở Trung Bắc-kỳ.

« Vậy khi nào gặp trường hợp cần dùng đặc biệt, thì ông hãy dùng đến võ lực, song tôi chắc ở tánh cẩn thận của ông để tránh sự khó khăn xảy ra đó. Lỡ khi gặp quân Tàu của nhà vua, xin ông cẩn thận tránh cuộc xung đột.

(C'est politiquement, administrativement, pacifiquement, que nous devons étendre et affirmer notre influence au Tonkin et en An-Nam. Vous devez donc n'avoir recours à la force qu'en cas d'absolue nécessité et je compte sur votre prudence pour éviter cette éventualité peu probable d'ailleurs.

Dans le cas peu probable où vous rencontreriez des troupes impériales chinoises, vous éviteriez soigneusement un conflit...) (1)

Tình hình chánh-trị tuần-tự xảy ra và hiểm họa của nó đều do óc thiên-cận của trào-đình

(1) Theo « Tân Văn »

cả. Theo sát biến-c huyển lịch-sử chắc ta cũng một phần nào phân định được sự có mặt lâu dài của Pháp ở Đông-Dương, và ta tự tìm một ánh sáng thời cuộc...

« Biết cơ trước vẫn giữ gìn

« Ba trăm võ sĩ, năm nghìn tinh binh

Đó là cơ-lực phòng bị của tổng đốc Hoàng-Diệu nơi Hà-nội thành. Trước sức tấn công của quân Pháp, lòng dân nao nao, ông gửi thư xin binh thêm ở triều đình Huế. Triều đình trách tội chống giữ không nhằm cách !

Một lực lượng đại qui mô áp đảo vũ bão lên Hà - thành !!!

Cái chết của Hoàng Diệu đánh dấu một khúc quanh lịch sử. Có ai biết được nỗi lòng u uất của họ Hoàng. Có chăng chỉ hồn núi sông ghi nhận công lao và đoàn hậu thế đoái thương người dùng tướng.

Cái cổ treo thành Hà nội ! Hoàng-Diệu Trước giờ tắt thở, bao giờ những kẻ ngạt nước,

thất cổ cũng hình dung rõ cảnh đời quá khứ. Và, có lẽ Hoàng-Diệu ngẹn ngào nghĩ lại hiện-trạng một nước Việt-Nam nhỏ bé thủ cựu, nghĩ đến hận tình chôn sâu, Hoàng Diệu đã thương xót nhiều đến tiền đồ tổ quốc và đã rơi lệ rất nhiều !

Lòng cảm cựu tri ân, bạn đồng liêu nghĩ sao giờ lâm chung liệt tướng ?

Chúng tôi xin trích ra đây một vài đoạn phúng điệu của các võ tướng văn - nhân thời bấy giờ.

— « Gặp cuộc đời hùng mớ khó khăn ; nước cũ non sông thương 10 năm lại.

« Buộc đạo người trong một cái chết : tôi coi tâm-sự tỏ nghìn thu sau ».

LÊ-KHÁI

(Án sát Hải Dương)

— « Người cũ chẳng biết đau, bốn biển chín châu đồn nghĩa liệt.

« Nước nhà còn nhớ mãi, mười năm hai lượt khốc anh hùng ».

TÔN-THẤT-THUYẾT





Hát Bội

★ THÂN-VĂN
NGUYỄN-VĂN-QUÝ

CÁC GIỌNG PHỤ THUỘC

Trong tạp chí Phở-Thông, chúng tôi đã có lần dẫn-giải các giọng hát chánh trên sân-khấu cổ-truyền mà mỗi khi xem hát khán-giả đều nghe : lối xuân, lối ai, nam xuân, nam ai, thân, oán, khách thì, khách phú, khách sầu, khách hôn, ngắm, xướng, bạch.

Tiếp theo các giọng nói trên, nay xin kể những giọng phụ-thuộc, mà một đôi khi, chớ không có thường, được nghe trên trường hát-bội :

— Quân ban — Hành-binh hầy là bắt bài — Bài phường (kêu cơm) — Lý quân canh — Lý đào điên — Lý con sáo — Lý mọt — Há giao-duyên — Ru con — Đọc thần chú — Bài dựng tào — Bài đòn — Bài hát thề Bội.

QUÂN BAN.— Xuất quân đánh giặc là có điệu « quân ban ». Quân-ban là sao ? Quân là binh-lính, ban là công-bổ, nói rõ cho biết mục đích xuất quân của mình. Ra binh phải có lý-do, cho nên bài quân-ban công-bổ lý do xuất binh.

Ví dụ : trong tuồng Trưng-nữ-Vương, hai bà ra binh

đánh Tô-Định là có ý-nghĩa phục lại nghiệp Hùng và trả thù cho Thi-Sách.

Nữ-binh cầm cờ đứng bên phía cửa «nhập» (hay cửa Từ) vừa phát cờ, vừa ban.

Màn hát-bội có hai cửa : xuất và nhập, cũng kêu ngoài là cửa sanh cửa tử. Đứng theo hàng khán-giả ngó lên, bên

tay trái đề «Tướng xuất», bên tay phải đề «Tướng nhập». Hồi xưa hát rất có qui-cũ, ra tuồng thì ra bên xuất. Đánh giặc, tướng thua ra bên nhập, tướng thắng ra bên xuất.

Ngày nay trên sân-khấu hát-bội, thấy không còn lệ ấy, ra vô cầu-thả.

Trở lại điệu quân ban, nữ-binh hai bà Trưng ban như vậy :

Trung-can huyền nhựt nguyệt,
nhựt nguyệt,

Nghĩa khí quán can khôn, can khôn.

Phục trùng quang Giao-Chi,
Giao-Chi,

Sát Tô-Định bạo tàn, bạo tàn...

(Sau mỗi câu đều có trống điểm)

HÀNH BINH.— Điệu Hành binh tiếp theo điệu Quân-ban. Cũng gọi là « Bắt bài », lại có thể gọi là «Hành-khúc», vì các tướng - sĩ cùng rập hát lúc đi ra trận. Vai chánh khởi xướng rồi các vai phụ đồng họa, có kèn đưa hơi.

Điệu «Hành-khúc» có từ đời Chiến-quốc, do nơi Quân-Trọng đặt ra. Tích vua Tề là Vô-Tri bị giết, để ngôi lại cho

hai anh em : công - tử Tiểu Bạch và công - tử Củ. Tiểu Bạch lên ngôi xưng là Tề-hoàn. Công, còn công-tử Củ trốn ra ngoài, sang ngụ nước Lỗ. Bảo-thúc-Nha là bề-tôi trọng-dụng của Tề-hoàn-Công, tâu rằng vua muốn nên nghiệp bá thì phải dùng Quản-di-Ngô tự Quân-Trọng, nhưng lúc bấy giờ Quân-Trọng lại làm tôi cho công-tử Củ ở nước Lỗ. Bảo-thúc-Nha bèn hiến kế cho vua Tề, viết thư qua Lỗ nói rằng căm thù Quân-Trọng đã bán mình khi trước, xin giao cho để trị tội. Vua Lỗ sợ oai Tề, cho giải Quân-Trọng về nạp Tề.

Quân-Trọng ngồi trong tù xa, biết Tề muốn dùng mình và sợ Lỗ thâu được mưu Tề cho quân đuổi theo bắt lại, mới nghĩ cách làm cho quân đi mau, đặt ra bài ca «Hoàng học», dạy cho xa-phu hát. Xa-phu vừa đẩy tù-xa, vừa hát, giọng nghe vui tai, quên nhọc-nhàn, đi mau lắm, về tới nước Tề bình an.

Trong điệu bắt-bài, vai chánh đứng giữa, xướng lên. Ví dụ : (Lưu-kim-Định điều binh) :

Nữ-binh, y ngã lĩnh à...

XUỐNG.— Vạn đội hùng
bình...

ĐỒNG BẮT BÀI.— Khó
mã đă, khoái phúc sấm thương kỳ
Phục xâm tẩu như phi
Bôn ba đồng được kể oai hô hàm
cao lộ

Mã đê thiên san hề khinh khinh
tẩu

Phạt mộc gia tranh tẩu vạn lý
túc mã đê

Luồng hàn hủ hổ bộ lâm-liệt hề

Nhiệm khu trì bá thiết giáp

Đang đang xuất kỳ binh

Lâm lâm kỳ trận lạng lạng

(hai lần) (1)

Tiếp theo bắt-bài, hát một câu
khách tẩu, hay thi, phú, tùy nơi
cách dứt bài. Thường trên sân-
khẩu cổ-truyền nghệ-sĩ hay hát
câu thông-dụng này :

Hiệp lực đang sơn cầm mãnh hổ,
Đồng tâm quá hải đoạt thừa
lưỡng.

BÀI PHƯỜNG.— Chữ
« Phường » là phố phường.
Kẻ hành khất đi xin ăn trong
phố kêu là bọn « nậu phường »
hay « quân phường » nghĩa là
quân giữ thói ăn mày, có ý lấy
của xin được mà cúng cho cha
mẹ gọi là không cải nghiệp ông

cha. Nậu là ở đơ, ăn bận rách
rưới (Đại nam quốc-âm Tự-vị
Huỳnh-tĩnh Cửa).

Gốc tích lối Phường.— Theo
sách « Vũ - Trung tùy-lút » lối
hát Phường Chèo xuất - hiện tự
đời Trần. Đời ấy, khi có quốc-
tang, dân sự phổ phường hay
xúm-xít chung quanh quan tài để
xem, làm cho chật nít cả điện-
đình. Những người trong đám
mới bắt chước theo lối văn-ca
(câu ca đạo hò, hò với nhau
trong lúc khiêng quan-tài đi
chôn), đặt ra một lối hát song-
ngâm, rồi sai quân lính đi hát
diều (hát rêu) ở quanh đường
phố để dân chúng xúm lại xem
cho đám táng được rảnh mà
phát dẫn. Đời sau người ta
bắt chước lối hát văn, mỗi
năm đến rằm tháng bảy, những
tang-gia mời phường hát đến hát
để giúp lễ tế ngu tục gọi là :
« Phường-chèo-bội ».

Khoản năm Cảnh - Hưng,
những phường hát-bội mới
pha thêm lối tuồng mà đặt
thành lối hát chèo ở hí-trường.

(1)— Bài này chép theo khân
truyền của nghệ-sĩ không biết bản
chánh như thế nào ?

Bài Phường có hai điệu văn :

— điệu văn văn

— điệu văn thi.

Trong hai điệu, điệu nào
cũng nêu bằng lối « kêu com »
của người hành - khất kêu
trong đêm rằm, rồi qua câu
chánh phường kể sang qua nam-ai
hay nam-xuân.

ĐIỆU VĂN VĂN.— Nói
lối kêu com :

Lay ông đi qua, lay bà đi lại,
Làm doan gặp doan, làm phước

Bổ thí cho kẻ bần nhưn đồng
tiền hạt gạo,

Bỏ ông bà cha mẹ ơi...

PHƯỜNG.— Chối hài gai,
ty trần ai,

Tay nương con gậy, lưng quảy
răng gai,

Học đạo Như-Lai, lánh miền
trần tục

Cảnh thú-lãnh thung-thăng,

Buổi gió trăng, hương thanh nhàn

Qua Nam xuân (hay là nam-
ai tùy người)

Thanh nhàn đồ ai rõ thấu,

Mấy hành-tàng chớ lậu cơ-quan

Kẻ qua người lại nhộn-nhàn,

Lòng ta ta biết, dạ chàng chàng
hay.

Màng lần dặm liễu ngàn mai,
Xa nơi Yên-Địa gần rày Ngụy
bang,

Điệu văn thi.— Nêu lối kêu
com y như trên. Qua Phường
bằng hai câu thi :

PHƯỜNG.— Bần khổ nào ai
có xót thương

Than thân khóc tủi nỗi đoạn
trường...

QUA NAM AI.— Nỗi đoạn
trường, chàng than thiếp thờ

Bước phong-trần dẫu đỡ lấy nhan.

PHƯỜNG.— Kia hỡi thiên
cao chẳng thấy sao ?

Gian-truân xiết nỗi nhỏ lụy sầu...

QUA NAM AI.— Nhỏ lụy
sầu, lòng ta ta biết,

Quân chi mình đáp tuyết đàm
sương.

PHƯỜNG.— Chìm bể trần-
ai tắm tuyết sương,

Than thân, khóc tủi nỗi đoạn
trường...

QUA NAM AI.— Nỗi đoạn
trường, chàng đi theo nước,

Thiếp theo chàng, nghĩa trước
tình sau.

Theo điệu bát bội, một
người phường, một người
tiếp nam. Và nên để ý : trong



điệu phường
văn văn thì lối
nam dùng thể
lục - bát, mà
trong điệu
phường văn thì
thì lối nam dùng thể song thất.

LÝ QUÂN CANH.— Ngày
xưa, trên sân khấu cổ truyền,
tuồng hát thường kéo dài tới
sáng, cho nên những tuồng
chờ xen những lớp giễu đánh
thức khán-giả.

Quân canh đêm khuya mỗi
mòn, canh chầy buồn ngủ;
lý hát cho đỡ buồn. Giọng
Lý-quân-canh tương-tợ như
ngâm Kiều mà vui hơn và có
gối đầu mấy chữ « ồ ý a » :

Ồ ý a... Văng quan dăm hồi
cô hầu.

Vú cao (mà) ăn với canh trầu
được chăng?

Ồ ý a... Thuyền dọc tôi trải
chiếu ngang,

Để em nằm giữa (ý mà quên) để
quan nằm giữa, ý a, ý a đôi
nàng đôi bên,

Bài diên.— Bài diên có mấy
câu nêu, hoặc viết văn thường,
hoặc hai câu thi, hoặc một bài
tứ tuyệt. Rồi kể là vô bài hát
nhịp một viết theo thể lục-bát.

1.— **Bài diên văn thường**—
(rút trong tuồng Mao-y Thần-
cung) Nếu (lối văn thường):
Vui quá lắm, vui quá lắm!

Đề tao chơi, đề tao chơi...
Kìa ngựa xe như nước, nọ quần
áo như nêm,

Bớ bây ơi, bớ bây ơi!
Đợi tao với, đợi tao với...

Mở bài (lối văn văn)
Số là : nhơn tình lãnh oán
Con tạo vẫn xây (bởi vậy
cho nên)

Duyên đã may có sao lại rủ,
Tưởng nguồn cơn độ-dối sao
đang,

Tao với hỏi chị Hằng,
Sao mà chị cứ không rằng không
rằng

Làm cho tao đây buồn tình,
buồn nợ, buồn duyên lỡ-làng
Chàng chàng ôi...

Bớ bây ôi, Hằng-nga chỉ nói
với tao làm vậy...

Vô bài (thể lục bát)
Ông trời ghét khách hương-
nhân,

Khiến thiệp xa chàng, chịu cảnh
gian-truân.

Cho đầu sớm Sở, chiều Tần
Đã mang cái đọa phong-trần
phải theo,

Lên non rồi lại xuống đèo,
Quần chi thân gái phận bèo linh-
đỉnh.

(lập hai lần để diết bài)
Trên sân-khấu hát-bội, khán
giả thường nghe bài diên sau
đây, thể văn như trên :

NÊU : Kìa ma trên trước cửa,
nọ quí lộng sau hè.

Bớ bây ơi, bớ bây ơi, tao sợ
lắm, tao sợ lắm...

MỞ BÀI : Số là : cha về âm-
cảnh, mẹ lại diêm-quan.

Bởi vậy cho nên khóc lại than,
than rồi lại tủi,

Con đang lác-lẽo quanh co,

Đầy đủ đến giang đò, sao chẳng
thấy con đò, đò đưa

Làm cho tôi càng chờ, càng đợi,
càng trưa buổi đò

Đò đò ôi!

Bớ bây ôi, con đò nó nói với tao
làm vậy :

VÔ BÀI : Một mình thơ-thần
đêm đông,

Phải điệu vợ chồng bạn khá nghe
anh.

Hỏi thăm khách cũ bộ hành
Đang đi Phan-thiết Bắc-thành
bao xa?

Con đò (bạn) chớ có dằn-dà,

Bậu lo khách bậu, qua chờ bạn
qua...

1.— **Bài diên điệu thi** :
NÊU : (hai câu thi)

Thanh phong thủy tú bạch
vân phi,

Sơn thượng huê khai mãn
cập thì...

VÔ BÀI : (thể lục bát)
Ong bay bướm lượn trên nhành
Đến khi hoa nở tan-tành bông
mai.

Chữ rằng : xuân bất tái lai,
Nào ai có tưởng vẫn lai chi
mình.

Nghĩ tình mà thẹn cho tình,
Tình ôi có biết mấy năm sự
tình...

3.— **BÀI DIÊN** : nêu bằng một
bài thi tứ cú, rồi vô bài, sau
mỗi đoạn bài qua một câu nam.

Một ví dụ (rút trong tuồng
Mao-y Thần-cung)

NÊU (bài tứ cú) :

Sầu tình lan huệ đã phai màu
Do bởi vì ai khiến dãi-dầu?

Lan huệ buồn duyên lan huệ héo
Sông Tương mờ chử biết về
dầu?

VÔ BÀI.— Buồn duyên trời
khúc Phụng-cầu

Ai người, tình tang nôn tình,
bạc nghĩa đề sầu cho tôi

Xin nhớ ngày chia tay đổ lụy,
Trách ai đành rẽ thúy, chia
quyên.

Còn đâu là nghĩa là duyên,
Chỉ to (tình tang nôn tình) vội
đứt cho điên đảo lòng

QUA NAM AI.— Đào-diên,
điên-đảo vợ chồng,
Lọt phai duyên cũ, mặt nồng
tân hoan.

VÔ BÀI.— Sao đành tham đó
bỏ dặng,

Học đòi, tình tang nôn tình,
những kẻ chơi trăng quên đèn.

QUA NAM AI.— Lời thề

sông núi còn rền

Dư âm chưa dứt, hương nguyên
vội phai.

DỨT BÀI.— Vương chi hát
chữ sắc tài,

Phong-trần, tình tang nôn tình,
phải chịu, đọa-đày phải mang.

LÝ CON SÁO.— Để hát
giúp vui trong tiệc rượu do bọn
thê-nữ lý.

Ai đem con sáo qua sông (kìa
kìa kìa kìa kìa kìa).

Cho nên con sáo sỏ lông, sỏ lông
bay xa (kìa kìa kìa kìa kìa kìa).
(Còn nữa).



ĐANH NGÔN : NGƯỜI VỢ TRUNG THÀNH

Người vợ trung thành là người vợ chỉ cầu-xé suốt đời một
người chồng thôi.

(La femme fidèle est la femme qui s'acharne sur un seul homme.)

Jean Rigaux (Văn-sĩ Pháp)

Thuyền đi

Thuyền ai đấy? Xuôi về đâu thế nhỉ?
Luyến lưu hoài trên sóng nước lênh đênh?
Xin ghé lại. Nơi đây sâu nạm lệ
Mơ làm sao đi cuối bãi, đầu ghềnh.

Hồn thiếu nữ đã muôn vàn tắm tới:
Một tia đời như lửa xoáy vào tim
Đem tan nát cho triều mơ diệu-vợi
Tôi cười vang — không dám khóc — im lìm.

Tôi hoảng hốt rời kinh-thành cát bụi
Mà kiêu sang ngùn ngụt chiếm tâm hồn
Tôi sợ quá nên xa miền tội lỗi
Đến nơi này bằng tất cả cô đơn.

Là già biệt những quay cuồng điên dại
Tôi vội về cùng cát trắng dứa xanh
Hồn sa-mạc bỗng càng thêm trống trải
Vẫn hoài nghi không thấy một Chân Thành

Rặng thù dương vẫn âm thầm u ất
Ray rút buồn như buổi mới ly tan
Từ sâu kín của linh hồn thồn thức
Tôi vừa nghe một tiếng thét kinh hoàng

Thuyền ai đấy? Xuôi về đâu thế nhỉ?
Ngừng đi thôi, khoan lướt gió lênh đênh
Chờ tôi trút sầu thương, rồi hãy đi
Cho tôi theo dù cuối bãi, đầu ghềnh.

THANH-NHUNG

Di tích người Chăm

NGƯỜI Hời, người Cham hay người Chăm mà ta thường nghe thấy xưa nay, là dân tộc một nước nhỏ có quốc hiệu là Hồ tôn, Lâm ấp hoặc Chiêm thành ở phía Nam quận Giao-chỉ, gốc tích Mã-lai, theo chính trị cùng tôn giáo của Ấn-Độ và lập-quốc từ hồi đệ-nhi, đệ-tam thế kỷ. Dân tộc này xưa kia thường có tính hung dữ, hay đi cướp phá các nước lân bang và đã lừng danh oanh-liệt trong một thời gian, đã giao hảo cả với Tống và Nguyên bên Tàu và đã có lần kéo nhau ra

cướp phá đất Hoa-lư đời nhà Đinh và thành Thăng-long trong đời nhà Trần bên nước Đại-việt.

Theo Tống sử và Nam sử chép thì người Chăm xưa kia là dân tộc của một tiểu quốc thuộc đất Việt thường, vào đời nhà Tần, là huyện Lâm-Ấp, thuộc Tượng quận, qua đến đời nhà Hán thì là huyện Tượng-lâm, thuộc Nhật-Nam, đến đời nhà Lương thì lại là đất của huyện Tượng-lâm, cách biên giới Việt thường chừng 600 dặm và cách

★ NGUYỄN TRIỆU

DI-TÍCH NGƯỜI CHĂM

Nhật-Nam 400 dặm.

Bấy giờ vào đời Thuận - đế nhà Hậu-Hán, năm Vĩnh-hòa thứ 2 là năm Đinh sửu (137 sau Tây lịch) vào thời kỳ nước ta Bắc thuộc lần thứ II có một người dân quận Tượng - lâm tên là KHU-LIÊN giết quan huyện lệnh rồi tự xưng làm vua và đặt quốc-hiệu là LÂM - ẤP.

Sau này Khu - liên không có con trai để kế vị, cháu ngoại là Phạm Dật được tôn lên nối ngôi Vua.

Lúc này địa giới nước Lâm-ấp, phía Đông có Đông - Hải, Tây giáp tỉnh Vân - Nam bên Tàu, Nam giáp Chân - Lạp (nay là Nam - phần), từ Đông qua Tây 700 dặm, Nam lên Bắc : 3.000 dặm.

Trong thời "Tam-quốc" bên Tàu (220-265) người Lâm-Ấp hay sang cướp phá ở quận Nhật Nam (phía Nam quận Giao-Chỉ và Bắc Trung-phần) và quận Cửu-Chân (tức vùng Thanh-hóa bây giờ).

Sang đời nhà Tấn, Phạm Hùng là vua Lâm-ấp, truyền ngôi cho con là Phạm Dật, đến khi Dật mất thì lại bị một tên gia-nô là Phạm-Văn cướp ngôi. Phạm-

Văn truyền được cho đến con là Phạm Phật.

Năm Quý-Sửu (353) đời Vua Mục-đế nhà Đông-Tấn, thứ-sử Giao-Châu đem quân vào đánh Phạm-Phật, phá hủy trên 50 đồn lũy. Sau này đến khi Phật chết thì truyền ngôi lại cho cháu là Phạm Hồ Đạt.

Năm kỷ-hợi (399) Hồ Đạt đem quân sang đánh 2 quận Nhật - Nam và Cửu Chân rồi thừa thắng tiến đánh đến Giao-Châu (tức vùng Hà-nội tại Bắc-Phần bây giờ).

Thái thú quận Giao-chỉ thời bấy giờ là Đổ-Viên; đánh đẩy lui quân Lâm-ấp và lấy lại được 3 nơi đã mất. Sau đây Đổ-Viên được phong làm Giao-Châu thứ sử.

Năm Quý-Sửu (413) Hồ Đạt lại đem quân ra tấn công quận Cửu-Chân thì lúc này con Đổ-Viên là Đổ-tuệ-Độ làm thứ-sử Giao-Châu đem quân ra đánh đuổi, chém được tướng là bọn Phạm-Kiến và bắt sống được hơn 100 người.

Vì người Lâm ấp vẫn cứ «chứng nào tật ấy», cách đôi ba năm lại kéo nhau sang đánh phá đất Nhật Nam nên Tuệ-Độ

chuẩn bị một trận thư hùng để trừ hậu-hoạn.

Đến năm Canh-thân (420), Tuệ-Độ cất binh-mà kéo vào đánh nước Lâm-ấp, chém giết rất nhiều và bắt buộc người Lâm ấp cứ hàng năm phải gửi thông sứ sang cống hiến vàng, bạc, châu báu, ngà voi, đồi-mồi, vân vân ...

Từ đây biên-giới Chiêm-Việt mới được yên-tĩnh.

Giòng giới Phạm hồ Đạt làm vua Lâm-ấp được mấy đời thì lại bị một viên quan lại nước ấy là Phạm-chư-Nông cướp ngôi.

Sau Chư-Nông truyền ngôi cho con là Phạm-dương-Mại.

Khi Dương-Mại làm Vua nước Lâm ấp thì nhà Trần đã mất, nước Tàu chia ra Nam-triều và Bắc-triều. Dương-Mại lại nhân cơ hội ấy mà kéo nhau ra cướp phá đất Giao-châu.

Từ đây về trước là nước ta ở vào thời kỳ Bắc thuộc lần thứ II, qua đến đời Tiền Lý trong lịch-sử nước ta, năm Quý-Hợi (543) quân Lâm-ấp lại kéo nhau

ra đánh phá quận Nhật-Nam, Nam-Việt để là Lý-Bôn sai tướng là Phạm-Tu kéo quân vào đánh ở Cửu-Đức (nay là Hà-tĩnh Trung-phần) quân Lâm-ấp thua, bỏ chạy về nước.

Đến khi ta lại thuộc về nhà Tùy là thời kỳ Bắc thuộc lần thứ III, năm ất-sửu (605) nhân vua nhà Tùy nghe tin nước Lâm ấp có nhiều vàng bạc, bèn sai tướng là Lưu-Phượng đem quân sang đánh Lâm ấp để lấy của về. Phạm-Chí là Vua Lâm ấp biết nên đem quân ra bố trí những nơi hiểm yếu để phòng chống nhau với quân Lưu-Phượng, nhưng sau vài trận giao phong, quân Lâm ấp đại-bại bỏ chạy. Quân nhà Tùy thừa thắng đánh đuổi trong 8 ngày đã đến kinh đô nước Lâm-ấp, Phạm-Chí bỏ thành chạy trốn mất.

Tướng Tùy là Lưu-Phượng bệnh nên phải bỏ về, được đến nửa đường thì cũng chết. Quốc vương Lâm ấp là Phạm-Phạm-Chí sai người dâng biểu sang Tùy Dương-để xin tạ tội và

triều-cống như xưa.

Qua đến đời vua Thái Tôn nhà Đường (627-649) tức Lý thế Dân, vua Lâm ấp là Phạm-đầu-Lê mất, con là Phạm-thế-Long cũng bị ám-sát, dân chúng Lâm-ấp lập con của một bà cô tên là Chư-cát-Địa lên làm vua. Cát-Địa đổi quốc hiệu lại là « HOÀN-VƯƠNG-QUỐC » và rồi từ đó, quân nước Hoàn-Vương lại sang quấy nhiễu Giao-Châu và chiếm giữ 2 châu Hoàn

và châu Ai.

Năm Mậu-tý (808) đời vua Hiến Tôn nhà Đường, quan đô hộ là Trương-Chu đem binh thuyền vào đánh Hoàn-vương-quốc và đã giết hại rất nhiều, vua nước Hoàn vương phải kéo quân rút lui vào phía Nam (quãng tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi bây giờ) và đổi quốc hiệu lại là Nước « Chiêm-thành »

(K) sau hết)



* CHUYỆN. MÂY MƯA

Thầy Hai Dalat đi xe lừa xuống Nha-Trang nghỉ mát, trên xe gặp Thầy Tư Nha-Trang. Thầy Tư khoe thành-phố của mình:

— Nha-Trang đẹp lắm và mát lắm chứ không như Dalat chỉ mù-mịt mây đen và mưa rét quanh năm.

Mặc dầu Thầy Hai Dalat nhất định cãi lại và bào-chữa chỗ nơi « thần tiên mơ-mộng », Thầy Tư cũng già mồm khen Nha-Trang là phong cảnh hữu tình, biển trời bao la bát ngát, ánh nắng rực-rỡ tung bừng...

Xe lừa về tới g1 Nha-Trang thì trời âm-u, mây đen ngất, sắp mưa to. Thầy Hai Dalat cười hỏi Thầy Tư:

— Bây giờ ông còn khen Nha-trang của ông là rực-rỡ tung bừng nữa thôi?

Thầy Tư trề môi nhún vai đáp:

— Đó là vài đám mây ở Dalat bay lạc đường xuống Nha-Trang đó, ông à.

B.T.

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

★ THẨM-THỆ-HA

BUỒN ĐÊM MƯA

Đêm mưa làm nhớ không-
glan,
Lòng run thêm lạnh nổi hàn
bao la...
Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng-nặng, nghe
ta buồn-buồn.
Nghe đi rời-rạc trong hồn
Những chân xa vắng dặm
mòn lê-loi...
Rơi rơi... diu-diu rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nổi lời
vu vơ...
Tương-tư hướng lạc phương
mở...
Trở nghiêng gối mộng, hững
hờ nằm nghe.
Gió về, lòng rộng không che,
Hơi may hiu-hắt bốn bề tâm-
tư...

HUY-CẬN

ĐIỀU trước tiên đập vào
cảm quan của ta là thơ
Huy-Cận chứa đựng một bản sắc
độc-đáo. Bản sắc này thể hiện rõ-
rệt nhất trong thể thơ lục bát.

Đọc thơ lục bát của Nguyễn-
Du qua tác phẩm *Đoạn Trường*
Tân Thanh, ta nhận thấy một
hơi thơ man mác, những vần thơ
đẹp một cách cổ kính, hào hoa.
Đọc thơ lục bát của Nguyễn-
Bính qua tác-phẩm *Lỡ bước sang*
ngang, ta nhận thấy một hơi dịu-
dàng, những vần thơ dễ dãi,
phóng túng gần như là những bài
ca dao truyền khẩu của bình dân.
Đọc thơ lục bát của Huy Cận
qua tác phẩm *Lửa Thiêng*, ta nhận
thấy một hơi thơ êm ái, uyên-
chuyên, những vần thơ đẹp một
cách trang nhã, tân kỳ.

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

Bài *BUỒN ĐÊM MƯA* bao
gồm tất cả những đặc điểm này
của Huy-Cận.

Người ta thường bảo thi-nhân
vốn có cái buồn thiên thu hoặc
cái sầu vạn cổ. Vậy thì trước một
ngoại cảnh ứ đọng, thê lương, thi sĩ
có cảm thấy buồn, ấy cũng là sự rất
thường. Điều khác thường là cái
buồn của người thơ khác hẳn
với cái buồn của thiên-hạ. Cái
buồn của chàng man-mác bao
trùm cả không-gian — cái không
gian rộng-rãi vô cùng. Và bởi
vì không-gian quá bát ngát, mênh
mông đối với tấm lòng cô-đơn,
nhỏ-hẹp, mà thi-nhân càng cảm
thấy thấm lạnh bởi một nỗi
hàn bao la.

*Đêm mưa làm nhớ không-glan,
Lòng run thêm lạnh nổi hàn bao
la...*

Sống trong cái cảm-giác cô-
đơn và lạnh-lẽo, thi-nhân vận-
dụng tất cả cảm-giác của mình
khi tiếp-xúc với ngoại-cảnh.
Chàng nằm nghe tiếng mưa rơi
thành-thót trên mái nhà, dường
như nương theo từng giọt nước,
từng âm-thanh. Chữ "*Tai nương*"
dùng khéo léo đến nỗi ta có thể
hình-dung được hình-ảnh của
người thơ đang lắng tai nghe,

gợi mộng hồn theo một sự-vật
nhất-định — nước giọt — và
một không - gian nhất - định —
mái nhà. Rồi từ sự tiếp-xúc với
ngoại-giới ấy, thi-sĩ trở về với
nội-tâm để tìm ra những cảm-
giác mới-mẻ khác :

*Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng-nặng, nghe ta
buồn buồn.*

Điệp từ "*nghe*" ở đây tác-
giả dùng thật là uyên-chuyên, tài-
tình. Tác giả không thấy gì cả mà
chỉ "*nghe*" : nghe nước giọt,
nghe trời nặng-nặng, nghe ta buồn
buồn. Cái cảm giác về thính
quan phải điều hòa với bao nhiêu
cảm giác khác để tạo thành một
cảm giác hòa hợp nhất trí trong
tâm tư, để cho tác giả chỉ "*nghe*"
mà cảm thông được mọi sự vật.
Đặc biệt hơn nữa là cái thính
giác ấy được tế nhận nhịp nhàng
từ ngoại cảnh (*nghe trời*) đến nội
tâm (*nghe ta*), rồi ngược lại từ
nội tâm (*trong hồn*) đến ngoại-
cảnh (*dặm mòn*) :

*Nghe đi rời rạc trong hồn
Những chân xa vắng dặm mòn
lê loi...*

Thật là tế nhị thay cảm giác
của thi nhân ! Và cũng thật là

bất ngát thay tình cảm của thi-nhân ! Chỉ có thi - nhân mới nghe được (lại chữ *nghe* áp dụng rất thần tình) những bước chân cô-đơn của lũ khách đang bước đi rờ rạc trong hồn mình. Từ cái cô-đơn của tâm-hồn, tác giả liên-tưởng đến cái cô đơn của kẻ khác, và hai cái cô đơn ấy thật là khác biệt nhau. Cô đơn khác biệt, tức nhiên “*nổi hần*” cũng khác biệt. Tác giả không nói ra, nhưng ta cũng đã cảm thông với tâm trạng của kẻ lạc loài rồi.

Âm-thanh của ngoại vật lại lôi cuốn tác giả trong một nhịp điệu đều đều buồn tẻ :

Roi roi... diu diu roi roi...

Trăm muôn giọt nhẹ nổi lời vu vơ.

Đến đây, ta càng thấy cái nghệ thuật tuyệt-vời của tác giả trong phép dùng chữ và tạo cú. Những tiếng « *roi roi* » lấy đi lấy lại vừa gọi được hình ảnh của những giọt mưa tiếp nối, vừa gọi được âm hưởng nhịp nhàng như những điệp khúc thơ lương. Phép *Đảo trang* áp dụng rất đúng chỗ, làm cho tất cả tư tưởng của ta đều tập trung vào những chữ « *roi roi* », do đó dễ dàng truyền sang cho ta sự rung cảm tế nhị. Hình ảnh và âm hưởng đó đã chi phối

nội tâm của tác giả và đã khơi
nguồn cho những nỗi nhớ niềm
thương :

Tương tự hướng lạc phương mờ.

Trở nghiêng gối mộng, hững hờ
năm nghe.

Tình và cảnh ở đây thật là hòa hợp với nhau, vẫn vương một điệu buồn khôn tả. Lòng kẻ tương tư không biết hướng về đâu giữa cảnh mưa đêm mờ mịt, thi nhân chỉ còn biết “*trở nghiêng gối mộng*” để lắng nghe tiếng không gian hiu hắt và tiếng tâm tư náo nùng. Trong tình cảm ấy, tấm lòng vốn nhỏ hẹp của thi nhân cũng hòa với không - gian mà trở nên rộng-rãi. Tình-cảm vốn rộng-rãi của thi-nhân cũng hòa với không - gian mà tỏa rộng bốn bề :

Gió về, lòng rộng không che,

Hơi may hiu-hắt bốn bề tâm tư...

Hơi thơ đã chấm dứt nhưng tiếng thơ như vẫn còn dư-vang nhẹ-nhẹ bên tai ta, tình-cảm man-mác của thi-nhân như vẫn còn vương-vấn êm-ái bên lòng ta.

Một đặc-diểm khác của bài này là cách chấm dứt câu của tác-giả. Trong tất cả những bài thơ lục bát của Huy-Cận, chỉ có bài "Buồn đêm mưa" là có một lời

chấm câu đặc-biệt. Suốt bài thơ, tác-giả hay dùng ba chấm (. . .) buông lửng, khi thì để kéo dài hơi thơ, khi thì để kéo dài âm-hưởng, khi thì để diễn tả những tình-cảm vương-vương dào-dạt như muốn vượt khỏi lòng người để bao trùm khắp vũ-trụ. Nhìn chung toàn bài thơ, những dấu chấm đều đều ấy gọi cho ta tưởng tượng đến những giọt mưa rơi nối tiếp nhau đều đều và những

tiếng mưa thành-thót đều đều...

Phải có một nghệ-thuật vô cùng điêu-luyện như Huy-Cận mới đạt được sự gợi cảm tinh-vi và sâu-sắc ấy. Một nhà thơ cho rằng: « *Huy Cận quá cảm nghe cái mênh-mông, thì giọng thơ của người cũng lấy cái sầu của vũ-trụ* », lời nhận xét thâm-thúy đó thật là đúng với nỗi lòng của Huy-Cận trong bài thơ tuyệt-tác: **BUỒN ĐÊM MƯA.**

THẨM - THỆ - HÀ.



4 NGƯỜI VỢ LÝ TƯỞNG

Cô người hỏi một nghệ-sĩ đã lớn tuổi, tại sao anh không lấy vợ
Nghệ sĩ đáp :

— Từ hồi nhỏ, tôi đã nhất định ở vậy cho đến khi nào tôi gặp được người đàn bà lý tưởng. Đến khi 40 tuổi, tôi gặp được, thì người ấy cũng nhất định kén chọn một người đàn ông lý tưởng mà không phải là tôi.

★ NGƯỜI CHỒNG THẤT NGHIỆP

Anh Ba Búa thất-nghiệp, chị Ba phải đi làm bếp cho bà nhà giàu ở cuối phố, để có tiền nuôi anh. Nhưng chị chán ghét người chồng thất nghiệp, đêm ấy cãi lộn với anh rồi bỏ về tỉnh. Sáng hôm sau, anh đi lang-thang, gặp bà chủ của vợ, anh bảo bà là vợ anh đã bỏ anh, đi về quê rồi.

Bà chủ cầu nhậu :

— Vậy rồi ai làm bếp cho tôi ?

— Dạ thưa bà đừng lo, tôi sẽ lấy người vợ khác để nó đến làm cho bà.

B. T.

người bạn ĐÀ - LẠT

Chuyện ngắn :

★ HOÀNG-THẮNG

TRỜI đột ngột đổ xuống một cây mưa rào. Những hạt nặng rơi ào ào trên mui xe, âm thanh sắc và gọn. Thìn vội cho xe chạy từ từ để vận kiếng xe lên. Nhiều chiếc xe khác vọt qua mặt rồi vút thẳng. Thìn thoáng thấy bóng những người đàn bà đẹp ngồi trong xe, đầu áp vào vai người lái. Anh chợt nhớ tới lời nói trắng trợn của Hoan, bạn anh : « Mày ghét đàn bà nên mày đã không hiểu chiếc xe của mày sẽ có thêm một lợi ích. Chúng tao biết, với phần đông, và nếu mày muốn, với chiếc xe mày sẽ được hưởng những câu chuyện ly kỳ nhất trong lịch sử tình ái. Mày hiểu chứ ? »

Thìn không hiểu tại sao mình lại ghét đàn bà, nói là ghét cũng

không đúng hẳn : mỗi lần đứng trước một người con gái nào anh lại thấy khó chịu, không muốn tiếp chuyện. Các bạn anh thường rủ anh đi chơi hoặc đi nhảy, anh đều thản nhiên từ chối. Đã nhiều lần bạn anh phải nói gay gắt : « Không hiểu cậu đề tiền làm gì, con người ta làm việc để thụ hưởng, Cậu không thích đi chơi, không muốn lấy vợ, cậu định đề về sau cho ai ăn thừa tự gia tài thế ? Cậu nên nhớ đàn bà ví như bông hoa đẹp tô điểm cho đời sống của mình thêm tươi mát mà cậu lại ghét thì vô lý hết sức. Hừ, rồi xem, ghét của nào trời trao của ấy, cậu sẽ khổ vì họ đấy ».

Thìn có một người chị gái lấy chồng mở tiệm may ở Phú-nhuận. Cứ mỗi lần đến chơi anh lại được

nghe những lời khuyên nhủ của người chị, những lời khuyên nhủ không thay đổi như những câu kinh nhật tụng :

« Cậu phải lấy vợ để có người trông nom giúp đỡ cậu chứ, cứ sống một mình thế này mãi nhớ có lúc đau ốm thì lấy ai trông nom săn sóc ? Cậu đừng có đua anh đua em, chơi bởi trai gái vừa tốn tiền vừa hại sức khỏe rồi nhớ mang bệnh thì khổ. Cha mẹ mất đi chỉ còn lại có hai chị em mình thôi đấy ».

Mỗi lần nghe chị khuyên nhủ, Thìn lại thấy thích thú vì thấy chị vẫn coi mình hãy còn bé bỏng.

Thìn trả lời :

— Chị tưởng em còn con nít lắm đấy mà phải lo cho em ? Sự thật em ghét chơi bởi cũng như em không thích lấy vợ. Từ tưng bó cẳng mắt thì giờ.

— Nếu vậy, cậu thử hỏi anh cậu xem lấy vợ có tù túng, bó cẳng, mắt thì giờ không ?

Thìn không hỏi và người anh rề cũng chỉ mỉm cười lảng tránh.

Xe đang chạy, Thìn vội thẳng nhanh lại vì đèn xanh đã chuyển sang vàng rồi đỏ nơi ngã tư Hiền Vương — Hai Bà Trưng. Lặng lẽ rút thuốc lá châm hút, anh thoáng thấy qua làn khói tỏa một

khuôn mặt đàn bà bên cửa xe.

Người đàn bà hỏi anh bằng một giọng cầu khẩn :

— Thưa ông ... ông có đi về phía nhà Ga Saigon không ạ ?

Thìn vội hỏi :

— Bà hỏi có việc gì vậy ?

Người đàn bà ngập ngừng trả lời :

— Dạ tôi ... tôi muốn ra ga để kịp chuyển xe lửa Saigon — Đà-lạt. Trời mưa to quá, tôi chờ mãi không gặp một chiếc taxi nào cả. Nếu ông vui lòng cho tôi đi nhờ đến đó, tôi rất cảm ơn ông.

Ngạc-nhiên vì lời yêu cầu của người đàn bà, Thìn vội nhìn kỹ người đối thoại. Người này đang ôm đứa bé nhỏ, làn da hơi tái vì mưa lạnh.

Không nghĩ-ngợi anh vội mở cửa xe, nói nhanh :

— Vâng. Mời bà lên nhanh kéo ướt hết.

Không ngập ngừng, thiếu phụ khom lưng bước lên ngay, mái tóc và hai vai áo đã ướt sũng. Khi đã ngồi gọn trong xe, nàng mới nói nhỏ ba tiếng : « Cảm ơn ông ».

Đèn xanh bật sáng, chiếc xe vút chạy. Suốt dọc đường người đàn bà không nói một lời nào.

Đôi mắt bồ câu luôn luôn nhìn thẳng như đang theo dõi một hình ảnh xa-xăm nào.

Ngồi lái xe, thỉnh-thoảng Thìn lại liếc nhìn người khách lạ. Anh chỉ thấy phớt qua chiếc mũi dọc dừa, đôi lông mi thưa luôn luôn chớp như muốn xua đuổi những tư-tưởng đen tối. Tự-nhiên anh thấy lòng mình xao-động trước vẻ đẹp huyền-bí của người khách quá giang.

Thìn cho xe đỗ ngang hông nhà Ga. Tay vẫn ôm chặt đứa con, nằng cảm ơn anh một lần nữa. Thìn thần thờ nhìn theo những bước đi ngập ngừng của nàng. Bất ngờ thiếu-phụ quay lại ấp-úng hỏi anh :

— Kề ra thì không phải, thưa ông, ông có dư tiền lẻ không ạ ? Thú thật với ông, tôi chẳng có tiền để đi xe lửa.

Thìn hết sức ngạc-nhiên, và cảm thấy khó chịu. Nhưng ánh diêm-tĩnh hỏi :

— Bà không có tiền đi xe ? Vậy bà có thể cho tôi biết bà định lên Đà-lạt làm gì được không ? Còn chồng bà đâu ?

Người đàn bà không trả lời, chỉ khóc nức nở. Nhìn những giọt nước mắt lăn nhanh trên làn

da trắng mịn. Thìn cảm động vội nói :

— Có lẽ tôi đã vô ý khơi lại mối sầu của bà, mong bà bỏ qua cho. Bà có thể cho tôi biết tên bà được không ?

Người đàn bà hơi ngập ngừng một chút, đôi má ửng đỏ làm tăng thêm sắc đẹp của mình :

— Tôi tên là Huyền. Hiện nay tôi sống có một mình với đứa con nhỏ này. Cha nó đã nhẫn tâm bỏ rơi mẹ con tôi. Giờ đây nghe tin người đàn ông đó ở Đà-lạt nên tôi định lên tìm để cầu mong người đó trở lại. Tôi bây giờ nghèo quá không có tiền để nuôi con.

— Bà có thể kiếm việc làm, bà hãy còn trẻ, đẹp...

— Trước đây tôi đã làm chân bán hàng cho một hiệu bán tơ lụa ở đường Trần-hưng-Đạo. Tôi gặp một người thanh niên, chúng tôi yêu nhau và lấy nhau. Sau đó vì hàng vải ế ẩm nên chủ hiệu đã cho tôi nghỉ việc. Ở nhà được ít lâu tôi bị bệnh rồi sinh cháu này. Có lẽ vì thấy nhan sắc của tôi đã tàn tạ hay vì có đứa nhỏ này nên chồng tôi đã gây lộn với tôi rồi bỏ đi. Vì tự ái tôi cũng không cầu xin chồng tôi ở lại. Nhưng giờ đây tôi đành phải đi tìm vì tôi

không còn biết làm thế nào hơn nữa. Thưa ông, tìm việc thì khó, còn những việc làm mất nhân phẩm thì tôi thà chịu chết chứ không làm.

Thìn không do dự, vì sẵn tính thương người đau khổ, chàng rút ví rồi trao vào tay người thiếu phụ không quen một tập giấy bạc.

— Đây, thưa bà, số tiền nhỏ mọn này đủ bà mua vé xe lửa lên Đà-lạt.

Huyền ấp úng cảm ơn, mặt lại đỏ bừng lên :

— Tôi... tôi không hiểu tại sao tôi lại dám thổ lộ nỗi lòng cùng ông, mong rằng ông cũng đừng khinh khi tôi.

Nói xong nàng chạy vụt vào nhà ga. Thìn thẳng thốt như mình bị mất một cái gì quý báu nhất. Anh thần thờ bước lại chỗ xe đậu, lòng buồn man mác.

Ồ mình bắt đầu điên rồi chăng ? Chẳng qua Huyền chỉ là người đi nhờ một quãng đường ngắn, có thể thôi, việc gì phải nghĩ ngợi ? Dù tự nhủ lòng như vậy, anh cũng không thể nào quên được hình ảnh người đàn bà trẻ đó. Lúc nào anh cũng như thấy bộ mặt khả ái của Huyền, đôi giòng nước mắt chảy dài trên đôi

má bầu bĩnh. Đôi mắt nhìn anh như mong muốn anh giúp đỡ, không phải cứu giúp trong một khoảnh khắc mà là cứu giúp hằng đời.

Một tuần lễ sau, Thìn nhận được một lá thư của một người bạn ở Đà-lạt gửi về mời anh lên chơi và đi săn nai. Đang lúc tâm trí bị hình ảnh của Huyền ám ảnh, Thìn đã vui vẻ đánh giầy thép hẹn ngày lên chơi. Tưởng tượng tới lúc đi săn, hình ảnh những đôi mắt xanh lơ hoặc đỏ rực như ngọn đèn đột hiện lên trong đêm tối chiếu thẳng vào chiếc đèn săn hoặc những cảnh rẫy chết của con thú rừng sẽ làm anh tạm quên những nét duyên dáng của người thiếu phụ không quen biết.

★

Chiếc xe bon bon chạy trên quốc lộ 20. Những cánh rừng nối tiếp nhau bất tận. Những ngọn núi nhấp nhô, xanh um thay nhau kéo con đường nhựa lên xuống, ngoằn ngoèo.

Tới Đà-lạt. Thìn cho xe chạy qua phố chợ. Chợt anh vội thẳng gấp xe lại. Trên hè đường một người đàn bà đang hấp tấp đi ngược lại. Thìn vội thò đầu ra ngoài cửa kính gọi to : « ...cô Huyền !... »

Thiếu-phụ đang bước vội,

giật mình ngừng đầu lên nhón-
nhác nhìn quanh. Khi trông thấy
Thìn, đôi mắt u buồn của nàng
bừng sáng. Nàng chạy vội tới cửa
xe hấp-táp hỏi :

— À ông ! Ông cũng lên đây à ?

— Tôi có người bạn thân mời
lên đây để đi săn ... À, thế nào
‘cô’ đã gặp... người chồng
chưa ?

Nét tươi cười trên chiếc miệng
nhỏ nhắn và ở nơi khoé mắt
Huyền vụt biến. Nàng âu-sầu
nói :

— Dạ, thưa ông, tôi đã gặp
hắn, nhưng hắn xua đuổi tôi.
Hắn bảo bây giờ hắn đã giàu có,
hắn sắp cưới vợ giàu, hắn không
cần tới tôi nữa.

— Còn cháu bé !

Huyền cảm hờn :

— Hắn không cần cả đến đứa
bé. Thật là một người đàn ông
khốn nạn. Tôi tiếc trước đây đã
nhẹ dạ nghe lời ngon ngọt của
hắn để bây giờ bị dang-dở, khổ sở.

Thìn sốt sắng hỏi thêm :

— Thế Huyền đề cháu đầu ?

Huyền ấp úng :

— Tôi đề ... cháu đang bệnh,
có lẽ bị lạnh. Số tiền của ông
giúp tôi tiêu đã gần hết rồi mà
cháu lại bệnh, tôi lo quá.

Nhìn đôi mắt đẹp của Huyền
đang bắt đầu long-lanh ướt, Thìn
thấy lòng mình lại một lần nữa
dâng lên một niềm thương dào-
dạt, mạnh mẽ như vũ bão.

— Thế cháu đầu ?

— Tôi đề cháu ở Lữ quán.
Bây giờ tôi đi tìm bác sĩ.

Thìn vội kéo Huyền lên xe :

— Thôi Huyền lên đây rồi
chúng ta đón cháu đến bác sĩ
tiện hơn.



Thìn rời khỏi Đà Lạt ngay chiều
hôm ấy. Anh không đến nhà bạn
nữa, bỏ cả cuộc săn bắn đầy
hứng thú. Trên đường về anh
không còn cô độc nữa. Ngồi bên
anh, Huyền đang sung sướng ôm
con trong lòng Thỉnh thoảng nàng
lại liếc nhìn anh, đôi mắt như
muốn thu hút khuôn mặt khả-ái
của Thìn vào sâu lòng mắt.

Lần này Thìn không dẫn nàng
đi trong một quãng đường. Chàng
nhất định hai người sẽ cùng đi
với nhau cùng một con đường xa,
mãi mãi : con đường đời.

Sau khi đưa đứa bé đến bác
sĩ, Thìn đã cho Huyền hay nỗi
lòng của mình :

« Huyền, tôi thành thực nói
với em, tôi đã yêu em. Có lẽ

tôi đã yêu Huyền ngay khi gặp
Huyền lần đầu tiên dưới trời mưa
nặng hạt... Trong những ngày
Huyền ở Đà-lạt, hình ảnh Huyền
đã ám ảnh tôi rất nhiều. Tôi không
thề nào quên được nét mặt đắm
lệ của em hôm đó.

Tôi chưa có vợ, chưa hề yêu
một người con gái nào nhưng khi
gặp em, em đã có một cái gì đặc
biệt làm tôi không thề nào quên
được.

Nếu chồng em đón em và con
em, tôi chỉ còn biết dấu kín nỗi
lòng, nhưng bây giờ thì khác hẳn,
tôi muốn Huyền sẽ về chung sống
với tôi. Đứa con của Huyền cũng
sẽ là con tôi. Không phải tôi thấy
Huyền bơ vơ rồi ép buộc Huyền
đâu, sự thật tôi đã yêu Huyền.

Bàn tay Huyền đã run rẩy
trong tay Thìn :

— Lời nói của anh đã làm tôi
ngạc nhiên và bối rối nhưng nếu
tôi nhận lời ngay thì vô lý quá.

— Không em ạ, trong tình yêu
không có sự vô lý. Nếu em thấy
lòng mình thề nào em cứ nói
thẳng với anh như vậy. Anh đã
biết tình em.

Huyền e lệ cúi gằm mặt :

— Em cũng đã xao xuyến khi
gặp anh.

Thìn reo khẽ :

— Thế là em bằng lòng ?

Huyền gật đầu, đôi hàng mi
chớp nhanh...



Ba tháng sau, một buổi sáng
chúa nhật, Thìn ngồi phòng khách
chờ bạn. Người bạn ở Đàlat đã
viết thư báo tin trước cho Thìn
biết y sắp về Saigon mua sắm đồ,
để sắp sửa cưới vợ, và nhân tiện
gặp ngày chúa nhật y sẽ đến thăm
Thìn để cùng Thìn đi dạo phố.

9 giờ, người bạn đã đến. Đôi
bạn lâu ngày không gặp, nay được
trùng phùng tay bắt mặt mừng,
cười nói thật là vui vẻ.

Thìn cười bảo bạn :

— Anh giàu, anh cưới vợ phải
mua sắm linh đình. Tôi nghèo,
tôi cưới vợ khỏi cần mua sắm gì
cả.

— Anh có vợ rồi hả ? Vậy đó,
giấu anh em, không cho anh em
uống rượu nhé !

— Nghèo mà anh. Đề tôi gọi
nhà - tôi lên, giới thiệu anh.

Người bạn Đàlat cười ha-ha :

— Chứ sao ! Chắc chị đẹp
lắm, hả ?

— Đẹp xoàng thôi...

Nói xong, Thìn gọi với xuống
bếp :

— Em ơi !

Dưới bếp có tiếng đáp rất dịu
hiền :

— Dạ.

Huyền từ nhà dưới bước lên
phòng khách.

Nhưng, vừa trông thấy người
khách Dalat, nàng xăm mặt lại,
đăm đăm nhìn y, rồi nhỏ một
bệt nước miếng xuống đất, bảo :

— Đồ khốn nạn !

Xong Huyền quay lưng xuống

bếp.

Người khách Dalat đứng trơ
như khúc gỗ, bỗng dưng quay
lưng bước ra cửa, đi lảo đảo như
muốn xỉu, rồi chạy vụt ra chiếc
xe hơi Huế - kỳ diệu trước nhà
Thìn.

Xe rồ máy chạy biến luôn ...
Thìn chưa hiểu sao cả.

HOÀNG-THẮNG.



* SỢ MA

Vợ hấp hối sắp chết, kêu chồng đến trời :

— Minh ơi, lỡ em có chết thì mình đừng chôn em trong nghĩa
địa, em sợ ma lắm, mình nhé.

MƯỜI

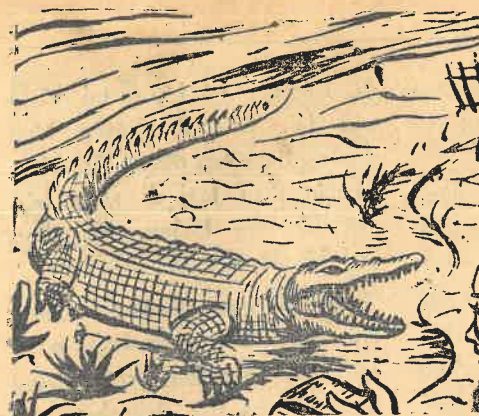
* HÀ TIỆN

Ông Ba-Gạo đến nhà giấy-thếp gửi điện tín cho con, ở Huế.
Ông đã biết rằng tên người đầu có dài mấy cũng chỉ tính tiền như một
chữ thôi, nên ông viết điện tín sau đây :

Nguyễn-văn-con-oi-thứ-hai-tuần-tới-Ba-với-má-sẽ-ra-thăm-con.

Nhân-viên bưu-điện cầm giấy-thếp, cười ngất !

CHÍN



* PHI-NHẠC

CON CÁ SẤU

Ở Việt-nam ta, tuy rằng nói
đến cá-sấu thì ai cũng có
thể hình dung được con vật ấy
như thế nào, nhưng phần đông
chúng ta chỉ thấy cá-sấu qua
những hình vẽ của sách hay qua
hàng song sắt của chuồng sấu ở
Sở thú Sài-gòn, chứ ít ai được
thấy con vật ấy bởi lợi tự-do
ngoài sông rạch. Ở Phi-Châu
thì khác hẳn. Đối với những
dân bản xứ ở các vùng ẩm ướt,
cá-sấu là một con vật rất thông
thường ở các sông rạch và ao
đầm. Ở các rừng Phi-Châu

người ta có thể kể cá sấu là một
trong những loại thú rừng.

Tùy theo điều kiện sinh sống
của cá sấu, người ta có thể chia
giống này ra làm 3 loại khác
nhau. Nhưng điều kiện cần thiết
cho loại cá-sấu là nơi ẩm ướt.

Loại thứ nhất sống xa những
dòng nước lớn, chỉ thích ở gần
những con suối nhỏ có bóng
cây rậm; loại này thường ở
trong hang, gần chỗ có nước,
chúng lại thường leo lên mấy
nhánh cây thấp mà ngủ.

Loại thứ hai lại ưa những

ao, hồ, chỉ leo lên bờ ở những nơi nào hẻo lánh, không có người đi đến.

Loại thứ ba, thường ở vùng sông Nil thì có thể sống ở sông hồ lớn mà cũng có thể ở dưới những dòng suối nhỏ. Mới đây người ta vừa bắt được một con loại này ở dưới ống cống thành phố Dakar tại Phi-Châu.

Sấu có thể lội rất lẹ, nhờ đuôi bơi qua bơi lại, còn chân thì duỗi xuôi theo mình. Ở dưới nước chúng lội mau hơn khi ở trên mặt nước. Khi con cá sấu muốn nổi lưng chừng dưới nước nó giữ thân mình xiêng, chỉ để lộ hai lỗ mũi, lỗ tai và hai mắt lên trên mặt nước thôi. Nó giữ được thăng bằng trong vị trí đó là nhờ những cử động nhẹ của đuôi. Nó có thể nổi phình lên mặt nước bằng cách giữ nhiều không khí trong phổi.

Khi lội xuống nước, nó lặn từ từ trên mặt nước. Trái lại lúc sợ hãi nó chui ùm đại đều xuống trước. Bình thường lúc nó đang lội trên mặt nước, muốn lặn xuống, nó dìm đuôi xuống trước, và khi ở dưới nước rồi nó mới định hướng

đi. Lúc lặn nó híp lỗ tai và lỗ mũi lại. Lúc đi chuyển bình thường trên mặt đất nó rất chậm, nó tiến theo loại đi xồng trên mặt đất chớ không phải theo loại bò sát như rắn mối.

Khi bị rượt, nó chạy rất mau. Lúc chạy thân mình được nâng cao khỏi mặt đất, chân thẳng đứng. Nó có thể chạy theo một vòng tròn được mà đường bán kính bằng một phần tư thân mình nó. Nếu có trốn một con sấu thuộc loại ở vùng sông Nil dài hai thước có thể leo đứng được 3m bề cao trên vách đá.

Có nhiều vùng đến mùa khô, nước cạn hết, cá sấu phải đi xa để tìm chỗ có nước. Khi đường xa quá, nó không thể đi được, nó phải sống dưới đất măn mùa khô. Nó chui vào những hốc thiên nhiên hoặc tự đào lấy những hang sâu đến 10m. Miệng hang thường nằm ở dưới mực nước, trở ra dưới những chòm rêu cây. Hang hình bán nguyệt rộng đến 5 tấc, đào xiêng xuống đất và tận cùng bằng một cái nôi gò khá lớn để nó có thể day trở dễ dàng, có khi hang lại có làm lỗ thông hơi. Lúc ăn mồi hoặc chạy trốn nó thường chui vào

hang và trong mùa khô nó ở luôn tại đây. Nhờ hang đó mà sấu trong một vài vùng sa mạc Sahara có thể sống qua sáu tháng mùa khô trong tình trạng ngủ mê.

Sấu lớn ít sợ đối thủ nguy hiểm, trừ ra khi gặp người. Trái lại sấu con thường bị các thú vật khác ăn, hoặc những con sấu lớn ăn.

Cách tự vệ căn bản của cá sấu là chạy trốn. Trong trường hợp bắt buộc phải tự vệ, nó dùng đuôi đập ngang thật mạnh và thật nguy - hiểm. Nó có thể dùng rắn mà tấp và gây ra những vết thương trầm trọng. Một con sấu ở vào bước đường cùng trở thành rất nguy - hiểm. Nó nhảy nhào lên địch thủ miệng há lớn ngửa lên vang dậy. Nó có thể nhảy cao đến 1m, lúc rớt xuống, nhảy sang một bên địch thủ và quất đuôi thật mạnh vào người tấn công nó.

Khi mồi trong vùng khan hiếm, nó di chuyển đi nơi khác. Khi bắt mồi dưới nước như cá thì nó chỉ rượt một khoảng ngắn thôi, thường thường nó ăn núp và tấp lấy mồi một cách bất ngờ. Trên những dòng sông nó lội ngược dòng nước để tìm

mồi, thường là những con cá bị nước cuốn đi. Còn muốn bắt những con mồi khác như chim hoặc thú đi uống ở dòng nước thì nó lội nhẹ nhàng đến gần chỉ để lộ khỏi mặt nước chót mõ thôi. Lúc đến vừa tầm, nó liền phóng đến con mồi, cắn lấy và lôi xuống nước để nhận nước chết con mồi. Nó không ngần ngại tấn công những con mồi thật to. Đại tướng Gourand kể lại rằng có một lần ở Soudan, người lính của ông ngồi trên thuyền dắt con ngựa qua sông, tình hình thấy hàm trên của con sấu đưa lên khỏi mặt nước, tấp lấy đầu con ngựa và lôi đi mất. Có khi nó nằm dưới những nhánh cây là đà dưới mặt nước, chờ khi chim đến đậu đông, lấy đuôi quất chim rớt xuống nước để ăn. Ở xứ Congo thuộc Bỉ sấu chun luôn cả vào lưới để bắt cá. Khi ngủ nó nằm yên như một khúc cây mục nhưng chỉ một cử động nhỏ đã làm cho nó giật mình phóng đi tức khắc.

Lúc còn nhỏ, sấu con ăn côn trùng, rắn, rít. Sấu lớn cũng ăn luôn cả trứng nó nữa, và rất thích ăn chó. Có một lần người ta bắt được một con sấu trong

bụng chứa một chiếc nhần hột xoàn và 32 tấm lặc chó.

Ở Phi-Châu những tai nạn xảy ra về cá sấu rất nhiều, và cá sấu ở đây thành ra một tai họa rất nguy hiểm. Những tai nạn ấy thường gây ra bởi những con cá sấu thuộc về loại cá sấu ở sông Nil. Còn loại cá sấu thứ hai khi lớn lên thì ít khi ăn thịt người. Có khi cá sấu lại ăn trái cây rụng nữa.

Điều lạ nhứt là người ta tìm thấy rất nhiều sạn trong bao tử của nó. Sạn ấy giúp cho sự tiêu hóa đồ ăn bằng cách góp phần vào sự chà, xát của bao tử, vì cá sấu không thể nhai mỗi được. Ở vùng Tân-Ghi-Nê và Cameroun ai ai cũng tin rằng mỗi năm cá sấu nuốt vào bụng một viên sạn và người ta có thể biết tuổi của mỗi con cá sấu bằng cách đếm những viên sạn ấy trong bao tử nó.

Mỗi trong bao tử sấu tiêu rất chậm, phải đề nhiều ngày, việc tiêu hóa mới xong.

Sấu vùng sông Nil đẻ ở trên khô, ở những nơi có nắng ráo, vì trứng rất dễ bị hư. Nó đào ổ sấu dưới đất chừng 4 hoặc 5 tấc tây, và thường thường đẻ chừng 20 đến 30 trứng mỗi lần. Số trứng đẻ của một con cái mỗi kỳ có thể lên đến 90 trứng, chia ra làm hai hoặc ba lần đẻ. Sấu cái đẻ trứng trên đất liền rồi lấy

chân để trứng xuống ổ. Khi ở này đây, nó lấy đuôi lấp cát rồi đi để ở khác. Trứng sấu hình bầu dục bề dài chừng 9 phân, bề ngang chừng 5 phân. Trứng màu trắng, vỏ bằng chất vôi. Trứng trắng màu xanh cứng như xiên-xa, khi trứng vỡ ra trứng trắng vẫn giữ nguyên hình tròn. Những con thú khác và những con sấu đẻ thường rất thích ăn trứng ấy nên sấu cái phải giữ những ổ trứng ấy rất kỹ. Sấu con lúc gần nở có ở đầu mỏ một cái răng dài, chừng 0,5mm để xé màng trứng và vỏ cứng ở ngoài. Lúc nở ra, sấu mẹ dẫn sấu con xuống nước và chần chúng một thời gian. Lúc mới nở sấu con dài chừng 2 tấc hoặc 3 tấc.

Ở Phi-Châu người ta săn cá sấu để lấy da hoặc ăn thịt. Ngoài các lối săn thường, có một số mọi săn cá sấu bằng cách lợi theo cá sấu, vòng giây vào cổ nó, xỏ một miếng cây ngang miệng nó rồi dắt nó vào bờ.

Thịt cá sấu tuy có mùi nhiều nhưng vẫn ăn ngon, nhứt là cái đuôi nó, ăn rất bở.

Ở Phi-Châu cá sấu thường là một nhân vật trong các truyện thần thoại và ở những vùng mà người ta thờ cá sấu thì dĩ nhiên người ta cấm ăn thịt cá sấu.



Chương II

2.- ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT

Cũng như ở tất cả các nước khác, phải phân loại Văn-sĩ Thị sĩ làm hai hạng, trên phương-diện đời sống vật chất: hạng nghèo và hạng giàu.

Ở Việt-Nam hồi tiền chiến, số nhà Văn nghèo nhiều hơn số nhà Văn giàu. Nói thật đúng ra, ở Việt-Nam không có nhà Văn giàu.

★ NGUYỄN.VỸ

Trên bình-diện nghệ-thuật, tôi tin rằng Văn-chương Việt-Nam không kém Văn-chương ngoại-quốc. Lấy hai nhà Văn nhà Thơ cùng có biệt tài, và cùng một trình-độ trí-thức, một người là Việt-Nam, một người là Anh hay Pháp, hay Ý, Mỹ... ở đồng

thời giữa Thế-kỷ XX này, mà so sánh về tinh-hoa Văn-ngệ, thì không ai kém ai cả. Chất thơ thuần-túy (1), mà bàn tay của Thượng-Đế nắn trong tâm hồn của mỗi nhà Thơ yêu-chuộng của Ngài, vẫn là một, dầu nó nở ở dưới mặt trời ở Paris hay ở Sài-gòn, La - Mã hay Tokyo. Chỉ khác nhau ở điều kiện nảy nở của nó mà thôi. Còn các nhà Văn ở Âu hay Á, thời xưa hay nay, chỉ khác nhau ở hoàn cảnh sinh hoạt vật chất.

Chúng ta lấy bút giấy làm một bài tính sơ đẳng cũng đủ thấy nhà văn Việt-Nam không sao thành nhà triệu phú với nghề viết văn được.

Bên Pháp, (xin lấy nước Pháp làm thí-dụ cho những nước Âu-Mỹ cùng một trình độ văn hóa) một tác phẩm văn nghệ có thể in ra 50.000 cuốn. Đây tôi lấy con số trung bình, vì có những sách xuất bản chỉ có 20.000, hoặc tệ lắm là 15.000, trái lại có những quyển in đi in lại hai ba lần trong một năm, và lên tới con số 500.000 quyển, hoặc 1.000.000 quyển. Ta cứ lấy đồng bạc Việt-Nam làm căn bản để so sánh cho dễ, và thí dụ một

tác phẩm loại thường, bán giá trung bình là 40 đồng, và tiền bản quyền của tác giả là 300/o trên giá bán, nghĩa là cứ mỗi quyển bán được, tác giả lấy 12 đồng. Thí dụ bán được 30.000 cuốn, thì tác giả được 600.000 đồng bạc V.N. Không kể những tiểu thuyết như « *Bonjour Tristesse* » của FRANÇOISE SAGAN, bán đến trên 2.000.000 quyển và trong vòng vài ba năm nay, cô Nữ Sĩ trẻ tuổi này đã nghiêm nhiên có một gia tài về bản quyền ba bốn quyển tiểu thuyết được trên mấy triệu francs.

Nói chung, nhờ sổ sách tiêu thụ mạnh, nhờ tiền bản quyền nhiều, nên đời sống vật-chất của các nhà văn bên Âu-Mỹ thật là đầy đủ.

Ở Sài-gòn, hiện bây giờ đây, những tiểu-thuyết được công chúng hoan nghinh nhất không in quá 3.000 quyển. Tính giá trung-bình là 40 đồng một quyển.

(1) Xin xem « *La Poésie Pure* » (1927) của Abbé HENRI BREMOND, một quyển khảo luận về « *Thơ Thuần-túy* » có giá-trị đặc-biệt nhất.

và tiền bản-quyền của tác-giả theo thường - lệ là 100/o trên giá bán, nghĩa là mỗi quyển 4 đồng, thì tác - giả một tác-phẩm xuất-bản 3000 cuốn chỉ được 12.000 đồng thôi (1) Ấy là nói những quyển tiểu-thuyết có giá-trị hấp-dẫn được một số đông độc-giả. Còn vô số các tiểu-thuyết khác phơi bày trên thị-trường, 3000 quyển phải để bán «solde» 5 đồng, hoặc 3 đồng, mà ba năm vẫn chưa hết.

Vả lại, số tiền bản quyền không phải nhà xuất bản nào cũng trả ngay cho một lúc, mà có khi họ trả làm 3 hoặc 4 kỳ. Đây là nói về những tiểu thuyết của một số nhà văn mà các nhà xuất bản sẵn sàng tiếp đón và dám bỏ tiền ra mua bản quyền và bỏ vốn ra in. Có lẽ tại vì họ tin chắc rằng những sách ấy bán chạy, và họ sẽ thu được lợi nhiều. Họ thu được lợi nhiều, nhưng tác giả bán bản quyền có lấy được bao nhiêu tiền đâu !

Vì vậy, nếu nhà Văn Việt-nam chỉ có biết lui cui viết văn không thôi, thì ta cứ cầm chắc rằng đời sống của họ chật vật lắm. Hoàn cảnh xã-hội ở Việt-

nam cũng khác hơn hoàn cảnh ở các nước tân tiến khác, và thiếu những yếu-tố thuận lợi có thể khuyến khích sự nghiệp của nhà văn, hoặc nâng cao tình thế vật chất của họ. Thứ nhất, khác hơn bên Âu-Mỹ, khác hơn cả vài nước tân tiến ở Á - Đông như Nhật-Bổn, và Ấn-Độ, là công chúng Việt - nam ít có ham mê đọc sách. Cứ kể như trong một vùng đất khá rộng lớn của chúng ta dân số có trên 12 triệu người, mà một quyển tiểu - thuyết có giá trị hoặc là rất hấp-dẫn, của một nhà văn có tiếng tăm, chỉ có thể bán được 3000 quyển : nghĩa là trong 12.000 người chỉ có 3 người đọc sách. Ấy là nói về loại TIỂU THUYẾT gọi là hấp-dẫn, hay, có giá-trị. Còn THƠ thì trong 12.000 người,

(1) Hiện nay ở Sài-gòn, hầu hết các nhà xuất-bản tính tiền bản-quyền của tác-giả, đều theo thường-lệ là 10 0/o trên giá bán. Đối với các nhà văn đã có danh tiếng, sách bán chạy hơn thì họ tính lên đến 15, 20 hoặc 25 0/o tùy theo nhà xuất-bản, hoặc tùy theo giá-trị quyển sách.

chỉ có chừng 2 người bỏ tiền ra mua một quyển để ngâm-ngã chơi mà thôi. Với các loại sách khảo-cứu, Lịch-sử, Văn-học v.v. cũng không quá con số trên.

Vài nhà xuất-bản thấy sách ế quá, phải dùng một mưu mô quảng-cáo khá tế-nghệ: họ tuyên-bố là quyển tiểu-thuyết nọ, quyển Lịch-sử kia, bán hết rồi và đã xuất-bản lại lần thứ hai. Nhưng sự thực thì vẫn là cái đồng sách ế nằm nguyên vẹn trong tủ từ một hai năm xưa, bây giờ họ lột bìa cũ bỏ đi, thay bìa mới vào, rồi cao-rao lên là xuất bản lần thứ hai!

Đọc giả nào dễ tin, tưởng rằng sách đó chạy lắm cho nên đã tái-bản, nhưng những người hiểu thấu thực-tế buồn-bã của văn-đề, trông thấy rõ «mánh-lới», mà mỉm cười...

Mặc dầu quảng-cáo khéo-léo như vậy, số sách ế vẫn cứ ế, và phải để bán «câu-dằm» trong ba bốn năm.

Chúng ta phải ngạc-nhiên khi được biết rằng một quyển «*Bonjour Tristesse*» của Fr. SAGAN dịch ra tiếng Nhật, đã bán trên 1.000.000 (một triệu) quyển

ở toàn lãnh-thổ Nhật, nội trong năm 1958. Một quyển tiểu-thuyết của nhà Văn Nhật, như quyển «*Tôi là con Mèo*» của MATSU. ME SOSEKI bán trên 400.000 cuốn. Ở Ấn Độ, tập truyện ngắn *Bodini* của Thi sĩ RABIN DRANATH TAGORE xuất bản từ Đệ nhất Thế chiến mà đến năm 1958 còn bán được trên 200.000 cuốn. Đây chỉ là những thí dụ rất thường thôi.

Bởi vì, lẽ thứ nhất công chúng bên Nhật-Bản, bên Ấn-Độ, cũng như ở các nước tân tiến Âu Mỹ, rất ham chuộng văn chương. Không phải họ mua một quyển tiểu thuyết chỉ là để đọc chơi cho vui, cho biết cốt truyện như thế nào, và đọc xong là vứt đi, không biết quý cuốn sách nữa, nhưng họ đọc còn là để học hỏi thêm những kinh nghiệm về đời sống, để thưởng thức nghệ thuật diễn tả các sự vật trên đời, để hấp thụ những ý tứ hay, những tư tưởng đẹp của nhà Văn, để được mở rộng tầm kiến thức do ngòi bút tài tình của nhà Văn mở ra trước những đường chân trời mới lạ như một chìa khóa huyền diệu mở rộng cánh cửa

của Thiên nhiên cho đầu óc chúng ta thẩm nhuần ánh sáng thần linh của trí óc. Họ ham đọc sách như thế, và gìn giữ quyển sách quý báu mà họ đóng bìa da, dựng có ngăn nẹp trong tủ sách để chưng bày hãnh diện nơi phòng khách, ở chỗ mà trong nhà của số đông người Việt-Nam chúng ta thích chưng bày «tủ kiến» đựng ly rượu, chén bát, đồ xưa và *frigidaire* chứa đồ ăn ướp lạnh...

Các tác phẩm văn - chương được người trong nước họ đón tiếp quý báu như thế cho nên số sách xuất bản rất nhiều, ít nhất là từ 15.000, 20.000 trở lên đến 100.000. Hầu hết những người có đôi chút học thức, đều niềm nở đón mua. Về nhà vợ đọc, chồng đọc, và phê-bình để thưởng thức rồi họ cất kỹ trong tủ sách gia đình kê rất mỹ thuật nơi phòng khách để hãnh diện với mọi người rằng: «tôi đây cũng là người có văn hóa» Chứ không bao giờ hãnh diện rằng «nhà tôi cũng có cái *frigidaire*».

Kệ tiện sĩ viết mấy giòng chân thật này, tự an ủi rằng tất cả những người Việt - nam đã

sống bên Pháp, Anh, Mỹ, Đức v.v... Ấn-Độ, Nhật Bản... đều cho rằng nó không nói ngoa.

Sự cách biệt về tâm lý văn hóa giữa người và ta là như thế đấy, khiến cho chúng ta thấu triệt nguyên nhân thứ nhất của thực trạng văn ế ở Việt-nam: một tác phẩm có giá trị đặc biệt cũng không thể xuất bản được trên 3000 cuốn!

Tôi nghĩ vợ vẫn rằng giá sử cô bạn Françoise Sagan là người Việt - nam viết quyển «*Buồn ơi, Chào mi!*» bằng tiếng Việt, thì nhà xuất bản của cô ở Saigon cũng chỉ trả bản quyền cho cô 12.000\$, hoặc 15.000\$ và chỉ in ra 3000 hoặc 4000 quyển là nhiều.

Ông giáo-sư kiêm Văn sĩ Nhật-bổn, Matsume Soseki, mà ở Việt-Nam, cũng không hy vọng bán quyển tiểu-thuyết trào-phúng rất thâm-thúy của ông: «*Tôi là con Mèo*» trên 3000 cuốn!

Sự thật hình như mỉa-mai, chua chát — có khi chán nản vô cùng! — Nhưng, than ôi, sự thật vẫn không thể là không sự thật được!

Nguyên-do thứ hai, là ở các nước khác, (và tôi xin nói quả-

quyết rằng kể cả ở nước Lào, nước Cao-Miên, nước Xiêm nữa) không có cái lệ mượn sách và mượn báo. Ở Việt-Nam ta, hình như có cái lệ ấy.

Có một lần, cách đây hai năm, kể chép trang hồi-ký này đi nghỉ mát một tuần lễ ở một thành-phố trên bãi biển miền Nam. Nằm trên cát, bốn ngày đầu nó đã nuốt hết bốn quyển sách đem theo, qua ngày thứ năm không có gì đọc nữa. Nó đi thẳng đến một tiệm sách, hỏi mua một bộ «Hai Thiêng liêng». Khi ông chủ tiệm đưa sách, nó bảo với ông : «Hai quyển này, ở nhà tôi có. Nhưng tôi muốn đọc lại, mà ở Sài-gòn ra đây nghỉ mát, tôi quên mang theo.» Ông chủ nhà sách túm-túm cười bảo : «Ông mượn coi, rồi coi xong trả lại tôi cũng được.»

Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Ừa ! ông có cho mượn sách sao ?

— Dạ, có ... Ông ở nghỉ mát mấy ngày ?

— Tôi còn ở 3 hôm nữa.

— Dạ, vậy thì được. Ông cứ mượn sách về coi, xong đem trả tôi.

— Mượn cách nào ?

— Dạ, bộ sách này có 2 quyển, giá là 90 đồng. Bây giờ ông đặt cọc 90 đồng, ông lấy sách về nhà coi xong, đem trả sách lại tôi, tôi sẽ trả lại ông 80 đồng.

— Nghĩa là ông cho tôi mượn 10 đồng ? Mắc quá vậy ?

— Dạ, tại vì trọn bộ 2 quyển.

Tôi do dự một phút, rồi hỏi :

— Nhưng 2 quyển sách này còn mới tinh, chưa rọc, làm sao tôi đọc được ?

— Dạ, tôi có 10 bộ, đã bán hết 8, còn 2. Bộ này còn mới, để bán. Tôi còn một bộ cũ đã rọc rồi, để cho thuê.

— Ông cho tôi xem bộ kia.

Ông chủ tiệm sách để lại bộ sách mới vào tủ hàng. Ông bước vô nhà trong, lấy đem ra bộ sách cũ cho thuê. Trên bìa sách, có đóng con dấu đỏ, tên Hiệu sách của ông. Cả quyển I và quyển II đều đã nát nhàu.

Tôi hỏi :

— Chắc ông đã cho thuê nhiều người rồi !

— Dạ, «Hai Thiêng liêng» này cũng có nhiều người mượn. Họ đọc chừng 2 bữa thì hết.

— Ai mượn ?

— Dạ, mấy cậu học sinh.

Mấy cô thiếu nữ... Quân đội cũng có mượn... Công chức cũng mượn... »

Và tôi cũng mượn. Tôi đặt cọc 90\$, cầm hai quyển «Hai Thiêng liêng» về khách sạn. Trước khi từ gia bãi biển về Sài-gòn, tôi đem trả sách, lấy lại 80\$.

Tôi biết làm cách nào hơn bây giờ ? Nhưng sau khi đọc lại hết quyển I và quyển II, ngồi trên một tảng đá cao giữa trời

mây non nước, tôi đã lấy bút viết một giòng chữ sau đây trên trang cuối cùng :

« Tội nghiệp cho chàng Văn-sĩ đã thức một trăm lẻ một đêm để viết bộ truyện này, trong một căn phòng có đơn bán chật ở Sài-gòn ! »

Và tôi mượn tên vai chính trong truyện để ký dưới khúc ca trường hận ấy : « Trần Bá ».

(K) sau tiếp)



* MẤT DẠY :

Thầy giáo lớp Đệ Thốt giảng bài luân-lý cho học trò :

— Người học trò mất dạy là người học trò ở trường không nghe lời thầy, về nhà không nghe lời cha mẹ, ra đường hỗn-xược và du-côn. Các em hiểu không ?

— Dạ hiểu. Dạ hiểu.

Thấy ở cuối lớp có một trò ngồi ngủ gục, coi bộ không nghe Thầy giảng, Thầy hỏi :

— Trò Ba, thế nào là mất dạy ?

Ba ấp-úng đáp :

— Thưa thầy, thí-dụ như thầy giảng bài mà em không nghe, thầy hỏi em trả lời không được rồi thầy đánh em. Em về em mệt với Má em. Má em đến mệt với ông Đốc trường. Ông Đốc trường đuổi thầy, thế là thầy mất dạy (mất chỗ dạy).

Cả lớp đều cười rồ lên.

CHÍN

CHUYỆN TÌNH THỜI ĐẠI

một phút lỡ lầm

* T. L. DIỆU-MỸ

PHƯƠNG vừa hát dứt câu cuối cùng của bản-nhạc thì có tiếng gõ cửa.

Nàng nói :

— Xin cứ vào.

Một bóng đàn ông hiện ra ở khung cửa. Kiều từ phòng trong bước ra reo lên mừng rỡ :

— A, anh Khanh đến chơi.

— Khanh, một thanh niên trẻ có dáng người thăm lặng tiến đến gần hai chị em Phương.

Phương hất hàm hỏi :

— Mời anh ngồi ! Anh đến tìm em có việc chi ?

Khanh vẫn đứng yên, nhìn thẳng vào mắt Phương :

— Anh đến tìm em, để chúng ta thanh toán vấn đề chiều hôm qua.

— Thì em đã trả lời với anh rồi !

— Nghĩa là em không thay đổi ý kiến ! Phương cười kiêu hãnh :

— Đúng vậy ! Thú thật, bao giờ em cũng yêu anh, nhưng tình yêu là một chuyện, nghệ thuật là một chuyện khác nữa. Anh không thể đem lý do tình yêu mà cấm cản em phụng sự nghệ thuật được.

Khanh khó chịu, chàng nghiêm giọng :

— Em nghĩ sai rồi ! Anh không khi nào cấm đoán em ca hát, đóng kịch, nếu quả tình em có một nhiệt tâm và thành thực.

MỘT PHÚT LỠ LẦM

Đang này, từ lâu anh đề ý thấy tuy em tha thiết với nghệ thuật thật, nhưng em đã không tự chủ được, trở thành sa đọa và hiện giờ em làm một tay sờ khanh...

Phương tái mặt ngắt lời :

— Anh muốn ám chỉ ai ?

Khanh bực tức gằn giọng :

— Hương-Nguyên, vị nhạc sư đại tài của em !

Phương bật cười khanh khách :

— Hay quá ! Tôi thành-thật khen tài điều-tra của anh đấy, nhưng anh đừng quá ghen-tuông mà sỉ mạ người vắng mặt. Tôi yêu Hương-Nguyên đó là điều tự-nhiên, anh và tôi là hai tâm hồn khác biệt. Anh quá thiên về đạo đức cũ rích, còn tôi thì bao giờ cũng hành động theo trào lưu tiến hóa. Hai tâm hồn không thể gặp nhau, tình yêu chắc chắn phải chóng tàn. Ngày nay, chúng ta xa nhau, đó là lẽ tự nhiên, tôi không ân hận gì cả.

Khanh cảm thấy mắt mình hoa lên, chàng chẳng ngờ Phương lại có những lời nói trắng trợn như thế. Chao ôi ! con người mà chàng cho là tuyệt đẹp, là cao quý, chàng đã rút bao nhiêu tơ lòng để ca tụng giờ chỉ là hiện thân của những gì xấu xa, bỉ ổi ! Chàng

nắm chắc lấy thành ghế, cố nén tức giận, chàng nói :

— Bây giờ tôi cũng hiểu rõ con người của cô rồi. Vâng chúng ta xa nhau là phải lắm. Tình yêu của chúng ta trong mấy tháng trường chỉ là một trò trẻ con, không hơn không kém. Thôi, tôi chào cô và chúc cô hưởng được nhiều hạnh phúc bên người mới đầy tài hoa, danh vọng, chứ không là một sinh viên nghèo như tôi. Nói xong, Khanh quày quĩa bước ra, quên cả chào Kiều. Phương mỉm cười khinh khỉnh, tiễn chàng bằng hai tiếng « cảm-ơn » đầy vẻ mai-mĩa.

Đợi hóng Khanh khuất sau cánh cửa, Kiều trách chị :

— Chị xử sự xem chẳng đẹp tí nào ! Theo ý em, chẳng ai đứng đắn bằng anh Khanh cả. Nếu em ở địa-vị chị thì...

— ... thì em tôn thờ Khanh !

— Đúng vậy chị ạ ! Chị đã lầm-lẫn quá nhiều trong khi chạy theo ánh-sáng hào-hoa danh-vọng, nói rõ hơn là chị đã thả mồi bắt bóng đó.

Phương bực tức đáp :

— Giờ đến lượt cô giảng đạo-đức tôi ư ! Cô còn nhỏ, trí

MỘT PHÚT LỖ LÀM

Thôn của cô còn kém lắm. Sau này cô sẽ hiểu. Đời nay, nhan sắc là một vật quý báu. Phụ-nữ phải biết dùng lợi khí ấy để thành công trên đường đời. Tình cảm chỉ là những vấn đề nhỏ nhoi. Chúng ta đi qua những cuộc tình duyên cũng như viết những trang giấy thể thời! Đạo-dức rơm là ngu dốt, biết chưa?

Kiều không muốn tranh luận nữa vì mấy lần tranh-luận là Phương viện đủ lý lẽ ra đề bác bỏ ý kiến của nàng. Nhưng trong thâm tâm nàng rất đau buồn, vì từ ngày Mẹ chết theo Cha, Phương đã đi lần xuống vực thẳm bùn nhơ.

✱

Phương tỉnh dậy từ hồi đã xế chiều, ánh sáng nhợt nhạt len lỏi qua cửa sổ vào gian phòng bệnh viện khiến nàng có cảm tưởng như vừa trải qua cơn ác mộng, những chuỗi ngày hoa mộng đã tàn rồi! Nàng oán trách Nguyên,

chàng sở khanh quyến rũ nàng đến rồi phụ bạc, ruồng rẫy nàng trong lúc nàng mang thai. Đứa bé tắt thở sau mấy tiếng đồng hồ. Âu đó cũng may cho nàng khỏi nhìn thấy kết quả của một cuộc tình yêu tội lỗi. Chao ôi! trước kia phải chi nàng nghe lời khuyên của Kiều, đừng phụ bạc Khanh. Ánh sáng đã thành đưa nàng đến chỗ sa đoạ. Khanh giờ ra sao? Chắc hẳn chàng đã chán ghét, oán hận nàng lắm. Càng nhớ lại, nàng càng hối hận buồn thương, lệ đổ đã nhiều mà vẫn không vơi. Đời không còn đẹp nữa đối với nàng, mà chỉ là những chuỗi ngày thất vọng ê chề, chịu hình phạt của lương tâm.

Chiều xuống mau... Chuông từ gác cao của tu đường khua rộn-rã, hòa theo tiếng nước nở của một linh hồn sa đoạ vừa chợt bừng tỉnh dậy.



✱ XÃ GIAO

Ông Hai có đóng bảo-hiêm sinh-mạng 1 triệu đồng. Tuần rồi ông đi Huế, rồi bị tai nạn xe lửa và chết. Ông giám-đốc hãng Bảo-hiêm đánh giấy thép cho bà Hai như sau đây: «Trân trọng báo tin Bà biết ông Hai vừa trúng một triệu đồng trong tai nạn xe lửa.»

B.T.



3
MỠI
TÌNH
của
RICHARD
WAGNER

★ TÂN-PHONG

M

gner là người Đức, sinh tại Leipzig ngày 22-5-1813, chết tại Venise năm 1883, đúng 70 tuổi. Trong đời ông có 3 mối tình rất lãng mạn, 3 người yêu này đã gợi hứng cho ông viết ra 3 bản

nhạc thơ kiệt tác, lừng danh cả thế giới, đến ngày nay ai nghe cũng say mê.

Đầu tiên là cô MINNA, lớn hơn ông 4 tuổi, vì nàng mà ông đã soạn ra bản *Vaisseau fantôme* (Thuyền ma) tại thành phố Meudon.

Người thứ hai là bà MATHILDE, vợ một nhà kỹ nghệ, nhỏ hơn ông 16 tuổi, ở Zurich. Nàng là người đã gợi cảm hứng cho ông viết bản *Tristan et Isolde* (Đôi uyên ương Tristan và Isolde).

Người thứ ba, là cô COSI-

MA, nhỏ hơn ông 24 tuổi, con gái của đại nhạc sĩ LIZST là bạn thân của ông và sau là vợ của ông. Vì Cosima mà Wagner đã sáng tác ra bản *Siegfried* bất hủ.

Vua LOUIS II của xứ Bavière suốt đời chỉ say mê nhạc của Wagner. Nhà đại triết học đức NIETZSCHE gọi Richard Wagner là : « Thi sĩ và nhạc sĩ Orphée của tất cả những đau khổ thầm kín ». Thi hào Pháp, MALLARMÉ, tôn ông là « Vị Chúa Wagner »

Cosima, người yêu thứ ba

BA MỐI TÌNH CỦA RICHARD WAGNER

của ông, trẻ đẹp hơn hết, đã chính thức làm lễ thành hôn với ông, và được hoàn toàn hạnh phúc với ông trong 17 năm đến khi ông chết, và vẫn còn trung thành mãi mãi với tình

yêu say đắm ấy suốt 47 năm góa bụa...

Nhưng chúng ta hãy trở lại mối tình đầu của chàng nhạc sĩ Thi sĩ tài hoa của nước Đức...

MINNA

Cậu bé Richard không thấy mặt bố. Vì cậu oc oc mấy tiếng khóc ra đời, chưa biết nhìn thì bố đã chết. Tên ông là Frédéric Wagner, thư ký ở bót cảnh sát Leipzig. Nhưng ông này có phải thật là bố không ? Nhiều quyển sử đánh dấu hỏi to tướng, vì cách đây không lâu, bé Richard chưa biết ngồi thì mẹ là bà Johanna đã về ở với người tình nhân là kép hát Ludwig Geyer, rồi lấy tên người này mà đặt tên cho bé là Richard Geyer. Lớn lên, Richard Geyer không chịu như vậy, mới tự đổi tên theo tên người « cha » đã chết sớm: Richard Wagner.

Từ thuở bé, suốt thời gian còn cắp sách đến trường, cậu bé Richard Wagner đã tỏ ra có khiếu âm-nhạc đặc biệt, và chỉ chăm về âm-nhạc và thơ. lo

tuổi, cậu đã chơi *violon* rất hay và *contrepoint* rất tài tình. Cậu đã theo sát gót Đại nhạc sĩ BEE-THOVEN để học những ngón đòn tuyệt diệu. Về thơ và kịch, cậu đã đọc say mê Đại kịch sĩ Anh SHAKESPEARE và các nhà Thi-hào cổ điển của La-Mã, Hy-Lạp: DANTE, VIRGILE, HOMÈRE...

Nhưng cậu bé thần đồng đã thích sống cuộc đời phiêu lưu thơ mộng, lang bạt kỳ hồ, như đã mang sẵn trong giòng máu cái số kiếp tài hoa đa lụy ! Người ta còn nhắc chuyện một buổi chiều cậu Richard Wagner, 12 tuổi đi lang thang trên đường phố Ostra-Allee, đến trước pho tượng đồng một vị Nữ thần Âm-nhạc của thời xưa, bỗng

cậu thấy như tượng đồng quấy cựa, một bàn tay yêu điệu của Nữ thần đang gây một bài đàn. Cậu đứng lại nhìn trân trôn, rồi leo lên tượng để ngó cho tường... để nghe cho rõ... Cậu ôm lấy cánh tay Nữ thần, say mê trong tưởng tượng. Có lần cậu chạy theo xe ngựa của một đoàn xiếc trong đó có một người đang đánh nhạc. Chiếc xe chạy trước, Richard Wagner, 14 tuổi, chạy sau không biết mệt, không biết mỏi chân, miễn nghe cho được những bản nhạc của đoàn xiếc du-hành. Nhưng xe chạy xa, bỏ cậu bên lề đường, thất vọng kêu la, bụng đói, túi không tiền, bơ vơ giữa đồng không mông quạnh, chẳng biết nơi nào. Một chiếc xe song mã tung bụi từ xa vụt tới, cậu bé chặn xe lại, đưa tay ra xin tiền, đi kiếm cái quán vào ăn uống, rồi đứng-dừng đi bộ trở về thành.

15 tuổi, cậu đã tự đặt ra mấy bản nhạc để đi hát kiếm tiền. Nhạc mồm-non chưa có gì xuất-xắc, nhưng thính-giã kinh-ngạc nghe cậu đã trở tài quá sớm. 20 tuổi, Richard



MATHILDE

Wagner đã thành một chàng thanh-niên phi-thường. Người không đẹp, cằm thì dô ra, nhưng trán cao và mắt sáng quắc. Tuy là nghèo, nhiều hôm không có chút bánh mì trong bụng, áo quần xốc-xết, nhưng chàng đã gây được lòng khâm phục và cảm-mến của nhiều người, nhất là bạn trẻ, bởi chàng rất thông minh, và đọc

sách rất nhiều, mê đọc thơ, thích làm thơ và say-sưa âm-nhạc. Chàng đã có tiếng về môn này. Một hôm chàng đi lang thang đến thành-phố Landchtaedt, định kiếm một chỗ làm nhạc-trưởng trong các nhà hàng. Ngẫu-nhiên tại đây có đoàn kịch Magdebourg đang biểu-diễn. Chàng liền xin vào ban nhạc của đoàn, và được nhận ngay. Tại đây, lần đầu tiên chàng gặp cô đào hát MINNA PLANER.

Cô ấy cũng kỳ cục, đẹp thì thật đẹp, diễn kịch rất hay, có nụ cười rất tình tứ, nhưng bao nhiêu công tử vương tôn chọc ghẹo cô, muốn lấy cô, cô nhún vai gạt ra rìa hết. Lúc bấy giờ cô đã 24 tuổi, Richard Wagner mới vừa đúng 20. Wagner thấy Minna diễn kịch có tài và đẹp hơn tất cả những cô gái khác. Minna thấy chàng nhạc trưởng trẻ tuổi, nhưng tài năng và tính nết khác hơn tất cả những chàng thanh niên khác. Đêm ấy, sau khi buổi kịch hạ màn, cặp tài tử giai nhân dắt nhau ra ngồi bờ suối. Chàng bạo dạn nói :

— Tôi 20 tuổi, nhưng chưa biết yêu.

Minna đáp :

— Tôi 24 tuổi, cũng chưa biết yêu.

Hai người nhìn nhau cười rồi im lặng.

Nhưng đêm ấy, hai người tỏ cho nhau rằng họ đã bắt đầu yêu lần đầu tiên, và yêu say mê. Tháng sau, Richard Wagner và Minna Planer đến nhà thờ Koenigsberg xin làm lễ thành hôn. Vị linh mục ở nhà thờ thấy hai người cùng nói là không có cha mẹ, mà chàng thì coi bộ như còn trẻ nít quá, nằng tuy 24 tuổi nhưng cũng có vẻ trẻ con, ông bảo : « Cha sẵn sàng làm lễ cho hai con thành vợ thành chồng. Nhưng cha khuyên hai con trên đường đời nếu có gặp điều chi đau-khổ thất vọng, thì hãy cầu-cứu đến người bạn mà hai con chưa biết. »

Wagner ngạc-nhiên dăm dăm nhìn vị Cổ Đạo :

— Người bạn nào chúng tôi chưa biết, mà chúng tôi phải cầu-cứu ?

Linh-mục khẽ bảo :

— Người Bạn ấy tên là Jésus.

Richard Wagner có chép trong quyển « Hồi Ký » mấy

giòng sau đây : « Từ hôm ấy, tôi có cảm tưởng hình như tôi đang ở giữa hai sức mạnh phi-thường : một mãnh-lực của Thượng-Đế từ trên cao kéo tôi lên Thái-dương như một giấc mơ huy-hoàng, và một mãnh-lực ở trần-ai giữ tôi ở lại trong tình-yêu và đau-khổ... »

Cuộc tình-duyên trong một năm đầu, không có gì đau-khổ. Trái lại, hạnh-phúc hoàn-toàn. Minna yêu thiết-tha người chồng nghệ-sĩ mà nàng đã thấy trước là một bậc thiên-tài xuất chúng. Nhưng đến năm thứ ba, hai vợ chồng phải trốn qua Pháp vì bị các chủ nợ bao vây. Cặp uyên-ương đến Hải-cảng Hambourg, tại đây có một chiếc thuyền buồm lớn, tên là THÉTIS sửa soạn băng ra Đại-tây-dương.

Trong thuyền có đoàn thủy-thủ 7 người. Đêm hôm sau thêm 2 người khách quá-giang, và đi lên, vì trốn nợ và không có giấy thông hành: Richard Wagner, vợ chàng và con chó của chàng, tên là Robber. Chuyến đi này không ngờ lại tạo ra hoàn cảnh

cho một bản nhạc kịch vĩ đại của Wagner: CHIẾC THUYỀN MA (*Vaisseau fantôme*). Con thuyền buồm chưa ra khỏi các eo bể chật hẹp của Đan-mạch thì trời bỗng nổi lên một cơn bão tố hãi hùng. Thuyền bị lắc qua lắc lại kinh khủng và bị các đợt sóng to lớn đánh úp lên như muốn nhận chìm xuống đáy biển. Pho tượng bằng gỗ của vị Nữ thần Vận mạng của chiếc thuyền, dựng nơi mũi, đã bị gió đập gãy nát làm đôi. Chiếc thuyền nghiêng qua nghiêng lại dưới gió vút mưa dầm, giữa biển trời đảo lộn. Minna kinh hoảng ôm lấy chồng và la hét cầu khẩn các người thủy thủ mau mau lấy giấy cột nàng vào với chàng: « Tôi không muốn rời chồng tôi trong lúc chết! » Giữa nguy biến khủng khiếp như thế, mà ai nấy cố hết sức lực để tranh đấu với Tử thần, thì Richard Wagner bình tĩnh nhớ bài thơ của HENRI HEINE, nhà thi hào Đức, mà chàng vừa đọc trước khi dắt vợ lên trốn xuống tàu. Nhà thơ lý tưởng kể chuyện một người Hòa-Lan đơn độc trên một chiếc thuyền đầy những hồn ma, chiếc thuyền

bơi mãi trên khắp các đại dương và chỉ đến lúc nào chàng gặp được một người đàn bà nào trung thành với chàng thì cuộc phiêu lưu mới chấm dứt. Nhờ bài thơ ấy, lại đang sống dở chết dở trong cảnh bão tố hãi hùng này, Richard Wagner mới âm thầm nghĩ ra một bản kịch bằng thơ và nhạc.

Hình như những bậc thiên-tài luôn luôn có Thượng-đế che chở trong những phút hiểm nghèo, nên mặc dầu bão-tố kinh hồn, chiếc thuyền buồm *Thétis* vẫn chịu đựng được một ngày một đêm. Tai qua nạn khỏi, thuyền lại vượt biển qua Pháp. Đến Paris, chàng thuê một căn nhà vắng-vẻ ở vùng Meudon, và thức suốt mấy đêm viết xong quyển kịch thơ « *Le Vaisseau fantôme* », (Chiếc Thuyền Ma), đem bán cho Rạp Hát *Opéra* được 500 quan.

Để hiểu 3 mối tình kế tiếp và rất trung-thành của Nhạc-sĩ Wagner, chúng ta nên biết tóm tắt nội-dung bản kịch « *Chiếc Thuyền Ma* » :

Người Hòa-Lan đơn độc

trên chiếc thuyền đầy hồn ma kia, (theo bài thơ của Henri Heine) một lần cập bến xuống xứ Na-Uy (Norvège). Chàng gặp một ông thuyền-chài bằng lòng gả cho chàng cô con gái độc-nhất của ông, là SENTA. Senta trước kia được bố gả cho người khác nhưng nàng không chịu. Nay nghe tin Senta sắp thành-hôn với người Hòa-lan, gả kia đến trách móc nàng và nắm tay nàng ngay lúc người Hòa-Lan vừa đến gặp. Người Hòa-Lan tưởng rằng vị hôn thê của mình đã phản bội mình, liền xuống chiếc thuyền ma và nhổ neo sắp sửa ra khơi. Nhưng muốn tỏ cho chàng thấy là nàng vẫn một lòng thủy chung với tình yêu duy nhất, nàng nhảy xuống biển tự tử. Cùng lúc ấy, chiếc thuyền cũng bị chìm, và chàng cũng chết. Rồi bỗng dưng người ta thấy trời lên trên mặt biển hình chàng và hình nàng gần bó cùng nhau bay bổng lên mây xanh.

Minna, mối tình đầu tiên của Richard Wagner, cũng trung thành gần bó với chàng như nàng Senta trong « *Chiếc thuyền* »

Ma v.

Kịch này đem diễn lần đầu tiên trên sân khấu ở Dresde được công chúng hoan nghênh nhiệt liệt. Wagner lừng danh từ đây. Khuya, chàng nhạc sĩ được thành công về vang, trở về căn nhà nhỏ hẹp và vắng vẻ ở Meudon, thì chàng thấy trên chiếc giường của chàng đầy những cành lá trước-đào, tượng

trưng cho Vinh-Quang, do bàn tay nỏ nà của Minna rải lên, để mừng rỡ đón người yêu vĩ đại...

Nhưng bậc tài hoa có trung thành với người yêu chăng?... Và con chó Robber của chàng có trung thành với chàng không?

(Ký sau tiếp)



* CẢ HAI ĐỀU ĐƯỢC VIỆC

Một người đi săn trong rừng giữa mùa đông. Y gặp con gấu, toan bắn. Nhưng gấu hỏi :

— Nè, thông thả. Chú mày định bắn ta để chi?

— Để lấy da mặc cho ấm.

— Ta thì cần ăn thịt. Vậy ta mời chú mày quá bộ vào trong hang ta, chúng ta có thể điều đình để cả hai đều được việc.

Người săn đi theo gấu vào hang. Một giờ sau, gấu ở trong hang đi ra một mình, coi bộ no nê. Thế là câu chuyện điều-đình đã xong. Gấu đã ăn thịt người thợ săn, và người thợ săn đã có da gấu để mặc cho ấm.

B. T.

* DANH NGÔN : BÍ HUYẾT THÀNH CÔNG

Bí quyết thành công trên đời là lo riêng một việc cho thật chu đáo và trăm nghìn việc khác vừa đủ thôi.

(Le véritable secret de la réussite dans la vie est de s'intéresser à une chose profondément et à mille autres suffisamment.

Hugh Walpole

(Nhà văn Mỹ) !

Tình trong bông lúa

Tiếng cười trong xóm nửa canh tan,
Gạo trắng còn lưa chút mộng vàng,
Trăng cũng vừa thơm mùi bưởi ngọt,
Tình em còn nở trắng đêm sang.



Gió sớm lên mừng tuổi lúa xanh,
Đồng quê dọn sóng ngát hương lành.
Bướm vàng ngơ ngẩn bay trong nắng,
Lúa chín lên rồi : em với anh.



Mùa đã dâng hương dậy khúc cười,
Thơm tình hoang dã được niềm vui.
Trai làng nghe bước vương trên cỏ,
Nhịp gánh trăng đầy miệng hát tươi.



Mãi sống thanh bình giữa gió mây
Tình trong bông lúa hẹn duyên đầy.
Em cười trắng nở hàm răng trắng,
Mùa cười lên rồi em có hay?

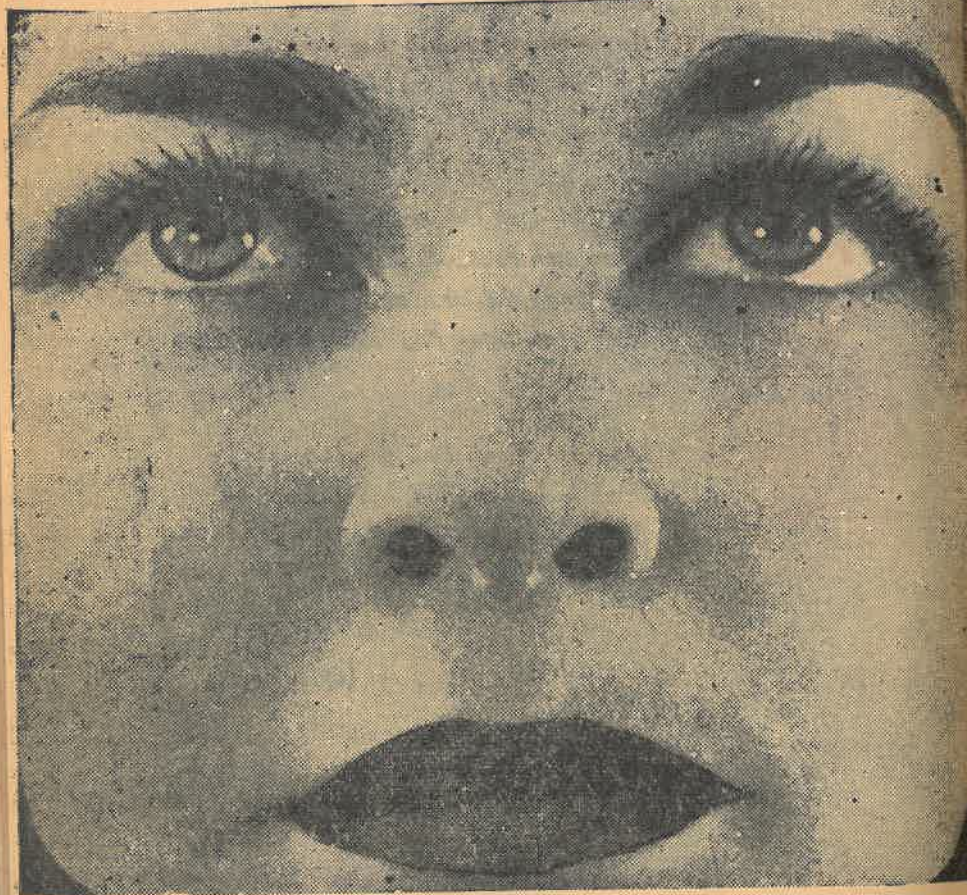
VŨ-HỒ

(Quảng-ngãi)



Những người đàn bà
lừng danh trong

LỊCH - SỬ



T U
H I
THÁI - HẬU

ĐÂY là lịch-sử một người đàn bà khắc nghiệt và tàn-bạo nhất của nước Tàu, ở cuối thế kỷ XIX, đầu thế-kỷ XX. Bàn tay ngà-ngọc của bà nắm cả quyền sinh-tử của một Đế-quốc phong kiến, rộng một nửa châu Á, gồm trên 400 triệu dân. Cuộc đời dâm dăng của bà mãi cho đến 80 tuổi vẫn còn làm kinh ngạc cả thế-giới, và trên địa hạt chính trị một mình bà nắm đầu cả một triều-đại Mãn-Thanh, mà bà làm cho run sợ, kinh hồn, trong 50 năm chuyên quyền độc-đoán, đương đầu với 6 cường quốc : Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật, Nga.

Hai nhà văn lừng danh nhất của nước Tàu, Lương-khải-Siêu và Khang-hữu-Vy, khuyên bà, bà không nghe. Một tay gian-hùng bậc nhất ở Triều-đình, Viên-Thế-Khải, sợ bà như sợ cọp. Ngồi trên ngai vàng, bà dẫm chun lên hàng triệu xác chết. Thế mà cả nước Tàu chẳng ai dám làm gì bà. 83 tuổi bà chết, nước Tàu bỗng đứng như không có chủ, rơi vào nội loạn, đồ nát tan tàn...

✧ TÂN PHONG

Trên ngực có hình con hổ

MỞI ra chào đời 3 hôm, cô bé LAN NHI đã được một ông thầy xem tướng bảo : " Nơi ngực có hình con hổ đó là điềm quý tướng, về sau lớn lên được tiến Cung và làm chúa tể thiên hạ ..

Cha mẹ của Lan Nhi thuộc giòng thế gia, lệnh tộc được trọng vọng nhất ở Mãn-châu. Tuy vóc vạc bé nhỏ nhưng bầm chất rất cứng cỏi, đứa bé đã thường thích tắm gội bằng nước lạnh và phơi truồng trước gió trong mùa đá rét.

Vào thời ấy, ly loạn tràn lan khắp xứ Trung-Hoa. Hai nước Pháp và Anh dùng võ lực uy hiếp Chính - phủ của Hoàng-Đế nhà Thanh buộc phải mở rộng các thương cảng cho ngoại-quốc thông thương, bồi thường chiến phí và nhượng Hương-Cảng cho người Anh làm tô giới. Toàn dân sôi sục căm hờn, nhứt là đối với các giáo-sĩ và những nhà doanh thương ngoại - quốc. Một người tên là HỒNG-TÚ-Toàn đứng lên cầm đầu một đám

nghĩa-quân, và xưng hiệu « *Thái bình Thiên - quốc* » nổi lên chống lại triều đình Mãn Thanh. Người theo rất đông, thế giặc mạnh như vũ bão, sắp tiến tới tỉnh của cha Lan-Nhi trấn nhậm. Ông cùng gia quyến lo chạy trốn trước, bỏ cả nhiệm-vụ. Về sau bị triều-đình khép tội, bắt cầm ngục. Ông sầu muộn nên phát bệnh chết trong khám.

Từ đó Lan-Nhi và mẹ lưu lạc đó đây, sau cùng vì đói khổ quá nên Lan-Nhi phải bán mình vào nhà một trọc phú ở Quảng đông. Bị hành hạ khổ sở đủ điều, tuy vậy nàng cố nhẫn-nhục chịu đựng.

Đến khi Hoàng-đế Đạo Quang băng-hà, vua HÀM - PHONG lên nối ngôi Thiên-tử và giáng chiếu tuyên chọn cung nữ. Theo tục lệ triều Mãn Thanh, cung nữ được tuyển trong hàng quý tộc và hoàng phái. Lan-Nhi vốn giòng quý-phái nên nàng quyết định ghi tên ứng thí.

Trước ngày lễ tuyển phi, quan

Thái phó tới dạy cho Lan-Nhi những cách đi đứng, lễ nghi và đối đáp theo tục lệ trong Cung.

Lúc nàng đến trình diện trước ban giám khảo, nàng đã làm cho toàn ban chăm thi phải lấy làm lạ về tài ứng đối trôi chảy và đáng đáp yêu kiều của nàng. Kể đó phải chịu một phen chọn lựa kín đáo về thân thể do những bà giám khảo xem xét kỹ lưỡng trong căn phòng vắng vẻ.

Những thiếu nữ được trúng tuyển sẽ được trình diện trước Hoàng đế và Ngài sẽ chọn những người mà Ngài ưa thích nhất. Số phận của đám người ấy sẽ được định đoạt trong

giờ phút chót này. Trong khi chờ đợi Ngự giá trong vườn Thượng uyển, đám thiếu nữ ấy bị bọn thái giám lên mặt hống hách, nên khép nép sợ hãi. Duy có Lan-Nhi vẫn nghiêm nhiên như thường, nàng đợi lúc xe giá đến gần, liền lên giọng chỉ trích bọn nội giám kia, cốt làm cho nhà vua lưu ý đến mình. Thật quả như dự đoán của nàng, vua Hàm Phong ngạc nhiên về sự dạn dĩ ấy, và dăm dăm nhìn sắc đẹp lộng lẫy của nàng liền, chăm cho nàng được trúng tuyển. Ngồi trên chiếc kiệu hoa rực rỡ ánh vàng có các hoạn quan theo hầu thẳng tiến vào cung điện, Lan Nhi đã thỏa giấc mộng phi tần từ bấy lâu ôm ấp.

Ngồi bên chưn Vua

Sau buổi tiến cung, Lan-Nhi từ địa vị một cung nữ tầm thường không bao lâu làm cho mọi người phải chú ý. Dùng tài ăn nói bất thiệp khéo chiu chuộng, nàng đã làm đẹp lòng Hoàng hậu TỪ-AN, vợ chánh thức của hoàng - đế. Về phần Vua Hàm-Phong, Ngài không khỏi đắm say vì sắc diễm kiều và

giọng nói dịu-dàng của quý-phi, tơ đào mơn - mơn, đến nỗi khuya sớm không rời.

Một thời-gian tạm yên, loạn « *Thái bình* » của HỒNG-TÚ-TOÀN lại nổi bùng ghê-gớm hơn bao giờ hết. Loạn quân vây hãm Nam kinh và uy hiếp cả Bắc kinh. Quân triều phải liều thân ngăn trở mới chặn

được bước tiến vũ bão của quân phiến loạn. Trong khi ấy Lan-Nhi khéo chia xẻ nỗi lo âu phiến muộn của nhà vua bằng cách khuyên lơn và dự bàn tới việc nước. Nàng âu-yếm ngồi dưới chân vua, đọc các sớ tâu từ xa gởi về, và đàm-đạo cùng Vua về cách giải quyết những vấn đề rắc rối. Trong những trường hợp này, nàng cung-phi yêu-dấu của Vua đã tỏ ra thông-minh phi-thường.

Thời vận đã đến kịp lúc giúp cho nàng sớm toại nguyện, vì sau đó không lâu nàng trở sanh được một hoàng-nam đứng vào chỗ mong ước của Vua Hàm-Phong, vì Hoàng-hậu Từ-An không có con. Lan - Nhi liền được đưa lên chức TÂY-PHI.

Sau khi được lòng nhà vua sủng ái, nàng càng ráo riết hoạt động để kéo những kẻ quyền uy trong triều về phe mình, trong số ấy có cả các vị đại tướng và những bậc vương hầu. Trong lúc Lan-Nhi củng cố địa vị bên trong thì bên ngoài những cuộc đồ máu vẫn tiếp diễn mãi không ngừng.

Lợi dụng cảnh hỗn độn trong nước, triều đình bất lực, người

Anh và người Pháp bèn thừa cuộc tàn sát giáo sĩ, tuyên chiến với Trung hoa, chiếm lấy Quảng-đông, rồi tiến thẳng tới Bắc kinh. Quân triều vỡ tan trước lực lượng hùng hậu của đối phương. Nhà vua quyết định dời đô về Nhiệt-hà, cách Bắc-kinh 125 dặm ở về mạn bắc Vạn-lý trường thành.

Đây là năm 1860, một thời kỳ u ám thảm thê nhứt trong lịch sử Trung-Hoa. Quân Đồng-minh Anh, Pháp cướp bóc châu ngọc, phóng hỏa thiêu hủy cung điện, tiếng kêu khóc vang rền một phương trời, khói bốc mù mịt lan rộng hàng trăm dặm.

Hơn nữa, loạn Thái bình đoạt lấy Nam-kinh, tin đồn Hồi giáo nổi loạn phá Đại lý. Biết thế chống cự không lại, Thanh triều phải chịu cầu hòa và ký hòa ước với Anh Pháp, theo bản ký kết thì ngoài khoảng bồi thường quân phí, triều đình còn phải cắt đất nhường các đô thị lớn cho Anh và Pháp làm tô giới và người ngoại quốc được tự do thông thương trong nước.

Hoàng đế Hàm - Phong vừa thất vọng vừa đau ốm, triều thần

đổ tội cho Tây phi đã mê hoặc quân vương. Bất đắc dĩ nhà vua phải chịu theo ý của quần thần. hạ chỉ buộc Tây phi phải tử tiết

sau khi vua băng hà. Nhưng ngọc-tỷ (ấn vua) không cánh đã bay đâu mất khi người ta kiếm đề đóng vào đạo sắc chỉ nói trên.

Cầm đầu một nước

Ngày 22-8-1861 vua băng hà thọ được 30 tuổi. Chiếc ấn Vua bỗng nhiên lại thấy xuất hiện trong tay vị Thân vương QUẢNG, bác ruột của Vua, và là một trong những tình nhân tin cậy nhứt của Tây phi. Hành động trước tiên của nàng là tiêu diệt bọn đại thần trước kia đã tố cáo nàng, khiến các quan đều khiếp vía.

Tây-Phi đưa đưa con trai mới 5 tuổi lên ngôi đặt hiệu là ĐỒNG TRỊ HOÀNG ĐẾ, và tự phong cho mình làm Thái hậu hiệu là TỪ-HI. Lúc bấy giờ nàng mới có 27 tuổi. Vì Đồng-Trị còn nhỏ, nên TỪ - HI THÁI-HẬU cầm quyền nhiếp-chính, coi sóc tất cả việc nước. Quảng, ông bác chồng và là tình nhân của nàng, được nàng tôn làm Phụ-chánh Đại-thần, nhưng nàng không cho dự việc nước. Từ đó về sau nàng càng lộng quyền, trở nên bạo tàn,

kiêu xa thái thậm. Nàng đem tất cả quân-lực vào việc dẹp loạn Thái-bình, đoạt lại được Phúc-châu và phá tan quân giặc trong những năm về sau.

Từ khi cung-diện bị phá hủy, triều-dinh dời tới một khu cấm ở giữa Bắc-kinh, chung quanh có những bức tường đá, bên trong có hồ sen, có ao cá vàng, có những vườn hoa mẫu-đơn, những khu rừng con con trồng toàn kỳ-hoa dị-thảo. Nàng truyền lệnh đàn ông không được hót tóc, ăn mặc chải-chuốt, đàn bà không được trang-diễm. Những đứa trẻ sanh trong thời kỳ có tang của đức vua đều bị coi là con hoang vì mẹ cha chúng đã phạm vào luật thanh khiết.

Sau thời kỳ tang chế, mọi người đều nẩy nở bao niềm hy-vọng trong tâm khảm, chỉ riêng có HOÀNG ĐẾ ĐỒNG TRỊ tức

ấy được 12 tuổi. Tuy là con ruột của Từ-Hi Thái hậu, được nối nghiệp Đế vương, nhưng nhà vua trẻ tuổi cảm thấy mình ở nơi cung điện nguy nga mà không khác gì bị giam hãm chốn lao tù. Ngày ngày hoàng đế phải dậy từ buổi sớm tinh sương, ngự trên ngai vàng và nghe những bản sớ tâu dài dằng dặc mà ngài chẳng hiểu tí nào cả. Mỗi cử động của ngài đều phải tuân theo một kỷ luật khắc nghiệt. Mẹ là Từ-Hi Thái hậu, chỉ luôn luôn nói tới quyền lợi và bần phận, không hề có một cử chỉ gì bộc lộ lòng triu mến thương yêu con. Dần dần Ngài đâm ra oán ghét con người khô khan, hách dịch và vô nhân đạo ấy, trong lòng vị ấu quân nẩy sanh ra ý tưởng thoát ly khỏi sự kềm chế của bà.

Năm Ngài lên 17 tuổi, triều đình chọn được 7 thiếu nữ con nhà quý tộc để cho Ngài chọn lựa Hoàng-hậu. Thay vì nghe theo lời Từ-Hi Thái-Hậu buộc phải chọn nàng Thân-Bình, hoàng-đế lại chọn thiếu nữ A-LƯ-ĐỨC, có sắc đẹp lộng lẫy vừa lòng Ngài. Từ-Hi quắc mắt nhìn con, cổ nển một tiếng kêu căm hờn.

Từ đó giữa Từ-Hi Thái-hậu

và Hoàng-hậu mới, sinh ra mối tử thù.

Thoạt tiên, Thái hậu tìm cách chia rẽ Vua và Hoàng hậu, viện cớ "quốc gia hữu sự không nên nịch sắc", kỳ thật là sợ Hoàng-hậu có thai thì ngôi vị và quyền uy của mình sẽ bị gây đổ. Nơi phòng Vua bị bọn hoạn quan tuần phòng không cho Hoàng-hậu đến thường, một mặt khác Thái hậu ngầm đưa các cung tần đến cho con đắm chìm truy lạc, càng ngày càng sa đọa trong nhục dục, để đừng còn tưởng nhớ đến Hoàng-hậu nữa. Nhà vua gặp cảnh chia ly với người yêu, đâm ra thất vọng, chơi bời phóng dăng, tiêu mòn sức lực trong cảnh mê ly bất kể ngày đêm. Không bao lâu, nhà vua vướng bệnh nặng, ngự y khám xong nhận thấy ngài mắc phải bịnh phong tình.

Dẫu có lời ngăn cấm của Từ-Hi Thái-Hậu, khi nghe tin chồng hấp hối, hoàng hậu cũng xông đại vào chốn long sàng. Nhà vua dù kiệt sức cũng cố thảo bức di chúc, ra lệnh sau khi ngài băng hà, triều đình phải bắt giam Từ-Hi Thái-Hậu. Tin ấy đến tai Thái-hậu, bà tức tốc đến nơi bắt nhà vua phải đưa tờ di chúc ra, Đồng-Trị sợ hãi, không dám cãi

lệnh. Từ-Hi xem xong liền kê vào ngọn bạch lập, đốt cháy vèo.

Canh hai đêm ấy, nhà vua vì quá khiếp đảm nên băng hà (12-1-1875). Ngài mới hưởng thọ được 19 tuổi.

Tang lễ cử hành xong, Từ-Hi Thái hậu liền lập một người cháu mới được bốn tuổi lên ngôi, tức là vua QUANG TỰ. Về sau nghe tin con dâu có mang và nếu sanh con trai thì ngôi báu phải trả về cho đứa bé và chức Thái-hậu cũng mất hết uy-quyền, vì phải thuộc về Hoàng hậu. Sau vài hôm tính kế, Từ-Hi Thái hậu cho vời Hoàng hậu và thân phụ nàng vào cung, đem hết lý lẽ nền

luân lý chuyên chế giảng giải cho cha con Hoàng-hậu hiểu rõ rằng vì quyền lợi của quốc gia, mà không thể nào để cho đứa bé được ra đời vì nó đã vướng phải bịnh di truyền của cha nó, điều này có thể làm nhục nhã cho quốc thể ngàn đời. Chỉ có cách hy-sinh thì danh-dự của Hoàng-Hậu, của Hoàng-đế vừa băng-hà, và quốc-thể của Thanh triều mới có thể cứu-vãn được.

Cố nén dòng lệ đau-thương tủi hờn, Hoàng-hậu A-Lư-Đức vì lòng trung-trình, xem phận-sự nặng hơn tánh-mạng, kết liễu đời mình và luôn cả bào thai đang nằm trong bụng bằng chén độc-drợc, sau khi chôn cất được 70 ngày.

Những chàng trai trẻ đẹp trong cung cấm

Vững tin vào uy-quyền của mình, Từ-Hi Thái-hậu càng ngày càng xa-xí kiều-căng, xây thêm cung-diện, bày đủ cuộc vui. Nhưng trong cung còn có Từ-An Thái-hậu là vợ cả của vua Hàm-Phong. Muốn diệt trừ luôn bà này để được một mình hoàn toàn tự-do, Từ-Hi hăm bắt giam bà Từ-An. Bà này liền lấy trong

tay áo ra một đạo sắc chỉ của Hoàng-đế quá cố để lại, trao cho Từ-Hi xem. Trong bản sắc chỉ ấy, Vua Hàm - Phong bảo rằng: "Từ-Hi là một người đàn bà đầy dẫy tham vọng và chuyên chế, nên Ngài trao cho Từ-An Thái-hậu trọn quyền bắt giam Từ-Hi để xét xử, nếu thấy cần cho quyền lợi của triều đình." »

Thế mà Từ-An không bao giờ dùng đến quyền hành ấy. Đề tỏ lòng cao thượng của mình, Từ-An Thái-Hậu liền đốt mảnh giấy trước sự kinh-ngạc của Từ-Hi Thái-Hậu.

Từ-Hi tỏ vẻ cảm-động và cảm ơn Từ-An về cử-chỉ đẹp-đẽ ấy. Muốn tỏ tình thân mật, sau khi về cung, Từ-Hi sai thái-giám mang biếu Từ-An một chiếc bánh do chính tay bà gói, Từ-An vui vẻ ăn chiếc bánh ấy và bị trúng độc chết ngay trong đêm đó.

Hôm sau, anh ruột của Từ-An Thái-hậu đến trước cửa Ngọ môn đầu-cáo kẻ đã đầu độc em gái của ông, và kêu-nài điều-tra về cái chết bất ngờ ấy. Nhưng chẳng ai dám nghe những lời kêu thống thiết của ông! Ông kêu mãi đến nỗi khan cả cổ, khóc hết hơi và cuối cùng kiệt sức, đâm ra cuồng trí, xé quần áo và chết trong cơn mê sảng...

Kể từ đó, Từ-Hi Thái-hậu tự do say-đắm thú vui riêng và chọn những thanh-niên trai tráng từ 16 tuổi đến 20 tuổi, vui thú ái-

ân. Những chàng trai trẻ may-mắn ấy đều bị Thái-Hậu cho thủ-tiêu một cách âm-thầm bí-mật!

Cuộc đời dâm-đăng của Từ-Hi Thái hậu là cả một trường-hợp hi-hữu trong lịch-sử. Cho đến 80 tuổi, Từ-Hi Thái-hậu vẫn còn sức lực, da mặt của bà còn tươi thắm như hồi còn 40 tuổi. Luôn luôn trong phòng Thái-hậu, có rất nhiều chậu hoa quý, và một bầy chó, một bầy mèo. Tiếp các bà Phu-nhân, vợ các Đại-sứ Ngoại-quốc, Từ-Hi Thái-hậu đưa họ đi dạo trong vườn Ngự-uỷên, và luôn luôn bà đi khỏe hơn họ. Bà nhảy ngang qua những giòng suối uốn quanh, bà leo lên các gò đá lởm-chổm, bà đi bách bộ hằng hai ba giờ không thấy mệt. Một hôm, trong một cuộc tiếp-tân, giữa đám đông các bà vợ của các Đại-sứ Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Ý, bà cười nói với bà Đại sứ Pháp như sau đây:

“Quý bà cứ phân nản rằng phụ nữ mình mau già. Đó là bởi tại chồng của bà quên bà, và tình nhân của bà bỏ rơi bà...”

Bà Stéphen Pichon, vợ của viên Đại sứ Pháp, nghe Từ-Hi Thái hậu nói như thế, bà trở mắt nhìn Thái hậu, hoàn toàn kinh ngạc. Trong lúc đó, các bà Đại-sứ Mỹ, Anh, Đức, Ý, Nga, cười ngất, và cũng theo phép xã giao trầm trồ khen ngợi Thái-Hậu.

Câu chuyện bắt hủ này được truyền sang Âu-châu, làm tài-liệu lịch sử và ngoại giao vô cùng thú vị cho các nhà Báo thời bấy giờ. Đến đổi một tờ báo bệ vệ, già cỗi nhất của Anh quốc, là tờ *Time*, cũng không khỏi không đăng mấy giòng tỏ lời khâm phục sức khỏe dẻo dai hiểm có của Thái-hậu Trung-Hoa!

Cung-nữ Ngạc-Trân làm thơ thất tình bên cây táo

Từ-Hi Thái-Hậu xuống lệnh tuyển vợ cho vua QUANG-TỰ, nhưng bà không khỏi ngạc nhiên khi nghe Bộ Lễ trình chỉ có vồn vẹn hai thiếu nữ ứng cử.

Nguyên nhân sự thờ ơ ấy chỉ vì những vị quan nhà Thanh không muốn cho các con gái họ vào cung diện của Bà Từ-Hi là nơi luôn luôn xảy ra những chuyện ám sát hoặc đầu độc vì quyền lợi hoặc chính trị. Bà Từ-Hi tức giận truyền chỉ cho vời 8 người thiếu nữ, con của các quan mà Bà cho là có đủ điều kiện để tham dự cuộc tuyển lựa làm Hoàng-hậu.

Tới ngày chọn lựa, những thiếu nữ nói trên được đưa vào

một gian phòng, cực kỳ lộng lẫy. Từ-Hi Thái-hậu ngự trên ngai vàng, nét mặt lạnh lùng, đôi mắt sắc như dao. Hoàng-đế Quang-Tự, cháu bà, khép nép đứng bên trái. Đoàn hoa khôi trang diện vô cùng diễm lệ lần lượt diện qua trước mặt Thái-hậu và Hoàng-đế, mỗi nàng cầm nơi tay một phiến bài có ghi rõ ràng tên tuổi, gia thế, chức vị của mẹ cha, quê quán. Thái-hậu trao cho Hoàng-đế một cây vương-trượng, đề lúc Hoàng-đế ưng-ý nàng nào thì ngài sẽ trao cây vương-trượng cho nàng đó cầm.

Say sưa vì sắc đẹp yêu kiều của một nàng trong bọn, Vua



TỪ HI THÁI HẬU lúc 50 tuổi

Quang-Tự toan trao cây vương-trượng cho nàng, nhưng bắt ngờ Từ-Hi Thái-hậu gằn mạnh một tiếng, chỉ cho nhà Vua một thiếu nữ khác, con gái của một người anh họ của Thái-Hậu. Hoàng-đế lấy làm phần uất nhưng không dám trái lệnh, đành chọn vị hoàng hậu không vừa ý mình. Người thiếu nữ được vì vua trẻ tuổi dễ ý, buồn bã ra về, lòng vô cùng chán ngán vì thất vọng. Không thể chống lại niềm tủi nhục đau hờn, sau khi tắm gội tinh khiết, nàng kết liễu cuộc đời bạc phước của mình bằng một dải lụa màu trinh trắng.

Vua Quang-Tự nghe tin ấy buồn bã vô cùng. Ngài nhất định không yêu Hoàng-hậu do Thái-Hậu ép buộc gán cho Ngài, Ngài đi tìm an ủi trong cánh tay của một nàng cung nữ, xinh đẹp, dịu dàng, có học thức tên là NGỌC-TRÂN. Do theo những lời khuyên nhủ của Ngọc-Trân, Hoàng-đế nhứt quyết ban hành những sự cải cách chống lại quyền uy tàn ác của Thái-Hậu. Để theo kịp liệt cường về mọi mặt, Ngài cho dịch sách vở Âu-châu ra tiếng

Trung-quốc, và tạo lập những đoàn hùng binh võ trang theo kỹ-thuật Tây phương. Thái-hậu ngoài mặt giữ vẻ thần nhiên, nhưng thâm tâm vô cùng căm tức.

Một hôm Hoàng-đế ra lệnh cho vị Đại thần VIÊN THẾ KHẢI bắt Từ-Hi Thái-hậu hạ ngục, nhưng Viên-thế Khải tuy rạp đầu tuân lệnh vua, nhưng lại sợ Thái-Hậu, nên đem mọi việc kể lại cho Thái-Hậu rõ.

Ngày hôm sau, vào lối 8 giờ sáng khi Hoàng-đế lâm-triều như thường-lễ, một sắc lệnh của Thái-hậu dạy đoàn quân Ngự-lâm bắt giữ nhà vua và sau đó đem giam vua ở Doanh-dài, trong Hoàng-thành, rờn-rã mấy năm!

Cung nữ Ngọc-Trân là người yêu của vua cũng bị giam vào cung lãnh, không một ai được phép thăm viếng. Ngày ngày nàng ngồi dưới một gốc cây táo trong sân cung, tự tay thảo hàng bao nhiêu bài thơ tình lâm-lý nào nuốt mà không bao giờ được đến tay quân vương. Hết qua thu lại, rồi đến đông về, muôn ngàn cỏ hoa rồi cành nơi cung cấm, nàng cung nữ đáng thương kia cũng chết lẫn mòn

trong đá lạnh.

Cây táo mà dân chúng gọi là « Cây táo Ngọc-Trân » hiện nay vẫn còn, và hằng năm cũng trở hoa sớm hơn những cây táo khác, hình như còn phảng phất hồn thiêng của Ngọc-Trân cung nữ.

Sau đó, Từ-Hi Thái-Hậu phải đương đầu với bao nhiêu chuyện rối rắm về chính trị. Các nhượng địa đã trở thành những quốc gia thực sự ở trong nước. Quân Nga chiếm Lữ - thuận, người Đức dành luôn Thanh-đảo. Đối với người Tây phương, nước Tàu là miếng mồi béo bở cần được phân chia gắp. Đứng trước cơ nguy rõ rệt ấy, toàn dân Trung - Hoa cực kỳ phản uất nên gây ra loạn.

QUYỀN PHỈ (les Boxeurs) vùng dậy khắp nơi. Bọn này vẫn khấn đồ tự xưng là không chung đội trời với người Tây phương. Họ tàn sát Nam tước VON KETTELER, sứ thần Đức quốc

và tấn công các sứ quán ngoại quốc, bao vây, công hãm các khu nhượng địa non ba tháng trời mới có viện binh tiếp cứu.

Trong giai đoạn này Từ-Hi Thái hậu trải qua những giờ phút kinh hoàng và do dự. Ngài thừa rõ nếu quân nội loạn đắc thắng thì Ngài sẽ bị chúng hạ bệ. Lúc cuộc chiến đấu sắp tàn, Ngài e người ngoại quốc sẽ tìm vua Quang - Tự để ký hòa - ước, vì vậy Ngài truyền đến Doanh-đài, mở cửa ngục rước Hoàng-đế về, và cùng nhà vua đào tẩu. Vua Quang-Tự từ khi nghe tin NGỌC-TRÂN đã chết thì như kẻ không hồn, tha hồ cho bọn thị vệ lôi kéo. Một buổi sáng mùa đông lạnh lẽo, nhà vua co ro trên một chiếc kiệu phủ rèm kín, Từ-Hi Thái-Hậu cải trang làm một cô gái quê, các cung tần thị vệ đi xe ngựa, giã từ kinh-kỳ, trốn ra cửa Bắc.

Trong lúc ấy đoàn quân ngoại chủng chiến thắng, say sưa, bạo tàn, hãm hiếp, đốt nhà cướp của, cảnh điêu tàn hiện rõ khắp nơi nơi !...

Hoàng hôn của Nữ Chúa

Sau đó không lâu hòa ước Bắc kinh được ký kết để chấm dứt cuộc lưu vong của Hoàng gia. Dĩ nhiên triều đình Trung - hoa phải nhận hết phần lỗi, chịu bồi thường chiến phí và cắt đất

nhượng địa thêm nữa. Dù vậy Từ-Hi Thái hậu vẫn mãn nguyện vì được an toàn trở về ngôi báu. Trái lại toàn dân còn uất ức và ngấm ngấm hoạt động để gây mầm cách mạng về sau này.

Kể từ khi trở về Bắc kinh, là những năm trời sung sướng của Từ-Hi Thái hậu, Nhà vua đã mất hết ý nghĩa về đời sống quanh mình và ngày đêm nằm bên bàn đèn thuốc phiện để tiêu sầu. Thái hậu mặc tình chuyên chế. Đến năm 80 tuổi mà sắc diện bà vẫn còn tươi trẻ như một thiếu phụ ngoài 40, một điều mà mọi người đều không khỏi lấy làm lạ.

Vào khoảng hạ tuần tháng 11, năm 1908, sau khi dự yến nơi cung điện, Từ-Hi phát bệnh. Trong khi ấy, vua Quang - Tự cũng vương bệnh nặng và trút hơi thở cuối cùng, miệng còn lẩm bầm tên người yêu.

Thái hậu thấy cần gấp rút chọn người kế vị, Ngài chọn PHỒ-NGHI, cháu của Ngài, lên ngôi. Vị Hoàng đế mới này mới có 2 tuổi và lấy niên hiệu là Tuyên-Thống. Từ-Hi Thái-hậu băng hà ngày 15 tháng 11 năm 1908 Trong những năm chót, bà đã lo xây dựng nơi yên giấc ngàn thu

của mình, và sau khi an táng vẫn có hoạn quan ngày đêm canh giữ mộ phần.

★ **KẾT - LUẬN.**— Triều đại Từ-Hi Thái - Hậu trị vì nước Trung-hoa chịu không biết bao nhiêu là thảm bại nhục nhã. Đó cũng vì chế độ tàn bạo ngu tối của bà. Mỗi lần thảm bại càng nung sôi chất chứa lòng uất hận của toàn dân.

Các văn nhân Trung-quốc như **LUÔNG - KHẢI - SIÊU** sau khi bôn tẩu ra ngoại - quốc khỏi bàn tay rướm máu của nhà Thanh, có viết nên sách *Trung quốc sử* lời văn hùng hồn, bi tráng, giọng thành thực thiết tha hải tội Tây Thái hậu (tức là Từ-Hi) và chính sách tồi tệ của bà đã đưa Trung-hoa vào con đường vong quốc. Từ-Hi Thái-hậu chết rồi, Dân tộc Trung-hoa bừng tỉnh dậy lật đổ Thanh triều.

Nhưng than ôi, cuộc cách-mạng của **TÔN VĂN** cũng không làm sao cứu vãng được Trung-hoa, vì một người đàn bà của Triều đại Mãn Thanh đã làm cho nước Tàu mục nát hết rồi...

TÂN - PHONG
và **LÂM-HỮU-NGÂN**

Thế nào là

THƠ MỚI

★ PHƯƠNG-HẢI

VÀ THƠ TỰ-DO

N GÀY trước, khi THƠ MỚI vừa ra đời thì giữa THƠ MỚI và THƠ CŨ đã có một ranh tuyến hẳn-hỏi: THƠ CŨ là những loại Thơ cổ điển Hoa-Việt, đã có thông-dụng từ trước, THƠ MỚI là các loại Thơ mới xuất hiện từ 1930 do ảnh-hưởng của thể-thức Thơ Pháp.

Nếu THƠ CŨ đã có một quy-luật chặt - chẽ, niêm luật hẳn-hỏi, thì THƠ MỚI cũng có các quy-luật riêng của nó để tạo thành những tiết tấu âm-hưởng điều-hòa.

Hình - thức của THƠ CŨ

nằm trong một khuôn - khổ nghệ-thuật quá chặt hẹp. Lối dùng chữ và hòa-hợp âm-thanh của mỗi chữ, mỗi câu, phải tuân theo một định-luật bất khả di-chuyển. Nội-dung thì phần nhiều chứa những tư tưởng sáo, thiếu mức diễn đạt, ý thơ bị trói buộc bởi hình thức, và không vượt ra khỏi những công thức có sẵn từ xưa... Mới đọc qua năm ba bài thì hay, càng đọc nhiều càng thấy chán, một thứ chán vì nhàm bởi thiếu cái mới lạ.

THƠ - MỚI đã xuất hiện hợp thời vì nó đem đến cho

THƠ MỚI VÀ THƠ TỰ DO

chúng ta cái MỚI-LẠ ấy. Đó chính là yếu tố xác định sự chiến thắng của THƠ MỚI đối với THƠ CŨ.

Danh-từ THƠ-MỚI đối với THƠ-CŨ đã được phân biệt rõ ràng bởi các đặc tính của nó từ ý thơ đến thể cách.

Nhưng từ hồi thể-chiến thứ hai, lại nảy ra loại thơ Tự-do, loại này cũng chỉ là theo khuynh hướng của thơ Pháp đã có từ 1900.

Nay chúng ta thử xét về hình thức và nội-dung của Thơ-Mới và Thơ Tự-do để xem khác nhau như thế nào.

Mặc dầu không ở trong khuôn khổ quá khắt khe như Thơ-cũ, THƠ-MỚI vẫn có âm luật riêng, vần-điệu rõ ràng theo từng loại thơ: từ 2 chữ đến 8 hoặc 9 chữ hay nhiều hơn nữa, áp-dụng theo lối gieo vần của thi ca Pháp.

Tôi xin trình bày sơ một vài dẫn chứng về những lối gieo vần như thi-ca Pháp mà Thơ MỚI đã áp dụng, để chúng ta dễ bề nhận định, bởi VẦN là phần hệ trọng của Thơ, THƠ mà không VẦN thì không phải

là Thơ nữa.

Vần tréo (rimes croisées): vần cuối câu 1 ăn với cuối câu 3 và cuối câu 2 ăn với cuối câu 4:

Trước Thượng-đế hiền từ tôi sẽ
ĐẤT

Trái tim đau khổ héo thuở trần
GIAN

Tôi sẽ nói: này đây là nước
MẮT

Ngọc đau buồn nguyên khối vẫn
chưa TAN.
(Thơ H.C)

Vần ôm:

Vần cuối câu 1 ăn với vần cuối câu 4, vần cuối câu 2 ăn với vần cuối câu 3.

Anh là trai chiến TRƯỜNG
Em là gái thành NỘI

Gặp nhau ta chẳng NÓI

Mắt nhìn thoáng tình THUỜNC
(Thơ Y.L.)

Vần tiếp (rimes plates)

Cứ 2 vần bằng rồi tiếp theo 2 vần trắc và cứ tiếp nhau như thế mãi.

Em tôi ơi! tình có nghĩa gì
ĐAU

Nếu là không lưu luyến buổi sơ
ĐẦU?

Thuở ái-ân mong manh hơn nắng
 Hoa bướm ngập ngừng, cỏ cây
 Hẹn ngày mai, mùa đến sẽ vui
 Chỉ ngày mai mới đẹp, ngày mai
 Em cứ hẹn nhưng em đừng đến
 Tôi sẽ trách? có nhiên. Nhưng rất

LƯA

lần LỬA

TUỔI.

THÔI...

NHÉ!

NHỆ

Nếu trót đi, em hãy gắng quay VỀ
 Tình mất vui lúc đã vẹn câu THỀ
 Đợi chỉ đẹp những khi còn đang

DỜ

Thơ viết dừng xong, thuyền trôi
 Cho nghìn sau lờ lững với nghìn

cho ĐỔ

XUẢ

(Thơ HỒ DZÍNH)

Văn-lập: dùng theo lối gián
 cách và chỉ lấy một vận duy
 nhất, không thay đổi, tức là
 độc vận:

Trước cái chết tôi sẽ cười sung
 Hồn nhẹ nhàng phải sạch nợ trần

swong

GLAN

Mà lúc sống tôi đã từng đau khổ

Bao oan sầu theo vương vít vương
 Mảnh tim đen mấy lần tuồng máu

MANG

đỏ

Tiền âm thầm người mộng xuống
 Những lúc ấy hồn tôi như ngắt lịm

đỏ NGANG

Muốn ngày nào được chết giải
 tình OAN.

(Thơ PHƯỢNG HỒNG)

Ngoài các lối gieo vần như
 trên, THƠ MỚI còn áp dụng
 theo hình thức như thơ Pháp,
 hoặc liên tiếp không hạn định
 số câu, hoặc từng tứ đoạn (qua-
 train) hợp lại, tuy nhiên mỗi
 câu đều có hạn định số chữ, từ
 2 đến 8 hoặc nhiều hơn nữa.

Đặc điểm ở các loại thơ này
 có NGUYỄN VỸ đã sáng tạo
 ra lối thơ 2 chữ để diễn tả cái
 gì rơi nhẹ nhẹ, và VŨ -
 HOÀNG - CHUÔNG đã
 sáng tạo ra lối thơ 6 chữ diễn
 tả những cảm giác thoáng qua.

Bài TÌNH GIÀ của PHAN
 KHÔI (đăng trong P.N.T.V số
 132 ngày 10-3-1932) tuy số
 chữ không đều trong các câu

nhưng vẫn có Vần sắp xếp theo
 âm điệu:

Hai mươi bốn năm XUA

Một đêm vừa gió lại vừa MƯA

Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà
 NHỎ

Hai mái đầu xanh kề nhau than
 THỞ:

— Ôi đôi ta, tình thương nhau
 thì vẫn NẮNG

Mà lấy nhau hầu là không ĐẮNG

Đến nỗi tình trước phụ SAU

Chỉ cho bằng sớm liêu mà buồn
 NHAU

Hay mới bạc làm sao CHỜ?

Buông nhau mà làm sao cho NỖ?

Thương được chừng nào hay chừng
 NẤY

Chẳng qua ông Trời bắt đôi ta
 phải VẬY

Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ
 CHỒNG

Mà tính việc thủy CHUNG?

Hai mươi bốn năm SAU

Tình cờ đất khách gặp NHAU

Đôi mái đầu đều BẠC

Nếu chẳng quen lung đã nhìn ra
 ĐƯỢC

Ôn chuyện cũ mà THÔI

Liếc đưa nhau đi RỜI

Con mắt còn có ĐUỐI. (1)
 (PHAN-KHÔI)

Như vậy THƠ MỚI còn
 bao gồm cả các loại thơ thoát
 ra ngoài NIÊM LUẬT, tuy
 nhiên bản sắc chánh của nó là
 ÂM ĐIỆU và VẦN vẫn còn
 giữ nguyên vẹn.

Về thơ Tự do thì trái hẳn,
 hoàn toàn không có một giới
 luật nào cả. Thơ Tự do không
 có niêm không luật, không vần,
 không khác gì một bài văn xuôi.
 Nhưng gọi như thế có đúng
 nguyên cái nghĩa của nó không?
 Chúng ta đồng ý chữ Tự do là
 không bị một chút gì trói buộc,
 không phải theo một quy luật
 nào nhất-định, một hình
 thức nào có sẵn, tùy

(1) Tôi không phủ nhận chân
 tài của nhà thơ quá cố PHAN
 KHÔI, song theo tôi thì bài TÌNH
 GIÀ trên đây không phải là một
 bài THƠ, mà chỉ là một bài văn
 vần bởi nó không có cái nét
 duyên dáng của nàng THƠ,
 nhưng tại sao người ta lại thường
 hay nhắc nhở tới nó? Có phải
 bởi cái lý do NÓ là tên lính tiền
 phong của THƠ MỚI?

tác-giả muốn « nghênh-ngang » thể nào cũng được.

Nhưng còn cái nghĩa của chữ THƠ đứng ở đằng trước nó? Thể nào mới gọi là THƠ chứ?

Theo một ý-niệm thông thường thì THƠ phát sinh ra ở sự xúc cảm thần kinh của con người khiến họ phải dùng lời nói — hay lời văn — để bộc phát ra thành những âm-hưởng tiết tấu tự nhiên làm cho lời nói — hay lời văn — có *văn*, có *điệu*, có *văn*, có *chương* để nó gọi được một nhạc điệu hòa hợp với rung-cảm của tâm hồn.

Những bài gọi là « *Thơ tự do* » có phải là THƠ không?

Một bài THƠ vô kỹ-thuật, không thi-pháp, thiếu âm-điệu dù có chứa đựng một lý-thuyết nào, một nội-dung nào mới-mẽ chẳng nữa, cũng vẫn không phải là THƠ mà chỉ là một bài VĂN xuôi — một bài VĂN diễn đạt tư-tưởng, hoặc một bài VĂN MIÊU TẢ một tâm trạng.

Hay là cái thứ gọi là *Thơ* ấy cũng có một nhạc điệu riêng của nó — một thứ nhạc điệu mà thính-quan của người Việt Nam

ở thời đại này chưa rung cảm được bởi nó đi quá sớm?

Cũng có thể đúng, vì biết đâu một ngày kia, một thời gian sau, 5 năm, 10 năm, 50 năm... hay 1 trăm năm nữa, thính quan của con người sẽ biến đổi theo thời đại, chừng ấy nhạc điệu của họ sẽ thích hợp hơn, THƠ TỰ DO sẽ tràn ngập trên « thị trường » thi-ca và sẽ độc chiếm trên thi-đàn V. N. như THƠ MỚI hiện-đại? Về điểm này, chỉ có tương lai trả lời được mà thôi.

Nhiều khi chúng ta cũng muốn tin như thế, nhưng tại sao chúng ta vẫn nghi ngờ, có phải tại cái bản chất tự nhiên của con người ở thời đại này không cho phép chúng ta đặt một chút niềm tin nào ở thi-nghiệp của họ. Điều rõ rệt là hiện nay hầu hết những người đọc THƠ TỰ DO đều không có một chút nào rung cảm, nếu không nói là khó chịu! Tuy nhiên, giờ đây, dù sao chúng ta cũng không ai chối cãi rằng THƠ TỰ DO hiện đang có mặt, hiện đang tìm một chỗ đứng trong ngôi vườn thi-ca nước nhà: tôi muốn nói đó là một « sự kiện văn nghệ » tuy

chưa phải là một « biến cố văn nghệ » bởi cái nguyên nhân đặt biệt này ra nó không làm xáo trộn tình thế văn-thơ hiện đại và chưa đặt nó vào một địa vị vững chắc.

Dù sao THƠ TỰ DO cũng có tác dụng tối thiểu là gây nên ít nhiều mới lạ trong làng Thơ Việt Nam để các nhà THƠ MỚI phải giật mình mà tiến nhanh hơn nữa để bỏ xa đối thủ khi đối thủ còn chưa phải là đối thủ xứng đáng.

Không biết rồi đây THƠ TỰ DO có tiến được nữa không? Hay là sự có mặt quá phụ phàng đối với thị giác khán giả sẽ làm cho THƠ TỰ DO lùi bước bởi một sự lơ là bạc đãi?

Thời gian sẽ ghi bước tiến của nó vào lịch sử văn nghệ, hoặc ngắn hoặc dài, hoặc cấp thời hay vĩnh cửu, và con người sẽ tùy theo đấy mà ghi nhớ hay lãng quên cái âm hưởng của nó.

THƠ MỚI là thế, THƠ TỰ DO là thế. Chúng chỉ là những danh từ để nhớ, chứ không phải để tìm nghĩa cho hiểu. THƠ MỚI chỉ có giá trị về thời gian đối với THƠ CŨ và đã vô nghĩa trước một thể thơ mới hơn: THƠ TỰ DO.

THƠ TỰ DO chỉ có giá trị về hình thức đối với thi ca và rất sai lầm đối với nguyên-tắc của nó.

Tại tiếng Việt thiếu ngôn ngữ hay tại người ta không chịu khó tìm đặt cho chúng một cái tên nào khác, rõ ràng và biệt lập để nhận định khỏi sai lầm nhau?

Trong THƠ MỚI đã có THƠ TỰ DO — Tự do mà không mất chất THƠ — và trong THƠ TỰ DO thì không có THƠ, hay có mà chưa đủ yếu tố thành ra bị loãng đi, bởi thế, khi bàn đến chúng, cần phải có một sự phân định rõ ràng.

Điều nên nhớ là 1 bài VĂN dù nó có một mức diễn tả tư tưởng tài tình, hàm súc, rung cảm đến đâu cũng không thể gọi đó là bài THƠ được. THƠ và VĂN khác nhau rất xa như một đứa con trai với một đứa con gái, tuy cùng chung một bác mẹ: VĂN-CHƯƠNG.

PHƯƠNG-HẢI

★ Lời tòa soạn: Chúng tôi đăng bài trên đây của ông Phương-Hải, để rộng đường dư luận, nhưng chúng tôi có vài điểm không hoàn-toàn đồng-ý với tác-giả.

PHỒ-THÔNG

TIẾNG

Nguyên tác của
CAMILLE ARMEL
Bản dịch của
NGỌC - VŨ

TRỜI mưa ào ào như trút nước, via hè đột nhiên biến thành những vũng nước sâu tới mắt cá chân, dân trong tỉnh vẫn thản nhiên coi đó là chuyện thường, họ ung dung đi, làm bắn tung cả bùn lên, nước chảy rờn rờn, quần áo họ ướt sũng nhưng họ vẫn cười.

Tâm hồn nặng trĩu chán chường, tôi nhìn không khí của thành phố lúc nào cũng lơ mơ như những buổi sáng trời còn đầy sương lạnh. Tôi nhìn lại hai đôi

giày đường khô dẫn bên cạnh lò sưởi của phòng trọ, còn đôi thứ ba mới mua vẫn ăm nguyên.

Chán nản tôi đứng dậy bước ra đường, hơi nước phủ mờ những ô kính của hàng cà-phê. Dẹp đây tôi đã đầy rồi, tôi không uống rượu nữa, có lẽ tôi vào đây tới năm sáu lần rồi,

tôi uống bia nữa sẽ bị nôn ngay, tôi chỉ cần Vittel Fraisse hay Byrrh trộn với nước. Tôi giống đặc gọi :

— Bồi, một ly bóc — Nếu tôi ốm tôi sẽ có cớ để ngủ, bây giờ mới đầu tối.

Chung quanh tôi không có một ai bàn về thời tiết, tại miền

này không có ai phàn nàn vì những trận mưa cả. Vừa đi trên bùn họ vừa bàn tính việc làm ăn, họ nói chuyện dưới mưa một cách lo lắng và gan lì. Từ bốn ngày nay tôi đợi cho mưa tạnh, đây là lần đầu tiên tôi đến Bretagne, miền Nam nóng và nhiều ánh sáng mặt trời quá, nếu cười mãi, tôi cũng

DƯƠNG CẦM

đến phải khóc mất.

Mưa vẫn đều đều, gió nổi từng cơn, những kẻ mới đến đây cửa bước vào, mọi người quanh tôi kêu lên, họ đứng dậy để đón bọn mới vào.

— Mừng được gặp ông, chúc ông vui mạnh.

Tôi liếc nhìn người đàn ông dương được khen ngợi. Trời ơi! đúng là Vinh, tôi vùng đứng dậy bước nhanh đến trước mặt Vinh.

— Vinh.

Vinh ngừng tiếng cười, mắt chàng chớp mau, chàng reo lên :

— A, Thư, kìa anh bạn quý của tôi.

Chúng tôi ôm lấy vai nhau, Vinh nhìn tôi, vẫn đôi mắt yêu đời thuở trước, không có một vẻ thay đổi nào. Vinh giới thiệu ngay.

— Bạn tôi, anh Lê Thư, tôi coi gần như em ruột. Chắc các anh biết, đây chính là người tôi vẫn nói với các anh.

Vinh cảm động nhìn tôi, anh nuốt nước bọt để khỏi nghẹn cổ.

— Ngồi xuống đây Thư, tôi nhất định trời có mắt cả đấy.

Một người bạn của Vinh đã gọi sâm banh và nâng ly lên :

— Mừng người cha sung sướng.

Vinh mỉm cười biết ơn, thấy tôi ngạc nhiên, anh nói :

— Đúng đấy Thư ạ, tôi mới được làm cha.

Mọi người lại nâng ly lên :

— Chúng tôi xin mừng vợ anh. Mừng bà Vinh duyên-dáng.

Vinh cảm-động nói nhỏ :

— Vui quá anh ạ, tôi ngạt thở mất, nhưng sao Thư tới đây?

— Tôi sẽ nói với anh sau, câu chuyện dài lắm.

Vinh nháy mắt với tôi và đứng lên :

— Các anh cho phép chứ? Mãi hai năm nay chúng tôi xa nhau, chúng tôi cần nhiều thì giờ để nói chuyện riêng.

Mưa trùn lên người chúng tôi, Vinh nắm lấy tay tôi :

— Anh đến nhà tôi soi com.

Vinh dẫn tôi đi, vẫn có vẻ sai khiến như xưa, đáng lẽ tôi phải vui-vẻ kêu lên. Tôi đi dưới những hạt mưa, nước rỏ từ sống mũi xuống môi tôi. Chúng tôi bước đều nhịp theo nhau. Những hình ảnh thuở xưa mờ hiện lên trong trí tôi.

Hồi xưa, trong lớp học Vinh ngồi cạnh tôi, hồi ấy tôi học nội-

trú cũng như Vinh. Sau buổi tan học, mặt tôi thường tái đi khi nghĩ đến phải ăn món mì trộn bột sắn. Trong một bữa ăn chiều, Vinh thúc vào sườn tôi :

— Thế nào anh bạn nhỏ. Nhìn đây này.

Vinh dán một sợi mì vào môi dưới :

— Nhìn xem đây có phải một con dòi không ? Tôi chén tuốt, kè cả những sợi mì đang nổi lều bều.

Tôi ngoáy đĩa súp một cách tuyệt vọng. Vinh hỏi tôi :

— Thế nào hết buồn chưa ?

Dứt lời, Vinh đổi lấy đĩa súp của tôi một cách nhanh nhẹn. Vinh ăn hộ tôi và đưa cho tôi những miếng khoai rán ngon nhất, Vinh ranh mãnh nhìn về phía góc phòng :

— Cố ăn đi, ăn xong tôi kể chuyện cho Thu nghe.



Gió lạnh làm chúng tôi đi chậm lại, Vinh giảng giải :

— Bao biển đấy. Nếu tôi biết trước tôi đã đi bằng xe hơi rồi.

— Anh không bị ướt lắm chứ ?

— Không sao, thật là ngoài sự

ước mong của tôi.

Cánh tay Vinh quàng lấy tay tôi. Nỗi buồn trong tâm hồn tôi tan đi, tôi sung sướng cảm thấy hạnh phúc nhiều như trời mưa tràn ngập cả trên gương mặt tôi, Vinh reo lên :

— Sắp tới rồi ! ở đầu phố kia.

Tôi không thấy con đường dài vì tôi chưa đủ thời giờ nhớ lại hết cả thời trẻ của tôi và Vinh. Ngày xưa Vinh đã đứng lên giữa lớp đề bệnh vực cho tôi.

— Thưa thầy, anh Thu rất nhất không dám nói gì đề chối cãi. Nhưng con xin thưa với thầy rằng Thu không phải là thủ phạm.

Vinh luôn luôn sẵn sàng bên cạnh vực tôi. Tôi vẫn nhớ về mặt của hai đứa chúng tôi trong ngày đi xem bảng của kỳ thi tú tài. Vinh kêu lên :

— Thu ơi ! may mắn rồi !

Tôi không quên Vinh, tôi hỏi :

— Còn Vinh thế nào ?

— Còn tao ? Tao quên không nhìn đến văn « V ».

Cố nhiên Vinh cũng đau và đau rất cao. Một lần khác chính Vinh đã cứu tôi thoát chết trong khu rừng Varn. Tôi đang ngoắc-

ngoài ở giữa hai chiến tuyến, máu chảy gần cạn, người tôi gập lại như một cái gậy gãy, đã hàng giờ tôi nửa tỉnh nửa mê. Nỗi đau đớn của tôi sắp chấm dứt, tôi không muốn gắng gượng để bầu vịu vào sự sống nữa. Chợt có tiếng Vinh :

— Kia Thu, dừng dụng dậy. Hãy nói nhỏ một tiếng. Tôi đến đây.

Vinh đã cứu tôi thoát chết, chàng bắt tôi phải trả lời. Tôi khởi sự cố gắng thở. Tiếng Vinh rót vào tai tôi đều đều :

— Đừng cựa quậy, bên địch sẽ nhìn thấy chúng ta. Nhưng Thu, hãy cố nói một tiếng. Một tiếng thôi, Thu.

Tất cả lòng thương yêu và nỗi lo-lắng của Vinh theo lời nói tràn tới tôi. Sau cùng tôi cố thều-thào :

— Vinh ... Vinh tôi chết mất.

Vinh kêu lên nho nhỏ :

— Anh còn sống ... còn sống. Trời ơi !

Đến trạm cứu thương, tôi tỉnh dậy, vì thân thể to lớn của Vinh đè ngang lên người tôi. Trong khi anh có một vết thương lớn ở bụng dưới, anh đã vác tôi lên vai cho tới đây và kiệt sức anh ngã lăn ra... Chúng

tôi được săn sóc bởi cùng một nhóm bác sĩ và nữ điều dưỡng. Khi hồi phục, chúng tôi lấy bột lửa ra đề mời chung một liều thuốc.



Cần thận, lên từng bước một, tôi mở cửa.

Ngọn đèn ở cửa sáng lóe lên và một người đầy tớ già chậm rãi đi ra đón lấy hai chiếc áo mưa sũng nước của chúng tôi. Qua khỏi khung cửa tôi cảm thấy bầu không khí ấm áp của căn nhà xinh xắn rất dịu dàng :

— Các ông ướt hết rồi.

— Ướt như chuột lột bác Tân ạ. Này bác Tân, bác làm thêm cơm nhé. Bác nhìn kỹ ông này xem, bác có nhớ đây là ai không ?

— Vâng... nhưng, nhưng...

— Nhớ ra rồi chứ ?

Tôi theo dõi từng nét mặt của người đầy tớ già, ông ta nheo mắt cố nhớ lại tôi. Đột nhiên ông ta nói không còn giữ gìn ý tứ nữa :

— Đúng, đúng là « anh bạn nhỏ » của ông.

Tôi vội vã nói với già Tân :

— Đúng đấy bác Tân ạ. Bác nhớ khá lắm, tuy tôi đã thay đổi nhiều.

— Cũng không thay đổi mấy. Tôi nhớ ra ngay nhưng không biết. Đã lâu lắm lại gặp ông tôi mừng quá, quên cả hỏi thăm bà và cậu nhà ta có mạnh khỏe?

— Cảm ơn ông, nhà tôi vẫn mạnh, con tôi cũng vậy.

Vinh nhìn tôi bằng đôi mắt chứa chan tình cảm. Vinh nói với tôi bằng một giọng chắc chắn:

— Nhà tôi còn nằm trong nhà thương, tuần lễ sau hai mẹ con mới về nhà. Thư vào buồng làm việc của tôi đi bác Tân sẽ mang giấy đến cho anh thay. Giấy của tôi hơi rộng nhưng khổ sẽ làm cho anh ấm chân, lát nữa, ăn cơm chúng ta sẽ nói chuyện sau.

Mặc dầu Vinh đã nói như vậy, nhưng đến khi vào buồng ăn chúng tôi ngồi ăn một cách yên lặng trong căn phòng ăn rộng rãi và lộng lẫy.

— Lại có món mì — Vinh nói đùa — Trông giống đàn giun quá!

Chúng tôi cười to như hồi mới có 10 tuổi, tâm hồn chúng tôi xao động, chúng tôi có thể âu-yếm trao đổi những kỷ-niệm cũ cho nhau.

— Hồi từ biệt nhau, chúng ta mới có gần ba mươi tuổi. Tôi về

phương này, còn anh về miền Nam. Anh thật đáng trách, anh không thư từ gì cho tôi cả.

Tôi mỉm cười ranh-mạnh trả lời Vinh:

— Ô, đối với anh tôi phải viết thật nhiều hoặc không viết. Và lại anh có viết thư cho tôi đâu.

— Vậy thì hòa. Bây giờ chúng ta phải nói thật nhiều để bù lại. Anh đến đây giữa mùa mưa để làm gì?

Gió thổi từng đợt mưa vào cửa kính, bác Tân đang rót rượu nho, tôi cũng phì cười.

— Đề từ chức những cuộc hòa nhạc giữa trời, dĩ nhiên vào mùa hè năm sau. Tôi làm việc cho ông Khuê.

Vinh mỉm cười nói với tôi.

— Nhiều lần tôi đã nghe Khuê dạo đàn trên đài phát thanh. Khuê là một nhạc sĩ nổi danh nhưng tôi chưa biết mặt không ngờ Thư vẫn còn yêu đàn vĩ cầm như đã yêu nhạc. Đáng khen thực. Tôi đã đoán trước anh sẽ có danh tiếng. Anh đã viết ra những bản nhạc, anh còn viết nhiều không?

Tôi lơ đãng trả lời.

— Không, tôi bỏ nghề đó rồi.

— Sao thế? Anh đã bỏ những bản nhạc anh mừng trọng thấy

trong cuộc đời, những bản nhạc anh muốn sáng tác...

— Tôi bỏ hết cả.

— Ô, nhưng anh còn nhớ lời khen ngợi của mấy nhà xuất bản lớn. Những giao kèo của họ và lòng tin tưởng của chúng ta. Anh đang tâm bỏ hết.

— Vâng, tôi bỏ hết. Tôi chỉ đi đàn thôi.

— Sao vậy anh?

Tôi gượng cười trả lời:

— Khó nói và cũng chẳng vui gì lắm. Anh cứ nói chuyện của anh trước đi vẫn hơn.

Bác Tân đã bưng cà-phê sang phòng bên cạnh. Cũng như ngày trước Vinh nắm tay tôi đưa tôi sang phòng khách.

— Nhà anh đẹp thật. Nhất là căn buồng này.

Một cây đàn dương-cầm dài, đen và sáng-loáng, trông có vẻ quý-trọng và nghiêm-trang, đồ vật trong phòng nổi bật lên trên nền lụa trắng của những màn treo cửa. Những nếp xếp trơn rủ xuống một cách cổ-kính, cái màn cửa nặng-nề che hết cả bức tường. Không có đồ vật gì đặt trên mặt đàn dương-cầm, ánh sáng trong phòng tràn đầy, không một vệt tối nhỏ. Sự khác nhau giữa cây đàn và bức tường càng rõ-rệt hơn nữa.

— Đẹp thực!

Nghe lời khen của tôi Vinh cười một cách chân-thật:

— Anh cảm thấy đẹp? Nhưng tôi không ưa cây đàn này lắm. Cái màu đen của nó trông buồn thảm như một đám tang.

Tôi ngạc nhiên:

— Anh nói thực đấy chứ?... Thôi cảm ơn anh, tôi không thích uống rượu vì còn phải dượt vĩ-cầm. Tôi chỉ muốn nghe anh nói thôi. Anh hãy kể cho tôi xem anh đã làm những gì rồi. Làm những gì trong những phút chúng ta gặp nhau ở đây. Ở nhà anh?

— Nhà chúng ta, nhà của ba chúng ta. Thật không ngờ, anh còn nhớ lời lão bác sĩ khám bệnh cho tôi: «Không còn hy-vọng gì nữa. Dù sao ngoài anh ra, còn có bao nhiêu kẻ khác tạo ra những đứa trẻ.

Tôi gật gù:

— Sau khi nghe xong tin đó anh nên cho bác-sĩ một trận.

— Vì hẳn, tôi phải kéo dài đời tàn-tật trong mười một năm trời. Lương - tâm không cho phép tôi lập gia đình. Đến khi Hằng yêu tôi, nàng không ngại gì hết, nàng lấy tôi — Vinh mỉm cười — Ái-tình của tôi và Hằng làm đảo lộn tất cả những lời tiên-doán của bác-sĩ, nàng sinh được một đứa con.

Vinh bước những bước dài và nặng-nề của một người to lớn, từ cái trán cao, gương mặt rộng, chiếc cổ to toát ra một sức mạnh tự-tín, sức mạnh anh phải mua bằng giá rất đắt nhưng anh lại

phô-bày bằng một cách ngây-thơ. Vinh kể bằng giọng sung sướng :

— Năm 1939 khi cùng anh chia tay, tôi trở lại sống nghề của cha tôi, tôi làm việc nhiều và kiếm được rất khá. Anh cũng biết tôi yêu nghề như thế nào rồi. Tôi tưởng tôi có thể diễn mãi, lúc nào tôi cũng là thư-ký, nhưng không như xưa, tôi đã dành được nhiều tiền, tôi cảm ơn nghề này, vì nó tôi được gặp vợ tôi. Một buổi sáng nàng đến phòng giấy của tôi, nàng vừa được hưởng phần gia-tài một cái nhà và một cái trại trong vùng này. Nàng đến ở đó, chắc hẳn anh đoán được đoạn kết. Tôi sợ nàng không quen ở tỉnh nhỏ. Năm 15 tuổi nàng học ở Mỹ-Thuật, rồi nàng làm cho ông Phương một họa sĩ chuyên về trang-hoàng, anh biết chứ?

Nàng chưa đến đây bao giờ. Tối khi cha nàng chết nàng mới chịu ở hẳn đây. Nàng đã làm thay đổi đời tôi. Nàng có nụ cười sáng sủa vô cùng, một nụ cười nở ra rất bất chợt. Khuôn mặt nhỏ nhắn của nàng rất kín đáo khiến nhiều khi tôi lo lắng, nàng đoán được nỗi sợ của tôi và nàng phá lên cười. Năm ngoái, Hằng muốn tôi đi hỏi một vị bác sĩ chuyên về giải phẫu là bạn của nàng, bác sĩ cho tôi biết tôi rất ít hy vọng và... tôi có con. Bây giờ đến lượt Thư kể, tôi nghĩ đến tôi nhiều quá rồi.

— Anh tốt với tôi quá.

Chuyện tôi cũng dài nhưng kể ra nhanh lắm vì chuyện giản dị và tầm thường.

Tôi quen một thiếu nữ ở Ba-Lê, tôi yêu nàng thành thật trong hàng năm trời. Nàng rất thông minh, không những nàng chỉ thông minh suông, nàng lừa dối tôi về nàng và mọi người từ đầu đến cuối của cuộc tình duyên giữa tôi và nàng, không một lỗi lầm không một giây thương hại tôi.

Đến lúc công việc tôi làm, không được kết quả, nàng tìm cách báo thù tôi, vì tôi đã làm cho nàng nhảm lẫn đề gần tôi; một kẻ không may mắn. Nàng bôi bẩn và phá hoại cả đời sống chung giữa tôi và nàng. Trí nhớ của nàng thật kỳ dị. Suốt đêm trước khi nàng đi, nàng nói với tôi bằng giọng êm dịu và ngọt ngào, nàng nói lại sự thất bại của tôi cho tôi nghe. Liều độc được đã pha chế cẩn thận, nàng tính trước giờ này từ lâu. Tôi ngồi co ro trong một chiếc ghế lớn suốt lúc nàng nói, có lẽ ngồi trong một chiếc ghế thường tôi đã nhảy sồ ra đánh nàng, có thể tôi sẽ giết nàng, nhưng cái ghế lớn sâu quá, ở mãi trong góc phòng. Tôi đành ngồi nhìn. Tôi ngồi yên lặng nhìn tấn thảm kịch, tôi vẫn như còn nghe thấy những câu nói cuối cùng của nàng.

* Anh biết rõ tôi chưa? Tôi hoàn toàn không giống cô gái anh

yêu. Chúng ta đều không may mắn, tôi cũng không hơn gì anh, nhưng tôi chưa thua đâu. Gấp cuốn sách này tôi mở cuốn khác. Nếu tôi chưa được gì tôi sẽ lấy một anh chồng giàu để cho mọc sừng, tôi sẽ là một nhà nữ triệu phú, đó cũng là một lối thành công.»

Trời hừng sáng, không gian xanh nhạt làm mặt nàng hơi tái nhưng tôi không tin rằng mặt nàng bị tái thật. Câu chuyện đến đó chấm dứt không còn gì đẹp để nữa.

Vinh ngắt lời tôi :

— Anh ngừng kể đi, chắc có lẽ tôi đã làm anh khổ sở vì tôi kể kỹ càng về hạnh phúc của tôi.

— Không, tôi nhắc lại rằng anh đã làm tôi vui. Và lại thời gian, âm nhạc và anh...

— Nhưng tại sao anh không sáng tác nhạc nữa?

— Tôi bị nàng nhạo báng và mất hết niềm tin cần thiết cho sự sáng tác. Từ đó tôi không viết thêm được bản nhạc nào nữa. Tôi chỉ đàn thôi, như thế cũng đủ lắm rồi.

— Nếu hạnh phúc của tôi có một ảnh hưởng lành mạnh cho anh, anh hãy theo tôi để cảm thấy nó đẹp. Chúng ta hãy lên xem phòng của con tôi.

Vinh đẩy cửa, bật đèn lên, chàng đi rón rén. Tôi nói :

— Nhưng này, Vinh, con anh còn ở nhà thương chưa về.

— Đúng thế, sao vậy?

— Anh đi nhẹ-nhàng như lo sợ nó thức giấc.

— Tôi không thể ngăn tôi được, khi vợ tôi khâu rèm cho chiếc nôi tự-nhiên tôi nói khẽ hẳn đi.

Vinh mở tủ, chàng rút ngăn kéo:

— Anh xem đây là những bộ quần áo của con tôi đó.

Những ngón tay của Vinh xô vào ống tay áo nhỏ xíu, và chiếc nắm tay của anh không dứt hẳn được vào trong cái mũ. Anh nói :

— Tôi bằng lòng quá!

— Tôi cũng vậy, tôi thôi không viết nhạc nữa nhưng tôi cũng muốn đàn cho anh nghe những điều tôi cảm thấy trong lúc này, tôi sẽ đánh đàn dương-cầm.

Chúng tôi xuống nhà dưới. Vinh bật đèn ở cây đàn lên, chàng đứng sau lưng tôi. Những nốt nhạc đầu-tiên ngân vang, Vinh hiểu âm-nhạc và chúng tôi hòa mình vào sự nhịp-nhàng của âm-thanh một cách thân-mật để đi tới chỗ cảm-thông. Vinh yêu-cầu tôi đánh lại những bản ngày xưa. Vinh hát theo, có khi hát nhanh hơn cả tiếng đàn của tôi. Anh vẫn tỏ ra còn nhớ hết.

Tôi không thể ngờ rằng cuộc hòa hợp thân-ái này kéo dài bao lâu. Tôi xúc cảm trước tiếng đàn.

trên vai tôi tay Vinh đề lên hơi nặng, anh bóp tay lại hoặc thả lỏng những ngón tay ra tùy theo điệu nhạc. Vinh theo rồi tôi, chàng dò hỏi và tôi trả lời ngay :

— Vinh hãy nghe đây là tác-phẩm cuối cùng của tôi. Tôi đã viết ra để tặng nàng. Không bao giờ tôi cho in bản nhạc này, chỉ có tôi và nàng biết thôi. Từ dạo nàng bỏ đi tôi chưa đón lại lần nào.

Bắt đầu dạo mấy nhịp của bản nhạc tôi đã cảm thấy những kỷ-niệm cũ tràn ngập tâm-hồn tôi, nếu không, tôi nhận được hoặc ít ra cũng cảm thấy sự thay đổi của Vinh. Anh vẫn đứng sau tôi, hơi thở của anh nhanh hơn trước.

« Câu hát của em cười và bay lên.

Nhảy múa và kéo em đi say vì ái-tình. »

Thật hết sức lạ kỳ, Vinh bắt đầu hát theo khe khẽ. Chúng tôi cùng hát thì thầm. Bấy giờ tôi tin chắc rằng Vinh còn hát trước tôi. Anh cũng thuộc bản nhạc bằng tôi. Anh hát một mình :

« Và nhảy chạy như một kẻ điên »

Tôi cảm thấy một chuyện lạ đã xảy ra bài hát ấy chỉ có tôi và

nàng biết tại sao Vinh lại hát ngay khi tôi dương đàn, và suốt trong bài nhạc chàng đều hát trước tôi. Sao lại thế. Tôi kinh-ngạc dừng lại, tay Vinh chợt siết lấy vai tôi :

— Thưa, anh cứ đàn đi.

Hơi thở của Vinh hỗn hển và đôi đoạn, hắt xuống đầu tôi, lướt qua tai tôi, cổ tôi và đến cả tay tôi.

— Tiếp tục đàn đi, anh nghe không. Tôi ra lệnh cho anh phải tiếp tục.

Tay Vinh từ nặng lên vai tôi, sức nặng làm tôi phải cúi mình trên phím đàn. Những nốt nhạc không hòa cùng tiếng hát khàn khàn của Vinh. Anh hát lại điệp khúc, để biết chắc hơn nữa, anh xen lẫn những lời than vãn vào câu hát. Sự thật quá rõ rệt không chối cãi được nữa.

Vinh hát một cách thiều não.

« Tan đi rồi, lần nữa lại hiện ra sáng chói. »

Vinh nói :

— Tên bản này là « Em Dung » phải không ? Dung chính là Hằng vợ tôi. Nàng vẫn thường hát điệp khúc này.

Vinh bám lấy tôi, chàng đứng bằng cách ngã lên người tôi.

— Đàn đi, trời ơi ! Đừng dừng lại, tôi muốn biết chắc, tôi muốn biết hết : « Nhảy múa và kéo em đi ». Nụ cười của Hằng giả dối, giả dối ! — « Tan đi rồi, lần nữa lại hiện ra, sáng chói. » — Nàng bảo anh rằng nàng sẽ lấy một anh chồng để mọc sừng. Như vậy con tôi ? Con tôi ?

Vinh rên lên, chàng ngã quỵ xuống, đầu chàng lún trên cái ghế tôi ngồi, tôi định nâng chàng dậy. Vinh tàn-nhẫn dúi tay tôi trên phím đàn, anh thét :

— Tôi nói anh phải làm theo, đàn đi.

Mặt Vinh ngo-ngẩn, mặt Vinh nhẩn lại. Hai tay bám lấy cây đàn, Vinh đứng dậy, chàng năn-ni :

— Đàn cho hết đi, bài nhạc này là bài nhạc của anh. Tôi hiểu hết rồi, trước kia anh và Hằng yêu nhau. Còn đứa bé ! Con tôi ? Tôi ... tôi hiểu, không phải con tôi. Chính thằng bác-sĩ trẻ tuổi kia mới là cha nó !..

Một lần nữa Vinh gục đầu trên đàn dương-cầm, hai tay duỗi dài ra phía trước. Thân thể mạnh mẽ của anh bị đánh bại trên cái xác hạnh-phúc của anh. Bộ xương đáng thương được hiện trong cái dương-cầm quan-tài. Thật mỉa-mai.

Tôi vùng bỏ chạy ra ngoài mưa, chân vẫn đi đôi giày của Vinh. Ngày mai tôi sẽ uống rượu nửa để tìm quên những phủ-phàng của đời, như bao lần khác tôi đã uống. Nhưng việc gì sẽ xảy đến cho tôi trong những ngày mai không hứa hẹn.

Mới xuất bản :

VĂN HÓA TÙNG THƯ

— SỬ LIỆU VIỆT-NAM (256 trang)

Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên-soạn... 25\$

— ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHI

(Lục-tỉnh Nam-Việt)

Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Cử-nhân Hán-học phiên-dịch

Tập thượng (154 trang) 20\$

Tập hạ (134 trang) 15\$

★

— VĂN HÓA NGUYỆT-SAN : số 49 (180 trang) . 12\$

Mình ỏi !

n a y : m a i

c h ấ c c ố

CHIẾN-TRANH

?

* **DIỆU-HUYỀN**

[M]ÌNH ời ! Tình hình Quốc - tế dạo này mỗi ngày mỗi căng - thẳng, có thể xảy ra chiến-tranh được không, hả Mình ?

— Có thể có, có thể không.

— Tại sao có thể có ? Tại sao có thể không ?

— Có thể không, bởi vì khối đồng-minh Anh-Pháp-Mỹ vẫn chặt-chẽ, chưa chắc Nga đã dám làm gì. Trên thế-giới hiện nay, Nga chỉ gồm một mình Mỹ mà thôi, vì Mỹ có một lực-lượng phản công nguyên-tử rất mạnh, và một kỹ-nghệ chiến-tranh vỹ-dại. Nhưng nếu Mỹ cô-lập thì Nga không sợ vì lực-lượng nguyên-tử của Nga đâu có kém gì. Cho nên, chiến-thuật ngoại-giao của Nga từ sau đệ-nhi Thế chiến đến nay là tìm đủ các phương-tiện để cô-lập hóa nước Mỹ, và kéo một phần lớn các quốc gia về phe Nga, hoặc đứng trung-lập, nghĩa là không triệt-đề ủng-hộ Mỹ, không làm hậu-thuần cho Mỹ như trước nữa. Tuy nhiên, nếu Nga đã thành-công một phần nào, nhất là từ sau khi Kroutchev lên nắm chính-quyền và hạ bệ Staline, đã lôi kéo được một số lớn các nước nhược-tiêu theo chủ-trương « hòa-bình chung sống », như Ấn-độ, Nam-

Dương. Ai-Cập, v.v... thì Nga cũng đã thất vọng từ mấy năm sau đây vì những cuộc đàn-áp nhân-dân Hung-gia-Lợi và Ba-lan, Trung-Cộng xâm-chiếm Tây-Tạng, v.v... đã khiến cho các nước Trung-lập Á-Phi dật mình lo sợ, và quây về thân-thiện với Mỹ.

Nói trắng ra, Nga đâu có đếm xỉa gì đến các nước bé nhỏ và nghèo nàn kia. Giá-sử Nga và Trung-Cộng được tự-do hoàn-hành, không có ai cản trở, thì chỉ nội trong 24 tiếng đồng-hồ, cả Châu Á, Châu-Phi, sẽ bị khối Cộng-Sản Nga-Hoa nuốt sống cái một.

Sở dĩ Nga-Xô chưa thực-hiện được cái mộng bá chủ kia, là tại có khối Đồng Minh Tây-Âu Anh-Pháp-Mỹ, mà ảnh-hưởng và lực-lượng hùng-hậu bao trùm hết một nửa Thế-giới. Đánh bật cái khối ấy ra, làm cho tan vỡ nó ra, tức là Nga sẽ thắng. Cho nên, Nga đã dùng tất cả các thủ-đoạn ngoại-giao, các chiến thuật tâm-lý, các vận-động ngầm-ngầm, các chủ-trương mánh-lới, để lung-đoạn khối đồng-minh Âu-Tây, để tách Anh và Pháp ra khỏi Huê-kỳ. Huê-kỳ mà bị cô-lập, thì Nga có thể xuất kỳ bất ý đánh cho cu cậu một đòn, không có ai nhảy-

vô can thiệp, thì cu cậu liềng-xiềng, khó mà đỡ kịp. Nhưng, bây giờ Kroutchev đã thấy rằng kế-hoạch đó chưa thực-hiện được dễ-dàng. Hội nghị tối cao họp ở Paris trong tuần rồi đã thất-bại, — nói thất-bại cho Nga thì đúng hơn — vì Kroutchev thấy mình đứng trước một khối Anh-Pháp-Mỹ cứng-rắn, không lay chuyển nổi. Vì vậy mà Kroutchev bỏ về. Trước lực-lượng liên-kết chặt-chẽ của khối Tây Âu. Nga-xô làm sao dám liều một cuộc chiến-tranh dù là chiến tranh nguyên tử ?

— Như vậy thì chắc không có chiến tranh, Minh nhỉ.

— Cũng chưa chắc. Vì cái giấy căng thẳng quá, nhứt định là phải đứt. Như hai đứa mình chẳng hạn, may ra trời cho hai đứa tâm đầu ý hợp với nhau thì không nói chi, anh anh, em em “chung sống hòa bình” cho tới bách niên giai lão, chớ thí dụ như đảng nó với đảng ni hục hặc nhau hoài, quanh năm suốt tháng cứ chọi nhau như dùi với mỏ, nay Minh mắng nó là đầu bò mai nó nhấc mình là đi ngựa, thì đồ khỏi có một ngày nào đó hai đứa mình vác gậy choảng nhau to! Huống chi Nga với Mỹ không phải là loan phụng hòa duyên

sắt cầm hảo hiệp, thì có thể, rất có thể lắm Minh ơ, nay mai đây họ sẽ ạch nhau chí mạng ! Cứ lấy tâm lý chung của loài người mà xét, thì anh hỏi Minh, nếu ai nấy cũng muốn “hòa bình chung sống” không ai muốn hòa bình *chôn* sống ai, thì đâu có chuyện Trung Cộng hăm he đánh Đài loan, lấy Tây Tạng, chiếm biên giới Ấn-Độ, Việt cộng hăm dọa xứ Lào, Nga-xô đàn áp Hung gia-Lợi, Ai Cập nuốt Syrie, hù Irak, dọa Ba-Tur... v.v., và v.v. ? Ai nấy cũng ngồi tù bị tù tã như tượng Đức Phật Thích Ca, thì chế ra bom nguyên tử và bom khinh khí làm gì ? Đã chế ra bom khinh khí, tức nhiên là sẽ có chiến-tranh bằng bom khinh khí.

— Nhưng hiện giờ Mỹ và Nga chỉ gồm nhau thôi, chớ chắc gì ai dám đánh ai ?

— Ngồi bàn suông về thời-cuộc hiện tại thì thấy như vậy thật. Nhưng hồi 1939 có ai đoán rằng Hitler sẽ gây ra chiến tranh Thế giới ? Có ai ngờ đâu Nhật lại đánh nhau với Mỹ ? Hồi đó, người am hiểu thời cuộc, theo dõi tình hình thế giới, đều thấy rõ rằng lực lượng của Nhật tuy là hùng hậu ở bề ngoài nhưng

đã thấm thía vào đầu đối với những khả năng chiến tranh vô cùng vô tận của Huê kỳ ? Đức quốc-xã cũng vậy. Hitler hùng hồ hăm dọa này dọa đầu kia, làm rùm beng tán loạn cũng như Kroutchev ngày nay, nhưng thực lực của Hitler lúc bấy giờ đã chắc gì đương đầu nổi với Anh Mỹ ? Xét như vậy, những người lạc-quan đều tin rằng không thể có chiến tranh thế giới lần thứ hai. Ấy thế mà chiến tranh vẫn đã xảy ra, người ta đã cố hết sức tránh nó mà không tránh được. Chiến tranh như thế là một tiền định, đến lúc phải nổ bùng thì nó cứ nổ bùng, không có bàn tay nào bịt miệng súng ca-nông được nữa.

— Nhưng phải có cơ gì mới đánh nhau được chớ, không lẽ tự nhiên không ai khiêu khích ai mà có chiến tranh được sao ?

— Đọc lại Lịch-sử Đệ - nhất Thế-chiến và Đệ-nhi Thế-chiến thì thấy chiến tranh nổ ra là một việc rất dễ dàng, và thường thường là do một nguyên nhân nhỏ nhặt, không ai ngờ. Như trận giặc 1914 — 1918, đâu có phải khởi thủy là một cuộc chiến tranh Thế giới. Nguyên - do là Thái - tử FRANÇOIS FERDINAND,

con Hoàng-đế xứ AUTRICHE - HONGRIE, bị ám sát tại SERAJEVO, một thành phố nhỏ của xứ SERBIE, ngày **28-6-1914**. Vua Autriche gửi chiến thư cho Vua Serbie, PHÁP và NGA là đồng minh của Serbie quyết ủng hộ xứ này, thì bị ĐỨC là đồng minh với AUTRICHE tuyên chiến đề binh vực Autriche. Thế là chiến tranh bùng nổ, trước sự ngạc nhiên kinh-hãi của toàn thế giới. Có ai ngờ rằng con của một ông Vua ở Trung Âu bị một sinh viên ám sát bằng một phát súng lục tại một thành phố nhỏ, lại là nguyên-nhân một cuộc Thế giới Đại-chiến suốt 4 năm trời, với gần **10 triệu** xác chết trên các chiến trường Âu-Á-Phi ! Đệ-nhi Thế-Chiến khởi nguyên ngày 3-9-1939 cũng do một cuộc thử-thách của HITLER kéo quân qua biên giới BA-LAN, gây ra sự can thiệp binh bị của ANH, PHÁP đồng minh với xứ này.

Kể đó, Mỹ, Nga theo phe Anh Pháp, Ý - Nhật theo phe Đức, thành ra chiến sự tràn lan khắp nơi, để lại cho lịch sử Nhân loại gần **50 triệu** xác chết, nghĩa là 5 lần hơn hồi Đệ-nhi nhất chiến tranh !

— Trời ơi 50 triệu người chết lẫn, hả Minh ?

— Theo bản thống kê chính-thức của Liên-Hiệp Quốc đã công bố năm 1950, thì số người chết của các nước tham chiến và bị nạn chiến tranh từ 1939 đến 1945 như sau đây :

	Binh sĩ		thường dân		cộng
Đức . . .	2.8	+	0.6	=	3.400.000
Pháp . . .	0.25	+	0.35	=	0.600.000
Anh . . .	0.3	+	0.1	=	0.400.000
Mỹ . . .	0.3			=	0.300.000
Ý	0.16	+	0.05	=	0.210.000
Nhật . . .	1.5	+	0.3	=	1.800.000
Nga . . .	7.5	+	10.	=	17.500.000
Banlan.	0.2	+	4.6	=	4.800.000

Tổng cộng... 29 triệu

Các nước khác :

ÂU - CHÂU (Bi, Hòa-Lan, Bulgarie, Hy-Lạp, Hung gia-Lợi, Tiệp-khắc, Áo, Nam-Tur) 5

Á - CHÂU (Ấn, Miến, Thái-Lan, Đông-Dương, Phi-luật-Tân, Nam-Dương, Trung-Hoa, Cao-ly)

và PHI - CHÂU gần 16

Tổng cộng 50 triệu

— Bằng hai dân số toàn nước Việt-Nam !

— Đó là không kể MẤY CHỤC TRIỆU NGƯỜI TÀN TẬT trên khắp thế giới.

— Nếu lần này có chiến tranh với các thứ bom nguyên tử và bom khinh khí, số người chết và tàn tật chắc sẽ nhiều hơn.

— Chắc như vậy. Có thể kê hàng mấy trăm triệu xác chết, cả đàn bà, con trẻ vô tội.

— Kinh-khủng ! Kinh khủng !

— Theo anh, thì chắc chắn là Chiến-tranh Thứ ba sẽ có, không sớm thì muộn thế nào cũng có. Hai khối Cộng-Sản và Tư-bản thế nào cũng phải chạm nhau trong

một cuộc kỳ phùng địch thủ kinh thiên động địa, không làm sao tránh được. Tất cả những chiến tranh nguội từ trước đến nay đều dự bị cho cuộc chiến tranh nóng sắp nổ bùng ra chẳng có ông Thánh nào ngăn cản được nữa. Trừ phi có một biến cố bất ngờ xảy ra thay đổi cục diện, thí dụ như một cuộc đảo chính ở Nga-xô . . . Hoặc là vài ba cuộc đảo chính ở các địa phương hiểm yếu nào đó, để cho Cộng - Sản hoặc là Tư Bản thắng thế, gây ra sự mất thăng-bằng rõ-rệt giữa hai lực - lượng đối - thủ. Chừng đó, họa chăng chiến-tranh mới có thể tạm lui lại trong một thời-gian lâu hơn.

Còn như bây giờ, thì..

— Ôi, tới đâu hay đó, sợ cóc gì, Minh nhỉ ?

Giá sử Thượng đế bảo chúng ta phải chết, bảo tất cả loài người hiện nay phải chết, để thay đổi đời sống trên Địa cầu, thì loài người nên sẵn-sàng chịu cuộc hy sinh quyết-liệt ấy, để nhường Trái Đất này lại cho một loài người mới, siêu việt hơn và đạo đức hơn. Cho Trái Đất xứng-đáng với LỊCH - SỬ SÁU NGHÌN TRIỆU NĂM của nó, có phải không, Minh ?

— Em hoàn-toàn đồng-ý với Minh.

DIỆU HUYỀN



* Ông khôn, hay Bà khôn ?

Bernard Shaw là nhà văn-hào Anh nổi tiếng về những câu trào-phúng mỉa mai. Có lần chính ông bị vợ ông mỉa mai lại. Lần ấy ông bảo bà :

— Đàn ông bao giờ cũng khôn hơn đàn bà.

Bà Bernard Shaw gật đầu đáp :

— Ông nói đúng. Chứng cứ là ông đã lấy tôi, và tôi đã lấy ông.

BA-TÈO

(Các bạn ngắm-nghe sẽ thấy câu đáp của bà Shaw lý thú lắm)

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU ✱ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẶC

(Tiếp theo P. T. số 34)

TRONG khi tôi cùng Bạch-Tần phóng ngựa ở vùng ngoại ô với bao nỗi hân hoan, khoái trá, thì Hải-Lan của tôi nằm thềm-thiếp, mê man trên giường bệnh, ở y viện Thánh-Tâm. Sau bữa cơm trưa, lúc Bạch-Tần đi ngủ, tôi nằm, nghĩ lan man, thấy lòng bị đàn áp, vì hối hận.

Đến mãi ba giờ chiều, Bạch-Tần mới xuống rủ tôi đi thăm Hải-Lan; cô vẫn sốt đều đều và

quan thầy vẫn chẳng tìm ra cái căn nguyên của bệnh chứng. Ngồi chơi hồi lâu với Hải-Lan, rồi sau đó, chúng tôi ra về, và cùng nhau, đi dùng văn phạn ở một nhà hàng. Cơm xong, chúng tôi đi coi hát, ở ca kịch viện. Tôi không khỏi không thấy vui vui trong dạ, mỗi khi đưa mắt nhìn Bạch-Tần. Nàng trẻ đẹp, vui tươi, và có vẻ vô cùng sảng khoái. Thấy thế, tôi lại đâm ra nghĩ ngợi, và một niềm buồn

CÔ GÁI ĐIÊN

thăm, ưu uất, lại đè chiu lên tâm hồn tôi.

Quả thật, trong hồi này, Bạch-Tần dường vui sống những ngày đầy thấu khoái. Trên khuôn mặt nàng lộ ra một nhuận sắc tươi tắn và kiện khang; cặp mắt sắc xảo của nàng càng loang loáng sáng-ngời, làn môi của nàng trở nên dịu dàng và mất hẳn cái vẻ cương-quyết, khắc-khổ, khi xưa; khóe mắt, miệng cười cũng đổi thay và tỏa ra bao sức quyến-rũ. Đối với bất cứ, hí-kịch, hay âm-nhạc, hay phim ảnh, bao giờ nàng cũng có một ý-kiến riêng, để phẩm-bình. Nhiều khi, nàng tranh-luận một cách khá sôi-nổi với tôi, nhưng, thời-thường rút cục, chúng tôi cũng vẫn đi đến chỗ đồng-ý.

Hiện nay, Bạch-Tần hay đến phòng sách tìm tôi, và mỗi khi đọc xong một cuốn sách, thì nàng đưa, bắt tôi đọc. Khốn một nỗi, tâm-tư của tôi đương bị thác-loạn, tôi chẳng còn lấy đâu ra hứng-thú, để đọc; nhưng, nàng luôn luôn thôi-thúc tôi, và bắt tôi phải đọc cho kỳ hết, để nàng lấy cuốn sách đó ra làm đầu-đề, mà đàm-luận với tôi. Trong

cái cách sinh-hoạt mới mẻ này, tôi cơ-hồ quên hết cả chức-trách, nhiệm-vụ của tôi và tôi còn coi đó là một sự khoái-lạc, một thứ hưởng-thụ, vậy. Tuy-nhiên, lúc canh khuya, đêm tĩnh, hoặc một mình, một bóng, hoặc nằm dài, đọc sách, tôi không khỏi không bị một cái gì ở nội tâm nó giầy-vò, thúc-đẩy. Rồi, tiếng mưa rơi vào lá cây, rồi hình ảnh của những đóa hoa dưới ánh trăng trong, cái gì cũng làm cho tôi nhớ tới Hải-Lan, với cái vóc người kiều nhược, cái miệng cười hoa nở, cái dáng điệu ôn nhu của cô. Rồi, tôi lan man nhớ lại cái đêm tôi bị thương tích ở quán rượu Mân-Côi, với cái bàn tay ấm áp, mềm mại của cô, khi cô băng bó vết thương cho tôi. Rồi, trong cái vườn hoa của biệt thự, những khi trăng soi vàng vạc, hai chúng tôi, kề vai nhau, đi tản bộ. Ngẫu-ấy sự tưởng niệm làm cho tôi trở nên vô cùng đau khổ, mà thâu đêm, suốt sáng, tôi trần trọc, không còn làm thế nào chợp được mắt, đi nữa! Nhưng, đến khi ánh dương-quang lọt qua khung cửa, tràn vào trong phòng

bỗng, tôi lại quên đi, tất cả những tưởng niệm đến tối hôm đêm. Tối khi nghĩ tới việc đi thăm Hải-Lan, tôi đâm ngại-ngại thế nào ấy. Còn Bạch-Tần, hình như nàng chẳng còn nghĩ tới Hải-Lan một tý nào gọi là có. Trong các cuộc đàm thoại với tôi, cơ hồ như đã lâu lắm, nàng không còn tưởng - tới cái người bạn gái, trước đây, chỉ vì tận-tâm săn sóc nàng, mà làm bệnh. Một đôi khi, tôi có đề cập tới Hải-Lan, thì lập tức, nàng tìm cách phá ngang câu chuyện, để nói sang việc khác. Thế rồi, cũng là ngẫu-nhiên mà tôi bàn với nàng, để hôm nay đi thăm Hải-Lan, nàng bảo tôi:

— Ấy, sáng sớm hôm nay, tôi có gọi điện-thoại đến y-viện, tôi được biết Hải-Lan đã khá nhiều lắm rồi.

— Á! Tiểu thư thời thường vẫn gọi điện-thoại cho Hải-Lan, sao?

— Là tự-nhiên, có chứ.

— Tôi, thì tôi quên khuấy hẳn cái dây điện-thoại, nên tôi có ý muốn đi thăm cô.

Nàng vừa cười, vừa nhìn xuống đất và nói:

— Ô, Tôi gọi hay anh gọi thì cũng thế, có khác gì.

— Thưa, thế chiều nay, ta đi thăm cô, có tiện không, kia ạ?

— Không tiện đâu, vì chiều nay, ta còn phải đi xem triển-lãm tranh, kia mà.

Tôi lặng thinh và đến chiều, tôi gọi dây nói tới y-viện Thánh tâm, tôi chẳng hiểu sao, lòng tôi bị ba-động một cách dữ-dội, nhưng, may sao, người khán-hộ cho tôi biết Hải-Lan đang ngủ. Sự kiện này đã giải-trừ cho tôi bao nỗi khổn-quẫn. Tôi hỏi qua loa người khán-hộ mấy câu, rồi khoác ống nói lên giá điện thoại.

Quả tình, tôi cũng chẳng hiểu tại sao, Bạch-Tần cố ý không muốn đi thăm Hải-Lan. Tôi nghĩ mãi không sao tìm ra căn-do. Thiết-là kỳ-quái! Sau đó, tôi đành tự ý đi một mình vậy.

Và, trưa ngày hôm sau, tôi đợi cho Bạch-Tần đi ngủ, mới đánh xe đi y-viện Thánh-Tâm. Tôi định bụng cứ đi thẳng tới phòng Hải-Lan, nhưng một người khán hộ ngăn tôi lại và hỏi:

— Ông đi thăm ai?

— Thưa, cô Hải-Lan.

Người khán hộ chẳng bảo sao và quay, đi thẳng vào phòng; liền đó, tôi cũng bước vào theo. Vừa lúc ấy, tôi chợt thoáng thấy một người đàn bà, bận y-thường màu vàng, đi thoát sang bên phòng bên, người đó có vẻ như muốn lánh mặt tôi vậy. Tôi ở phía sau lưng, tôi thấy rõ là Bạch-Tần, từ khổ người tôi đáng sợ, không sai mấy may. Nhưng, tại sao Bạch-Tần lại cố ý không muốn gặp mặt tôi, ở đây? Trước khi rời khỏi biệt-thư Thê-tư-Lãng, tôi có trông thấy chiếc xe xanh của nàng, ở trong nhà xe, kia mà?

Hải-Lan vừa tỉnh dậy. Cô quả có gầy đi ít nhiều, nhưng, không đến nỗi tiêu-tụy. Tình thần cô vẫn sáng hoạt như xưa; chợt trông thấy tôi, cô liền vừa cười, vừa bảo tôi:

— Sao lâu nay, chẳng thấy anh đến thăm em?

— Tôi vẫn định-nhìn đi thăm cô, nhưng, tôi cứ e làm một cô, trong khi cô đang cần tĩnh-dưỡng...

Đó là một câu nói mà tôi đã nhấm đi, nhấm lại, nhiều lần, và trong khi thốt ra nó, tôi

thấy có đôi phần tự lấy làm hổ thẹn; bởi vậy, giọng nói của tôi thiếu hẳn tự-nhiên. Yết một lát, tôi lại hỏi cô:

— À, Bạch-Tần có hay đi thăm cô, không?

— Bạch-Tần ấy à? Thưa có ạ.

— Tôi thiết-tưởng Bạch-Tần phải năng đến với cô, mỗi phải chứ?

— Đúng thế ạ.

Hình như Hải-Lan ngập-nghung không biết nên trả lời thế nào, nên cô nói tiếp:

— Bạch-Tần vẫn lại đây luôn đây, chứ ạ.

— Ô, nếu vậy, tôi có thưa đến thăm cô, cũng không sao.

— Anh nói cái gì lạ thế?

Cô hết sức kinh-nghi hỏi tôi như vậy, rồi, cô thở dài, và tiếp:

— Em không ngờ anh đã thay đổi hẳn thái-dộ, đối với em!

— Không đâu! Dầu anh có thay đổi đi nữa, sự biến-đổi đó không phải là vĩnh-viễn đâu..

Tôi nói xong, liền cúi đầu.

nhìn xuống và tha thiết nói tiếp :

— Em Hải-Lan, em hãy tin ở lời anh, chỉ có sự tương tín của em, có đủ lực lượng để đem can-dâm lại cho anh ! Em Hải-Lan, anh chỉ biết, anh yêu em mãi mãi !

Tôi nhận thấy, hình như Hải-Lan muốn nói gì thêm, nhưng, bỗng lại lặng thinh. Một lát sau cô nói, cô thấy mệt, và muốn đi nghỉ, tôi liền đứng lên, để kiêu từ cô. Sau khi bước ra khỏi căn phòng, tôi dừng chân, đứng lại ở ngoài hành lang. Ở nơi đây, tôi nghe được rõ tiếng nói ở trong buồng. Bỗng, tôi nghe thấy một người hỏi :

— Anh ta về rồi, hả ?

Tôi đoán chừng là giọng nói của Bạch-Tần.

— Vâng, về rồi.

Rõ là tiếng của Hải-Lan đáp. Và, liền đó, Bạch-Tần nói tiếp :

— Thôi thế, bây giờ, chị cũng đi về đây.

Lúc ấy, tôi thấy rất đối là hứng phấn, tôi định bụng mở toang cửa phòng ra, ập vào, để trách móc Bạch-Tần, nhưng ngay khi đó, tôi nghĩ lại. Cái địa vị hiện thời của tôi, nó không cho phép tôi bạo động như vậy, mà làm cho hai người họ ngượng ngùng, khó ăn khó nói. Tôi phân vân ở chỗ tiến, thoái,

lượng nan mất một lúc khá lâu. Sau cùng, tôi bèn quyết định trở vào phòng. Tôi liền làm ra bộ vui vẻ và ung dung mở cửa, vừa đi vào, vừa thốt lên :

— Nào xem, tôi có bắt được tiểu-thư, không nào !

Bạch-Tần hơi tỏ vẻ lưỡng-cuống, không yên; nàng kêu lên :

— Á, ra là anh.

Tôi mau trí, lái câu chuyện sang một mặt khác, để cho nàng khỏi phải ngượng ngịu vì cái cử chỉ khiêm nhả vừa rồi của nàng. Tôi nói :

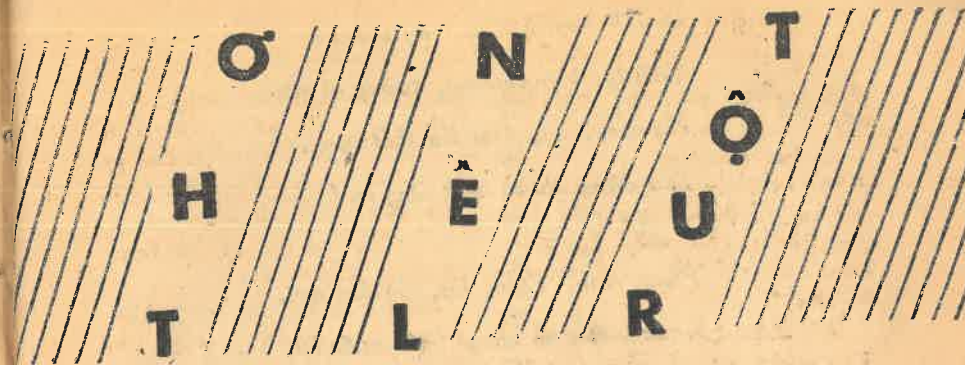
— Chết chửa ! Thì ra tiểu-thư giả đồ đi nghỉ trưa để « lòn » lại đây ! Rồi nửa đùa, nửa thật, tôi trách nàng một cách mềm mỏng :

— Nhưng, dấu sao, xin tiểu thư chớ có coi thường sự tinh-dưỡng. Tuy tiểu thư đã kiên-khang hơn xưa nhiều, nhưng, tiểu thư chớ « lấy thị, làm thương » mà phao phí sức khoẻ ! Có lẽ, tốt hơn hết, là, tiểu thư nên nghỉ trưa ngay ở đây, với Hải-Lan, cho cô ấy có bạn.

Bạch-Tần, bằng một giọng rất tự nhiên, bảo tôi :

— Chỉ tiếc Hải-Lan chưa được khoẻ, mà ngồi chuyện vãn lâu, thế nào cũng làm cho em nó mệt thêm. Anh ngồi chơi đây một lát nữa, rồi, ta cùng ra về, một thể, thì hơn.

(Còn tiếp)



★ ĐIỀU-HUYỀN

Thà đừng thi-cử, mất công toi!

Tú-tài hai cấp, rớt loi-ngoi,
Hai chục phần trăm được đổ thối.
Đền sách mấy năm, dành phải hết,
Thà đừng thi-cử, mất công toi !

Thì giờ vun-vút tự đưa thối,
Cố sức chăm-lo học hần-hối,
Mong đến kỳ thi : trơ mắt ếch !
Thà đừng thi-cử, mất công toi !

Quanh năm bát võ rần sấm-sột,
Triết-lý, Văn-thương, tương có mồi.
Hy vọng, nay đành ôm thất vọng,
Thà đừng thi cử mất công toi !

Pháp, Anh, Toán, Lý, rần đào mồi.
Thức suốt đêm khuya mất muốn mồi.
Vô gặp đề thi ngao-ngán quá,
Thà đừng thi cử, mất công toi !

Tú-tài hai cấp, rớt loi ngoi,
Tám-chục phần trăm phải thiệt thôi.
Thi cử bày chi thêm bận rộn ?
Thà đừng thi-cử; mất công toi !

Diệu Huyền

Chuyện

CÀ

KÊ

TRỌNG-TÁU VÀ BA-TÈO

★ Chiến dịch váy ngắn

Ông hiệu trưởng trường Trung-học hỗn-hợp ở Fort Myers, những lúc sau này, hay thủ một cái thước bằng vải trong túi. Các bạn có biết để làm gì không ? Để đo bề dài mấy cái "păng-tà-lông ôm ộp" của các nữ sinh trường ông. Với mục đích bảo vệ thuần phong mỹ tục, ông đã ra lệnh cấm các cô em không được mặc váy ngắn trên đầu gối quá năm phân.

À ! Thì ra ở ngoại quốc họ cũng đã bắt đầu mở "chiến dịch" nó !

★ Lắm nghề

Ông Hàn-lâm Jean Cocteau kiêm Thi-sĩ, kiêm Điện-ảnh gia, kiêm họa-sĩ, vừa được ủy-nhiệm vẽ loại tem 25 xu (tiền pháp).

Ông đã nhận lời. Thật là lắm nghề nhỉ, sao chẳng chia xốt cho thiên hạ chút tài cho đỡ khổ một số người, nhất là một số Họa-sĩ đang thất nghiệp ? Đã thế ông Hàn-lâm Jean Cocteau lại còn tuyên bố với một nhân viên cao cấp sở bưu điện :

« Nhất định tác phẩm này của tôi sẽ chiếm giải quán quân về số lượng phát hành ». Ông Hàn-lâm Thi-sĩ ơi, ở bên nước Pháp tự-do dân-chủ của ông, ông nói như thế không sao, chớ ở Việt-nam ông mà nói thế thì thế nào cũng sẽ có kẻ ganh ghét tìm cách viết « báo » chữ rửa ông liền !

★ Vứt tiền ra cửa sổ

Một ông tỷ phú người Luân Đôn tên là Alfred Allnatt vừa

mới mua đầu giá một bức tranh.
Có người hỏi :

— Ông mua tấm tranh này
bao nhiêu tiền ?

Ông tỷ phú thần nhiên trả
lời :

— Chỉ có 385.000.000 quan
tiền Pháp.

— Trong khi bỏ ra một số bạc
kếch sù để mua 1 bức tranh
như vậy, tại sao ông không treo
ở tại nhà ?

Ông tỷ-phú vẫn thần nhiên :

— Bởi vì bức tranh đó vĩ-
dại quá, đem làm sao lọt vô cửa
nhà tôi được ? Thôi đành gửi
tạm ở viện bảo tàng quốc gia vậy !

Lòng ham chuộng nghệ thuật
của ông tỷ-phú này cũng lại là
một nghệ thuật vứt tiền qua cửa
sổ !

★ Học sinh không nên ăn tối

Một cậu học sinh ở Hòa-Lan
mắc một chứng bệnh gì đó, mà
bác sĩ bắt phải ăn tối cho thật
nhiều. Cậu nghe lời bác sĩ và
ăn tối nhiều đến nỗi mùi tối
xông lên nồng nặc, cả lớp chịu
không nổi ! Ông hiệu trưởng
buộc cậu phải ở nhà, hoặc là
thôi đừng ăn tối nữa. Bà mẹ

của cậu đã không chịu, cứ cho
con đi học như thường, lại còn
bảo cậu mỗi buổi sáng ăn lót
lòng một nắm củ tỏi to tướng.
Ông hiệu trưởng đành chịu thua,
nhưng mà bạn học của cậu, cả
lớp, cứ chế nhạo cậu quá xá và
tẩy chay cậu, không ai thèm
chơi, không ai đứng gần, không
ai nói chuyện. Cậu học sinh
khóc quá, bà mẹ đành giữ con
ở nhà để con ăn tỏi, chữa bệnh
theo lời bác sĩ. Nhưng luật-
pháp xứ Hòa-lan cấm cha mẹ
không được giữ con ở nhà
không cho đi học, vì vậy bà bị
gọi ra tòa về tội phạm luật giáo
dục. Cũng may, Tòa khoan hồng,
tha bổng bà, nhưng truyền lệnh
cho bà :

— Bà nên bỏ cái toa thuốc
« ăn tối » của bác sĩ, và cho
con trở lại học đường.

Không dè một cái củ tỏi
mà làm rùm ben xôn xao cả một
học đường. Ông bác sĩ từ nay
chắc không dám cho học trò
cái toa thuốc củ tỏi nữa !

★ Ba cô con gái của Ông Churchill

Ông cụ Churchill trên 80 tuổi,
cựu Thủ-tướng nước Anh, đã
được thế giới suy tôn là bậc vĩ
nhân đã chiến thắng về vang

trong trận Đệ nhị Thế chiến
vừa qua, vậy mà ở gia đình
phải chịu thua 3 cô con gái của
ông. Cô thứ nhất, tên là Diana
Churchill, vợ ông Duncan San-
dys, Bộ trưởng Không quân, và
đã 50 tuổi đầu, có 3 người con,
tháng rồi cãi lộn với chồng rồi
xin ly dị. Ông Churchill khuyên
bảo cách gì, bà cũng không nghe.
Cô con gái thứ hai, tên là Sarah
Churchill, 45 tuổi, hồi năm
ngoái say rượu lái xe ẩu, bị
cảnh sát huyết còi, bà ngưng xe
lại, « oánh lộn » với cảnh sát !
Bà vô tiệm rượu, uống rượu
say, cầm chai whisky đập lên đầu
người chủ quán, bị tòa phạt
mấy tháng tù treo.

Còn cô gái thứ ba, Mary
Churchill; 38 tuổi, có 5 người
con, chồng làm Bộ - trưởng
bộ chiến-tranh, cũng là một tay
« quá chời » ! Với tư cách là vợ
ông Bộ trưởng Bộ chiến tranh,
bà luôn luôn gây những cuộc
chiến tranh trong gia đình nhà
chồng, mặc dù cụ bố Winston
Churchill dàn xếp mãi cũng
không đình-chiến!..

Thế mới biết, cha nào con
ấy ... Nên nhớ rằng Churchill
thuộc về giòng họ Malborough...

Trong các bạn, chắc ai cũng biết
bài hát cổ truyền bên nước Anh:
Malborough s'en va-t'en-guerre !...

★ Đại-học muôn năm !

Vừa rồi, bên Mỹ xảy ra một
vụ làm xôn-xao dư-luận cả nước,
và nhất là trong giới sinh-viên.
Vị có 25 ông « Tiến-sĩ » Văn
chương vừa mới thú nhận rằng
họ thi đỗ bằng Tiến-sĩ không
phải là nhờ tự họ học giỏi
mà là nhờ họ đã thuê
người làm giùm bài luận-đề
với giá tiền là 3600 mỹ-kim !

Cả 25 ông « Tiến sĩ » nhảy
dù, trong số có 2 cô, đều bị
bắt. Có điều lý thú là một ông
đã được bổ làm Phó Giám đốc
một trường Trung-học ở Broo-
klyn !

Như vậy thì mấy ông « Cử-
Nhân », « Tú Tài », « Luật-sư »
v.v... giả hiệu của Việt - Nam,
cũng hãy còn là hạng đàn em
đối với các ông « Tiến sĩ » Mỹ
kia ! Há ! Há !

BATEO

và

TRỌNG-TÁU



Truyện dài của cô VÂN - NGÀ
(Tiếp theo P. T. số 34)

VIÊN thiếu úy ngồi bên tôi, lần la hỏi đến cảnh gia đình tôi. Tôi cứ sự thật mà trình bày: nhà đơn, mẹ chiếc, với bảy em dại chỉ trông vào tay tôi.

— Chồng cô ở đâu?

— Chồng tôi đã đi hơn một năm nay. Không có tin tức gì hết.

Người thiếu úy cũng tỏ cho tôi biết y là con trưởng một gia đình khá giả ở gần kinh thành nước Pháp. Y có một đứa em gái bằng tuổi tôi đã chết vì

giặc giã. Y làm phận sự quân dịch và không ngờ lại bị đưa sang đánh giặc ở Việt-Nam; là một trận giặc như bản mà y không thích. Còn tám tháng nữa hết hạn đi lính, y sẽ trở về Pháp để tiếp tục hành nghề kỹ giả. Y sẽ viết một quyển sách nói về nước Việt - Nam mà phần đông đồng-bào của y chưa hiểu thấu hay là đã hiểu lầm. Y cũng không dấu diếm cảm-tưởng của y về chiến tranh và đời sống trong quân đội đã làm cho y chán ngấy lắm.

Khi đến Giồng - riêng, y đổi đài với tôi một cách đặc biệt: giam riêng vào một phòng nhỏ bên phòng gác và cấm không ai được bén mảng gần đây. Tuy nhiên, suốt đêm tôi ngồi ôm khoanh lấy gối, không dám ngủ thiếp đi.

Sáng lại, má và em Năm tôi đã tới bót thăm lom tin tức. Rồi có một tên lính Miền nọ, trước kia nhà ở gần xóm tôi, hiểu hết gia đạo của tôi, liền bắt má và em tôi vào trình cho xếp bót:

— Tụi này thả không được đâu. Anh của thằng này là tù Côn-nôn vượt ngục.

Viên thiếu úy nhìn tôi chừng

KIÊN TRINH

hừng, hỏi sao tôi dấu chuyện ấy với y. Tôi trình bày cho y hiểu anh tôi đã bỏ nhà ra đi từ lâu, không còn dính dấp gì với gia đình nữa, xin y lấy công tâm mà tha mẹ con chúng tôi. Y bảo là việc ấy vượt quá quyền hạn của y nhiều, y không thể nào làm khác hơn là phải giải chúng tôi về tỉnh, vào ngày mai.

Chiều lại, y gọi tôi vào phòng và bảo người thông ngôn nói cùng tôi:

— Ông Một thấy hoàn cảnh của cô, thương lắm; nhưng không biết làm sao gỡ rối dùm. Việc thả hay bắt giam cô là ở quyền thượng cấp của ông, song ông có thể bảo lãnh cho cô và cứu trọn gia đình cô, nếu cô chịu làm vợ của ông. Cô chớ vội giận, ông thiết tình yêu cô, muốn làm đám cưới hân hoan và khi về nước ông sẽ đem cô theo. Cô nên suy nghĩ kỹ đi, mai sẽ trả lời.

Trời ơi! Tôi còn phải suy nghĩ gì nữa? Lòng tôi đã dâng trọn vẹn cho ai kia, làm thế nào mà chia sẻ được? Tôi đã hiểu thế nào là ái tình. Và một con người sống không

tình ái, dù ở địa vị nào, cũng khác chi người chết chửa chôn? Hơn nữa, còn đạo ông bà ràng buộc, còn tình bấu bấu quê hương? Tôi thổn thức suốt đêm, không biết cách nào gỡ rối cho má và em được. Đành là phải liều, tới đâu hay đó. Người ta không thể xem tôi là một vật đổi chác. Và nếu có chết được trong sạch, tôi cũng chẳng từ. Tuổi trẻ hay nghĩ điên, và cũng dám làm cái điên dại ấy lắm!

Sáng lại, tôi trả lời dứt khoát ngay:

— Tôi là gái đã có chồng. Tôi không thể nào chấp thuận được đề nghị nọ. Vậy các ông có che chở được chút nào hay, chút ấy mà thôi.

Viên thiếu úy nhìn tôi, lắc đầu và thở ra. Khi giải tôi xuống tàu, y đứng nhìn theo mãi. Ra đến chợ Rạch-Giá, ba mẹ con tôi bị đưa sang phòng Nhì. Nơi đó, tôi khai là dâu của ông bà bác sĩ. Viên Trung - úy Pháp, trưởng phòng Nhì, có quen biết gia đình ông bác-sĩ, nên đổi đài với chúng tôi có vẻ đặc biệt một chút. Y hỏi đến Thanh và bảo tôi gọi anh đem súng ra đầu hàng

thì thả tôi. Tôi nói thật rằng Thanh đi biệt tích bấy lâu, tôi không biết anh ở đâu nữa. Y lại hỏi đến chú Chín Miên và một người nữa tên là Châu, thợ kỹ quận Giồng riềng. Tôi cũng không biết gì đến hành tung của hai người ấy.

Chúng tôi bị giam gần một tháng nhờ có gia đình ông bác sĩ vận động mới được thả ra với điều kiện là bị quản thúc ở châu thành. Ông bà bác sĩ có hai căn phố trống ở gần rạp hát Hòa-lạc, liền để cho gia đình chúng tôi ở, Má tôi về rước các em tôi ra, cả gia đình sống hăm hút nhờ vào sự tư trợ của ông bà bác sĩ nên cũng đỡ bề đơn chiếc nơi quê người.

Lúc ấy, chị Ba của anh Thanh có lập một câu lạc bộ sĩ quan và đang thiếu người trợ giúp. Má tôi bảo tôi nên đến tiếp tay với chị tôi, và sự có mặt của tôi ở đây cũng tránh cho gia đình khỏi phải bị dòm ngó lời thôi. Tôi làm ở đây được ba tháng, sớm đi tối về, cố gắng cho tròn bổn phận. Sự mệt nhọc không làm cho tôi nản chí và lòng tử tế của gia đình bên chồng càng khiến tôi cố phần

đầu trong một hoàn cảnh trở trêu cứ theo ám ảnh tôi mãi. Đó là sự quấy rầy của các sĩ quan trẻ tuổi cứ vờ tuồng vào bếp để hỏi nầy hỏi kia và chàng ràng bên tôi làm tôi bức mình hết sức mà không dám hở môi thổ lộ với ai được. Túng thét rồi, vào mỗi giờ ăn, tôi phải trốn vào kho vật thực, khóa cửa lại. Thế mà vẫn bị bọn chúng tìm cách mở cửa kho để trông ghẹo. Nhiều khi tôi lòng quá, tôi ôm mặt khóc thầm cho số kiếp cứ gặp phải những điều gian truân.

Viên quan Hai phòng Nhì thỉnh thoảng lại biên giấy mời tôi lại sở, chẳng thấy hấn bảo gì cả, chỉ để cho người thông ngôn Việt là Ách Kệm hỏi vặn về những việc đầu đầu.

Một hôm nọ, Ách Kệm hỏi tôi :

— Cô không hiểu tại sao ông Hai không muốn tiếp ai hết, ngoài ra cô ? Cô không biết thiệt à ? Cô đừng làm cao quá, người ta buồn. E có nhiều sự khó cho cô.

Tôi cũng dư hiểu rồi, nhưng cứ giả dại, giả ngây như thế ngu dần lắm. Ách Kệm liền bảo

nhỏ tôi :

— Sáu giờ chiều này, cô trở lại mà đừng cho ai biết hết.

Chiều hôm ấy, tôi nhờ chị Ba hỏi xem người Trung - ú ý muốn hỏi gì tôi. Hấn cười gượng và nói là muốn biết rõ về một tin tức mà tánh cách quan hệ của nó đã qua rồi. Từ đây, Ách Kệm có đón đường về của tôi mấy lần, tôi đều tránh mặt.

Một dạo nọ, tôi phải bệnh, vắng câu lạc bộ mấy ngày. Khi trở lại làm việc, tôi biết được chị Ba vừa thầu nhập thêm hai đứa trẻ giúp việc nữa. Những người giúp việc thường là những người bị bắt vì tình nghi và sau một thời gian điều tra nhà binh Pháp thấy họ không nguy hiểm mới gởi cho phụ việc ở đây để chờ lãnh giấy phóng thích.

Hai đứa bé nọ trạc 13 hay 14 tuổi, có vẻ thông minh lanh lợi nên được cả câu lạc bộ mến. Tôi biết chúng quá nhiều, vì nhà của chúng ở Giồng-riềng. Tôi nắm tay thằng lớn hơn hết hỏi nhỏ :

— Chết ! Sao tụi bây dám ra đây ? Muốn vụt lựu đạn hả ?

Hai đứa tái mặt, năn nỉ tôi :

— Tôi nghiệp mà chị. Tụi tôi có dám làm gì đâu ?

— Ủ, tụi bây đừng làm theo mững cũ nữa thì tao không nói gì hết.

Trưa hôm ấy, hai đứa bé nọ bỏ trốn mất. Chị Ba có ý phiền tôi vì chị ngỡ là tôi không tử tế với người giúp việc. Trong thời gian bị quản thúc thỉnh thoảng tôi có được tin tức của Thanh. Chàng không còn ở miền Đồng đang xảy ra nhiều vụ tương tàn đẫm huyết trong hàng ngũ kháng chiến nữa. Hiện thời chàng hoạt động bí mật ở vùng Sa-đéc. Cái tin ấy làm cho buồn rầu không ít. Cái hẹn ba năm của chàng thâm thâm và xa xôi quá !

Cách ít lâu sau, người Trung úy phòng Nhì, con người cứ đeo đuổi theo ám ảnh sự an vui của tôi, bị tử trận vì một cuộc phục kích bất ngờ ngoài châu thành ba cây số. Tôi nhẹ nhàng như được giải thoát một sự hăm dọa mà tôi linh cảm được là đang xiết dần lại chung quanh tôi như một chiếc thông lọng.

(Còn tiếp)

BẠN ĐỌC VIẾT (Tiếp theo trang 4)

« bé » đã đề nói những cảm tưởng thẳng thắn của chúng tôi đối với bài họ « chỉ trích » cô Diệu Huyền. Chúng tôi mong rằng tờ báo đó có can đảm đăng bức thư của chúng tôi.

Chúng tôi hoàn toàn tán thành và mến phục thái độ của ông trong khi ông lặng thinh không trả lời cho họ

* Yêu nhớ quê hương

(của ông Trần Thiện Dũng, Canberra — Australia)

Trong những lúc buồn nhớ xứ sở, mặc dầu là ở giữa một đô-thị của xứ người, rộn rịp ngày đêm, chỉ còn có cách tìm lại một cái gì có hơi hám của Quê Hương, chúng tôi ồm ập tập Báo *Phổ Thông* vào lòng, với bao nhiêu cảm động hồi-hộp, chứa chan cảm mến, thừa ông !

... Chúng tôi chỉ đọc những cái tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Nguyễn-khắc-Hiếu, Khái-Hưng, v.v... là tựa hồ như nghe vang lên tiếng nói của dãy núi Trường-Sơn, của sông Nhị, sông Đồng Nai, núi Ngự... Những bài trong *Phổ Thông* như một làn gió mát thơm từ nơi Quê Nhà thổi qua đây, vào tim vào phổi chúng tôi, những đứa con lạc loài nơi lữ thứ ! Thừa ông, xin ông cho phép chúng tôi được gởi trên tờ *Phổ Thông* yêu quý của chúng tôi những mối cảm tình chứa chan nồng hậu về tất cả Bạn đọc thân mến...

... Sau cùng, xin ông làm ơn chỉ cho chúng tôi địa chỉ một nơi nào (nếu có) có chùa thờ Phật ở Australia, để chúng tôi đến thăm-nhuan mùi trầm hương tinh khiết.

Đáp : Ở Australia, quý Bạn có thể hỏi 2 cơ quan Phật giáo : — *Young Buddhist Association*, tại Victoria hoặc là : — *New South Wales Society*, cũng ở Victoria. Hội này có xuất bản một tập báo về Phật học, tên là *Metta*, mỗi tháng ra hai kỳ, viết bằng Anh ngữ.

Xin thành thật cảm ơn bức thư, và xin gởi lời chào thân mến rất cảm động của toàn thể Bộ Biên tập *Phổ Thông* đến bạn, cùng các quý Bạn ở Canberra.



ĐÁP BẠN

BỐN PHƯƠNG

DIỆU-HUYỀN
và BẠCH-YẾN

* Ông T. H. Tân-định

● Tàu biển chạy mấp « GUT » (*Nœuds*) nghĩa là chạy MỘT GIỜ ĐƯỢC MẤY HẢI-LÝ ((Milles marins). Một hải-lý bằng 1.852 mét.

Hải-lý Pháp là tương-trung 1851.m852 đúng với một phần 60 của một độ (degré) của hình tròn quả đất. Hải-lý Anh là 1854m. Nhưng hiện nay cả thế-giới chỉ tính hải-lý 1852m. Đo con đường trên biển thì luôn luôn người ta đo bằng *hải-lý*. Đo theo thời-gian thì tính bằng *gút*. Hai *gút* cách khoảng nhau là 1 phần 120 của một hải lý nghĩa là cứ mỗi 30 giây đồng hồ (1 phần 120 của một giờ) có mấy gút tức là có mấy hải-lý một giờ. Hồi xưa, người ta tính theo *dặm* (*lieue marine*) mỗi dặm là 3 hải-lý (3 milles) $1852 \times 3 = 5556$. Bây giờ người ta đo bằng hải-lý.

● Nói « 12 bến nước » là tam-giang, tứ hải, ngũ hồ, nghe cũng có lý, nhưng không ai biết ba sông gì, 4 biển gì, 5 hồ gì, ở đâu? Giảng-giải theo đó, theo thiên-kiến chúng tôi, sợ không đúng chăng?

● Mấy chữ Hán in sai trong một vài bài trước, ông nói rất phải. Xin cảm ơn ông.

* Em Nguyễn-văn-Thường — 39 dãy nhà công chức Quảng-Trị.

Rất cảm ơn về bài thơ em tặng.

★ **Bạn Lê-văn-Cảng** — *Trường thực-nghiệp Hòa-xa V. N. Chí-Hòa.*

Về ngày Phật-đản, các nhà Bác-học Anh và Đức (như Oldenberg) nghiên-cứu theo các di-tích của Phật, và cho là Phật sinh 563 năm trước T. C. Lại có vài nhà khảo-cổ Pháp đoán là 560 năm, hoặc 556 năm. Hiện nay vẫn CHƯA AI XÁC NHẬN ĐÚNG NĂM SINH CỦA PHẬT, nên có nhiều sách nói khác nhau.

Trong *Phồ-Thông* chúng tôi theo thuyết Oldenberg và kinh Pāli *Budhavarusa*, thì cho là 563 năm, tức đến năm 1960 là 2523 năm.

Về ngày tháng, các kinh sách và các nhà khảo cổ cũng không hoàn-toàn đồng-ý với nhau. Ở Việt nam tính ngày 8 tháng 4 làm ngày Phật-đản, nhưng ở một vài xứ khác theo Phật-giáo, lại chọn ngày khác, vì một lẽ nữa là các niên lịch không giống nhau. Ngay ở trên bia đá do vua Açoka dựng nơi vườn Lumbini, dưới gốc cây Asoka cũng chỉ ghi rằng: « Nơi đây đức Gautama Çakya Muni đã ra đời... » Chứ không ghi rõ ngày, tháng, năm nào. Tuy nhiên, theo các tài-liệu còn để lại và các kinh sách, thì có điều chắc chắn là Đức Phật Thích Ca ra đời TRÊN 550 NĂM TRƯỚC J. C.

Về việc Hoàng-hậu Maya chết, cũng không có kinh sách nào nói đúng ngày, tháng, năm. Có nhiều kinh sách không hề nói đến việc Hoàng hậu chết. Về Rahula, con trai của Thái-tử, có kinh nói rằng sinh ra trước ngày Ngài xuất giá tầm đạo, có kinh lại nói rằng sinh sau.

Tóm lại, những sự kiện lịch-sử về đời sống của Đức Phật và những hoạt-động của Ngài, thì không chối cãi được. Nhưng các năm tháng thì chưa có tài-liệu nào chính-thức để làm tiêu-chuẩn đích xác. Tra cứu các sách, nhiều khi chúng ta thấy ngày tháng cách biệt nhau hàng 20 năm...

● **Một độc giả không đề tên, ở Đà-Nẵng**

Quyển *Nam Thu hòa khúc* sẽ gởi tặng các nhà Thi-sĩ có thơ trong tập ấy. vào dịp *Trung Thu* năm nay, để thích hợp với thời-gian, chứ không tặng vào mùa Xuân hay mùa Hè.

★ **Bạn Hoài-Linh, nữ sinh đồng khánh - Huế.**

Về năm sinh và năm chết của các Văn sĩ Tiền Chiến, rất tiếc chúng tôi không được biết rõ, vì chưa có ai viết về tiểu-sử đứng-dẫn của các nhà văn ấy.

★ **Bạn Thiện Hoài, An-Cựu, Huế.**

Những nước có tên trên mấy con «tem» ngoại-quốc của bạn, mà bạn muốn biết rõ:

Açucare: là Đảo Acores ở Đại-tây-Dương thuộc về Portugal.

Sverige: Suède (Thụy-Điền) Bắc Âu,

St. Helena: Đảo Sainte Hélène, thuộc Anh, ở Nam Đại-tây-Dương.

San Marino: Nước Cộng hòa tiny hơn ở phía Bắc nước Ý, rộng 59 km², dân số 14.000 người.

Cesrolovenska: Tiệp-khắc (Schécoslovaquie).

Poloka: Ba-Lan (Pologne).

Mocambique: một tỉnh thuộc Bồ-đào-Nha, ở Đông Phi Châu (Mozambique).

Pcosp: Nga xô (R.S.F.S.R. : République Socialiste Fédérative Soviétique Russe).

Tất cả những nước dùng tiền Pyb (Rouble) là ở Nga-xô.

☆ **Bạn Hồng-Khuê, Phan Thiết.**

● Loài người đã xuất-hiện trên trái đất từ 5000 năm rồi.

● Jésus Christ mới ra đời cách đây 1960 năm, là con của Chúa Trời, (theo kinh *Tân Ước*), chứ Jésus Christ không phải là Chúa Trời tạo-lập ra vũ-trụ, (theo kinh *Cựu-Ước*).

★ **Ô. Phan Huy, Đà Nẵng.**

Về việc cậu em của ông đã nộp đơn thi Tú Tài, mà bị Bộ giáo dục gạch bỏ tên trong danh sách thí sinh kỳ này, thì ông nên gởi thơ báo đảm lên hỏi ngay ông Bộ trưởng Bộ giáo-dục.

★ **Ô. Nguyễn văn Hoạch, Saigon.**

Về sự phân biệt *Nam thất*, *Nữ cứu*, như đàn ông có ba hồn *bảy*

vía, đàn bà thì ba hồn chín vía v.v. là hoàn toàn do mê-tín dị đoan từ xưa truyền lại, không có sách vở nào chỉ dẫn rõ ràng. Khoa học, dĩ-nhiên, không đề cập đến vấn đề ấy.

★ **Cô Trần Thị Nhung, 189 Nguyễn Thái Học—Saigon**

● Hoàng-tử là con trai của vua, nói chung.

Thất-tử là nói riêng con trai trưởng sẽ được nối ngôi vua.

● Tiếu thuyết của Delly, theo ý riêng của chúng tôi, các bạn trẻ tuổi nên coi, rất hay và không hại gì cả.

★ **Cô Nữ sinh Pháp trường Les Lauriers — Saigon.**

Câu của Pierre Loti : *« Rien que l'éternité des choses qui sont et qui ne peuvent se dispenser d'être... »* giảng sát ý ra viết văn như sau đây : « chỉ có sự vĩnh cửu của các sự vật đang có và nhất thiết không thể không có được ... »

☆ **Bạn Hoài Thu, 295 Võ Di Nguy Phú Nhuận**

● Tự-diễn *Anh Việt Pháp* và *Việt Anh* hiện xuất bản nhiều lắm, không thể nói là quyền nào hơn quyền nào. Vậy bạn nên chịu khó tự mình đến hiệu sách tìm, tra thử một vài chữ, nếu quyền nào giảng rõ ràng đầy đủ hơn, thì mua quyền đó.

☆ **Cô Minh Hồng, Gò công...**

● Chúng tôi không được biết ai là « nhà văn Định gia-Trình » hồi tiền chiến.

● Nhân sinh quan là quan niệm về đời sống con người.

Diễn hình : lấy làm thí dụ, Nhân vật diễn hình là nhân vật kiểu mẫu, lấy làm thí dụ.

★ **Ông Trung Tá S.X.**

Không có phép xã giao nào dù ở các nước văn minh Âu Mỹ, cấm người ta hút thuốc giữa đám đông người. Ở trong phòng chớp bóng, từ hồi trước kia đã có lệ « cấm hút thuốc » vì SỢ XÂY RA HỎA HOẠN, chứ tuyệt nhiên không phải vì « kém lịch sự » như

mấy lời (của ai?) cho chiếu trên các màn ảnh Saigon. May rằng mấy lời « cấm hút thuốc » vì « phép xã giao » lỗi bịch kia, viết bằng Việt ngữ chứ nếu viết bằng ngoại ngữ, chắc chắn là người ngoại quốc sẽ cười vào lỗ mũi chúng ta ! Nếu vì phép lịch sự công cộng, cấm hút thuốc, thì sao trong các buổi diễn thuyết, trong các rạp hát khác, các phòng nhēm Hội nghị quốc-tế v.v. vẫn hút thuốc tự do ?

● « Cấm hút thuốc » trong rạp chiếu bóng, văng, đồng ý, vì từ trước đã có nhiều vụ hỏa hoạn trong các phòng xi-nê Âu-Mỹ do một điều thuốc hay một que diêm bất cẩn, vô ý gây ra. Nhưng nói rằng cấm hút thuốc trong phòng xi-nê « vì phép lịch-sự » thì ... xin lỗi !

Cấm hút thuốc trong phòng xi-nê, cũng như cấm hút trên máy bay, hoặc các nơi bán dầu xăng, cấm hút trong các xưởng kỹ-nghệ có dùng dầu máy và các chất nhạy lửa như xưởng chế sơn, xưởng giấy, nhà in, v.v... là hoàn-toàn có tính cách an ninh công cộng. Còn nói « cấm hút thuốc » vì phép xã-giao, « bất lịch-sự với người ngồi bên cạnh » v.v., thì xin hỏi phép « xã-giao » của nước nào đó ? đặt ra từ hồi nào ?

Đưa lên màn ảnh một bản cáo-thị, trước mặt muôn ngàn người, có cả số đông người ngoại quốc, mà không có lý-do đúng đắn là một điều vô-ý thức, không nên làm.

Chúng tôi hoàn-toàn đồng ý với Trung-tá về diêm đó.

Muốn Sống Vui mỗi tuần, nhớ đón đọc

VUI SỐNG

BÌNH-NGUYỄN-LỘC chủ biên, với một bộ biên tập hùng-hậu:

Phóng-sự, điều-tra : Nguyễn-Ang-Ca, Sơn-Linh, Anh-Quân, Phạm-côn-Sơn, Hoàng-An, Triệu-Viêng-Mân...

Thề-thao : Huyền-Vũ, Phan-như-Mỹ, Thanh-Đạm, Lê-Quốc, Lê-ngọc-Hiền.

Sáng-tác : Tô-Yến-Châu, Trần-văn Miêng, Diên-Quỳnh, Vinh-Lan, Thi-Hoài-Thị, Kiều-mỹ-Thôn, Từ-trâm-Lệ...

Thi-ca : Như-Trị, Thâm-thệ-Hà, Anh-Tuyển, Hồ-Liên-Tử, Viễn-Châu...

Kịch trường tân-nhạc : Ngọc-kỳ-Lân, Hồn-n hệ-Sĩ, Bàu-Râu, Nghệ-sĩ cà-lam, ...

Hay ! Vui ! Lạ !

8 TRANG LỚN

3 ĐỒNG

đã phát hành số 3

Sách báo mới

Những sách giới thiệu trong mục này là những tác-phẩm chúng tôi đã nhận được trong tháng. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn các Tác-giả.

★ Men nhạc chiều nhạc và lời của **Duy - Cường**.

Nhà sách **PHI ANH** xuất bản — 120 Nguyễn - thái - Học — Hội-An)

Nhạc phẩm men nhạc chiều hay khúc hát chia tay của những người bạn thân nhau nhịp Valse Lente.

★ **Communion — Cảm thông**.

Thơ của **VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG**. Edition Nguyễn-Khang 53/18 Nguyễn-khắc-Nhu — Saigon. Độ 15 bài, trong đó có vài ba bài được dịch ra Pháp văn, do Simone Kuhnén de la Coeuillerie và dịch ra Anh văn, do Nguyễn-Khang. Tranh vẽ của Isabel Baes. Ý Thơ của tác giả phảng-phất trong một đoạn thơ " *Nguyện Cầu* " sau đây :

Đề ta tròn một kiếp say
Cao xanh liêu một cánh tay náu trời
Thơ ta chẳng viết cho đời
Không vang nhịp khóc dây cười nào đâu
Tâm hương đốt nén linh sâu
Nhớ quê dâng đặc ta cầu đó thôi
Đêm nào ta trở về ngôi
Hồn Thơ sẽ hết luân hồi thể gian

.....

SÁCH BÁO MỚI

Bản dịch ra Anh văn :

.....

*My poetry, I have neither aim nor pride
To address or dedicate to human creatures.
It can resound no single sob for life,
Nor can echo any fit of laughters.
The incense from my heart's depth kindling,
Its fragrance evokes the sadness of my soul.
Too long an absence I am now mourning
Skysick, I pray, most stirred by Home's call.
Some night, when amidst a starry vault,
My star mounts high his divine throne,
My poetry forever gives up her cycle
And no more pursues her wordly circle...*

.....

★ **Lỗ Bình Sơn trên hoang đảo** (Robinson Crusoe)

Loại sách song-ngữ của nhà xuất-bản Học Vui — 8 công trường An-dông, Chợ lớn — Nguyên-tác Anh-ngữ, do Lưu-Băng dịch ra Việt-ngữ.

★ **Nhà văn hiện đại**

Quyển IV. Tập thượng và tập hạ, của **Vũ-ngọc-Phan**, xuất-bản ở Hà-nội năm 1942, do Thăng-long tái-bản ở Saigon, tháng 6-1960.

Quyển Thượng nói đến các nhà viết tiểu thuyết phong tục (Khái-Hưng, Trần - Tiêu, Phạm-mạnh-Tư, Bùi - Hiền, Thiết - Can) tiểu thuyết luân đê (Nhất-Linh, Hoàng-Đạo) tiểu thuyết luân lý (Lê-văn-Trương) tiểu thuyết truyền kỳ (Lan-Khai, Đái-đức-Tuấn) tiểu thuyết phóng sự (Chu-Thiên) tiểu thuyết hoạt kê (Đồ-Phồn)

Quyển Hạ nói đến các nhà viết tiểu thuyết tả chân (Nguyễn-công-Hoan, Vũ-Bằng, Nguyễn-dinh-Lập, Tô-Hoài) tiểu thuyết xã-hội (Trương-Tửu, Nguyên-Hồng, Thạch-Lam, Đồ-đức-Thu, Nhượng

Tống, Thanh-Tĩnh, Thụy-An, Xuân-Huy, Ngọc-Già, Nguyễn-Vỹ, *từ thuyết trình tham* (Phạm-cao-Củng)

Viết năm 1942, toàn bộ *Nhà văn hiện đại* này (gồm 5 quyển và trên 1270 trang) có một lối phê bình rất vô tư, tỉ mỉ, đáng khen, nhưng rất tiếc những nhận xét của Vũ-ngọc-Phan không xác đáng lắm, và quá chặt chẽ như những bài toán học hơn là những bài phê-bình văn nghệ.

Dù sao, bộ sách này là những tài-liệu vô cùng quý báu của văn học-sử Việt-Nam cận đại.

* Đại Nam nhất thống chí — lục tỉnh Nam Việt.

Hai quyển (Thượng và Hạ) — Dịch giả : Tu Trai Nguyễn-Tạo cử nhân Hán học. Nha văn hóa Bộ Quốc gia Giáo-dục, xuất bản. Cả hai quyển dày độ 250 trang — Giá bán 32\$ — Ai cũng biết Bộ *Đại Nam Nhất thống chí* này là do Quốc sử quán ở Huế soạn bằng chữ Hán theo lệnh của vua Tự-Đức, từ năm 1865 đến năm 1882 mới xong.

Bộ sách này, nay được dịch ra Việt văn, thật là một kho sử-địa rất quý giá về 6 tỉnh Nam-việt hồi thời Tự-Đức : *Biên-hồ, Gia-định, Định-tường, Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên*. Chúng ta tìm được trong đó nhiều tài liệu mà lâu nay không có sách nào nói đến.

* Sử liệu Việt Nam

Của Tuần lý Huỳnh-khắc-Dụng (Ô. Bửu-Cầm hiệu chính) Nha Văn - hóa Bộ Quốc - Gia Giáo - Dục xuất bản. Gần 200 trang — giá 25\$

Ông Tuần lý Huỳnh-khắc-Dụng là Dự Thâm Tòa Án Saigon, và cũng là một Thi sĩ mà các giới trí thức Thủ-đô, ai cũng biết. Quyển *Sử liệu Việt-Nam* chứng tỏ những công lao rất đáng khen của ông sưu tầm đầy đủ, theo các bộ sách xưa rất quý báu của Lê-quý-Đôn, Phan-huy-Chú những sách biên khảo rất xác đáng của LÉOPOLD CADIÈRE, EMILE GASBARDONE, TRẦN-VĂN-GIÁP L. AUROUSSEAU v.v.. làm thành một bản tổng kê đầy đủ, sắp đặt có thứ lớp và giải thích rõ ràng về các sử liệu Việt-Nam.

Nhận định về cuộc khủng hoảng chính trị tại Đại-Hàn

Nhân cuộc khủng hoảng chính trị xảy ra tại Đại-Hàn, Cộng-Sân và Việt-Cộng đã cố hồ reo tuyên tạc để cho người ta có cảm nghĩ, cho rằng những biến cố ở Đại-Hàn có lợi cho chúng, hay hiểu một cách sai lạc khác nữa là những biến cố đó do chính Cộng-Sân gây nên.

Sự thật thì khác hẳn, Chính phủ mới của Đại-Hàn chú trọng vào mặt cải tiến nhân sinh, củng cố dân chủ nghĩa là chống Cộng một cách tích cực và kiên quyết, càng khiến cho Cộng-Sân một lần nữa kết đường huênh-hoang.

Sở dĩ Đại-Hàn có cuộc khủng hoảng này là vì ; từ lâu đã có sự chia rẽ và mâu thuẫn trầm trọng giữa hai Đảng Tự-Do và Dân-Chủ trong Quốc-Hội Đại-Hàn. Đảng Tự-Do do ông Lý Thừa-Vân lãnh đạo và Đảng Dân-Chủ do phó Tổng Thống Chang-Myon lãnh đạo. Hai đảng này chống đối nhau kịch liệt, họ đã kích nhau triệt để, mục đích để dành lấy quyền hành pháp.

Một lẽ nữa, là sự chia rẽ và chống đối kịch liệt giữa các nhân viên hành pháp tối cao Đại-Hàn — Giữa ngay Tổng Thống Lý Thừa-Vân và phó Tổng Thống Chang-Myon.

Không những thế chính sách đối nội và đối ngoại của Đại-Hàn càng ngày càng đi đến chỗ bế tắc như : Chính phủ Lý Thừa-Vân lo chống dân, Dân-Chủ và ông phó Tổng Thống, mà chênh lệch sự lo lắng về phương diện cải tiến dân sinh, định cư cho hàng bốn triệu người tị nạn Cộng-Sân. Đại-Hàn cũng không đặt vấn đề chống Cộng cho đúng tầm quan trọng xứng đáng của nó. Về mặt chống Thực, chính phủ Lý Thừa-Vân cũng không khôn khéo khi đã được độc lập : cắt đứt mối bang giao với Nhật không buôn bán, không hợp tác với chính phủ Nhật làm cho nhiều vấn đề kinh tế, thương mại, chính trị lệ thuộc cho đối bên bị gạt bỏ.

Một điểm nữa là tình trạng bấp bênh của sinh viên tốt nghiệp, thiếu công ăn việc làm và sự bất mãn giữa lớp người đứng tuổi với số người quá già trong chính quyền. Vì, tại Đại-Hàn có quá nhiều Đại-học đường tổ chức bừa bãi cấp bằng lung tung, giá trị thấp kém. Do đó, mảnh bằng trở thành vô giá trị nên đã tạo ra vô số sinh viên tốt nghiệp các « Đại-học đường » ấy thất nghiệp suốt đời. Lại thêm giới đã đứng tuổi nóng lòng thay thế lớp người đã quá già nhưng những người này vẫn yên vị trong hàng ghế lãnh đạo, v.v...

Qua vài nhận xét trên đây cũng đủ để cho chúng ta thấy rõ cuộc khủng hoảng của Đại-Hàn xảy ra là phải, và để chúng ta cũng nhận định sát, sự luận đúng, cùng đánh bật sự so sánh một cách quá lăm lăm của một số người hoặc chưa hiểu rõ then chốt của vấn đề hoặc là tay sai cho Cộng-Sân, Việt-Cộng hoặc vẫn còn tiềm nhiệm óc phong kiến Thực dân.

XỔ SỐ KIẾN-THIỆT

LOẠI ĐẶC - BIỆT

Thanh-niên bảo-vệ hương-thôn



Phát - hành 4 kỳ : 

Loại I mở ngày 10-5-1960

— II — 24-5-1960

— III — 7-6-1960

— VI — 21-6-1960

Mỗi vé giá 10*

K. D. số 220 — Saigon, ngày 28-5-1960

In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon

24
24

Quản nhiệm NGUYỄN-VỸ